

Phan

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



1993



XUÂN LOAN

NỘI SAN

NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC



CHÚC MỪNG NĂM MỚI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 01 tháng 01 năm 1993

XUÂN QUÝ DẬU
PHẬT LỊCH 2536 - DL 1993

THƯ CHÚC TẾT
CỦA HÒA THƯỢNG PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nam mô Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Mùa xuân mới lại về với dân tộc, với đất nước, với những người Phật tử Việt Nam ta, thay mặt Trung ương Giáo hội Phật giáo VN, tôi xin kính gửi đến chư vị tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng ni cùng toàn thể Phật tử Việt Nam ở trong nước và ngoài nước lời chúc mừng năm mới an lành nhất, tốt đẹp nhất.

Năm qua Giáo hội ta vừa tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III thành công viên mãn, với tinh thần đoàn kết hòa hợp giữa những người con Phật, tổng kết đánh giá một chặng đường hoạt động và phát triển của Giáo hội.

Nhờ có sự đoàn kết thống nhất, Giáo hội ta đã làm được nhiều việc trọng đại hoằng dương Phật Pháp, lợi lạc quần sinh, góp phần ổn định và phát triển của đất nước, nối tiếp truyền thống quý báu của chư liệt vị tiền tổ, được nhiều người ủng hộ, được sự đánh giá cao đẳng việc Nhà nước trao tặng Giáo hội Huân chương Cao quý - Huân chương Hồ Chí Minh, tôi rất vui lòng và có lời tán thán công đức của chư vị.

Đạo Phật là đạo của từ bi và Trí tuệ, mọi người con Phật chúng ta với nếp sống lục hòa cộng trụ, Phật giáo Việt Nam ta vốn có truyền thống tốt đẹp - truyền thống yêu nước gắn bó với dân tộc, tôi mong rằng sang năm mới mọi tăng ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ngoài nước hãy đóng góp tích cực và thiết thực cho sự phồn vinh thịnh vượng của đất nước, tạo sự an lạc và hạnh phúc của nhân dân ; vì sự hưng thịnh và phát triển của Phật giáo Việt Nam.

Câu Chư Phật gia hộ cho chư quý vị an khang, Phật sự viên thành.

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt GHPGVN chân thành kính chúc các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước dồi dào sức khỏe để đưa đất nước ta đi lên, nhân dân ta yên vui, hạnh phúc.

Nam mô Thường tinh tiến Bồ tát Ma Ha Tát.

Pháp chủ
Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Hòa thượng THÍCH ĐỨC NHUẬN

Hà nội, ngày 01 tháng 01 năm 1993

XUÂN QUÝ DẬU
PL. 2536 - DL.1993

THƯ CHÚC TẾT CỦA
HÒA THƯỢNG PHÂN VIỆN TRƯỞNG
KIÊM TỔNG BIÊN TẬP NỘI SAN
NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nhân dịp đầu xuân mới, thay mặt Phân viện Nghiên cứu và Ban biên tập Nội san Nghiên cứu Phật học, tôi xin có lời kính chúc chư vị tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng ni, chư vị cư sĩ Phật tử, chư vị độc giả, các vị cộng tác viên của Phân viện ở trong nước cũng như ở ngoài nước một năm mới an khang thịnh vượng.

Nhờ ơn Tam bảo và được sự cộng tác của chư quý vị, của các cơ quan ở Trung ương và địa phương và các nhà hảo tâm công đức ở trong và ngoài nước, năm qua Phân viện Nghiên cứu Phật học và Nội san Nghiên cứu Phật học đã vượt qua được nhiều khó khăn thiếu thốn về cơ sở vật chất, tài chính, bài vở, đã thành tựu được nhiều công việc lợi ích cho việc hoằng pháp và đóng góp vào kho tàng văn học của dân tộc, Nội san Nghiên cứu Phật học đã lần lượt ra mắt độc giả, một số kinh sách được phiên dịch, biên soạn và xuất bản. Đặc biệt là bộ Phật học Từ điển Hán Việt một công trình đồ sộ đã được biên soạn hoàn chỉnh và đã được xuất bản tập I, đề chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III GHPGVN, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và tu học trong giới Phật giáo và những nhà nghiên cứu khoa học xã hội được nhiều cơ quan ở trung ương và các tỉnh, thành phố và nhiều độc giả quan tâm hưởng ứng. Hiện nay đang dịch bộ Tứ phần Luật tạng gồm 60 quyển. Tôi xin thành tâm tri ân Quý vị.

Sang năm mới, tôi mong chư vị tôn túc, quý vị tăng ni, cư sĩ Phật tử, quý vị độc giả, quý vị cộng tác viên của Phân viện phát Bồ đề tâm, hoan hỷ chỉ bảo, giúp đỡ hưởng ứng bằng cả tinh thần và vật lực, bài vở để Phân viện và Nội san hoạt động ngày càng thêm phong phú, góp phần cho việc hoằng pháp lợi sinh, đóng góp thiết thực vào việc củng cố nền đạo đức xã hội, góp phần cho đất nước phồn vinh thịnh vượng.

Xin cầu Chư Phật gia hộ cho Quý vị một mùa Xuân An lạc.

Nam mô thường tinh tiến Bồ tát Ma ha tát.

Phân viện trưởng Kiêm
Tổng biên tập Nội san
Nghiên cứu Phật học

Hòa thượng KIM CƯƠNG TỬ

PHẬT LUẬT HỌC

PHẠM VI HÀNH ĐẠO CỦA THANH-VĂN LA-HÁN

Luật học KIM CƯƠNG TỬ

Những vị nhất hướng tiến lên Thanh văn đạo, địa bàn hành đạo rộng rãi khắp cõi Tam thiên Đại thiên thế giới⁽¹⁾.

Nghiệm như ngài Tôn giả A-na-luật-đa co thiên nhơn tốt nhất, nhìn được khắp cõi Đại-thiên như nom vào lòng bàn tay mình.

Tôn giả Mục-liên thần thông đệ nhất, dùng phép thần túc bay suốt cõi Đại thiên chỉ trong thời gian bằng một nháy mắt nếu muốn đi quá ra ngoài thế giới rất xa xăm thì phải nhờ vào thần lực của Phật.

Duyên giác tức Tích-chi Phật, đạo quả cao hơn Thanh văn mà có câu: "Cực quả Đại thiên" - quả vị chỉ là cõi Đại thiên. Địa bàn của Duyên giác như vậy thì địa bàn của Thanh văn cũng tương đương.

Nói về phần nhờ Phật độ hay nhờ phép Phật, đời trước có người thành kính cúng

Phật có một bó hoa mà sau được sinh lên cõi trời hưởng phúc lành hàng bao đời kiếp, lại còn được Phật thụ ký (chứng nhận) cho sẽ được thành Phật.

Nếu ai nhất tâm niệm Phật, vâng theo lời Phật dạy, nghe Phật thuyết pháp mà giác ngộ hay nhờ sức thiêng của câu Kinh Chú, đều được công đức lợi ích to lớn không thể lường được. Người tại gia tin theo Phật, dù tiêu chuẩn cũng được sinh lên các cõi trời yên lành sung sướng. Ai hay niệm đức Phật A Di Đà, theo con đường tắt cầu vãng sinh Cực lạc, thì còn lợi lạc không thể nghĩ bàn.

Đây nói hành đạo là nói sự nghiệp chuyên môn của những vị trụ trì làm việc đạo, tiến lên con đường giải thoát từ thấp đến cao ở cõi Sa-bà này, có ngôi thứ trong đạo Phật, có quyền lợi đặc biệt khác đời, hoạt động Phật giáo vùng vẫy khắp cõi thế gian.

Bắt đầu từ khi còn ở hàng phàm phu như mọi người trần thế, lần lượt tiến lên đến bậc A La hán, là ngôi thánh tột bậc khoảng ba đời hoạt động liền.

Đời thứ nhất - Gây mầm giải thoát; thuận theo đạo pháp, tích công góp đức, sinh sôi nghiệp đạo, giành phần độ thoát.

Vận dụng Tứ đế lý làm cơ sở ứng tiếp với đời.

Trong 10 bậc địa (ngôi hiền thánh) phần thưởng chung của ba thừa, thì hiện ở đời này đã lên được bậc Can-tuệ địa, về Phật

pháp đứng gần hàng ngoại phạm đối trong
đẳng bậc của đạo Phật. Như vậy là hơn
người thế tục, vì vị hành giả này thuộc
hàng ngũ đạo nhân.

Về y báo thường ở cõi người mà hành
đạo, tu nhân.

Đời thứ hai - Giành phần Thuận quyết
trạch đạo pháp. Nghĩa là : Quyết định lựa
chọn đường lối tiến lên, xả phạm vào
thánh.

Tăng cường phép Tứ đế cho thêm vững
về giáo thừa.

Được có bảy phép phương tiện tùy thân,
gọi là bảy phép gia hành, lại gọi bảy phép
của hiền vị.

Trong đời thứ hai này, hành giả đã qua
cánh ngoại phạm (ba ngôi trước còn thuộc
ngoại phạm) tiến vào nội phạm, thành bảy
bậc hiền nhân gọi là bậc Tính địa : thứ hai
trong 10 bậc địa.

Cao quý nhất trong bảy bậc hiền là ngôi
Thế-đệ nhất, tức là ngôi Đại hiền gần với
ngôi Á-thánh. Ngôi Á-thánh vốn là ở thời
điềm hậu tâm phát sinh của ngôi Đại hiền
Thế-đệ nhất tinh tiến vươn tới.

Ngôi Sơ hướng hay gọi Tu-đà-hoàn
hướng, tức ngôi Á-thánh vừa nói trên,
cũng như ý nghĩa bậc Chuẩn thánh biệt
hiệu của ngôi hướng này là Bát-nhân địa
hay Bát-nhãn địa : bậc thứ ba trong 10 bậc
địa. Đến đây hành giả chỉ việc chuẩn bị
tăng chính vị các ngôi thánh (nhân và quả)
sau này.

Như vậy trong đời thứ hai này đã được
siêu thăng từ bậc hiền lên gần bậc thánh.
Đời này bảy hiền vị, đời sau bảy thánh vị.

Y-báo thường sinh cõi trời cõi người
hành đạo, tu nhân.

Đời thứ ba : Trong một đời này nhất
tâm tinh tiến, sẽ chứng được cả bảy ngôi
thánh (kể cả ba ngôi hướng quả) từ bậc
kiến địa thứ tư (Sơ quả) lên đến bậc
Đĩ-biên địa thứ bảy (tức A-La hán). Hoặc
tuần tự hoặc vượt bậc (chứng lên nhanh
chóng trọn vẹn).

Trước hết Giới và thừa (Tứ-đế) đều
cùng xúc tiến.

Khi ở ngôi Sơ hướng tiến lên, bớt bỏ
được ba điều : "thân kiến", "giới thù", "ngghi
kết", liền đoạn được hết kiến hoặc thuộc
ba cõi trong thế gian chứng lên ngôi thánh
Sơ quả Tu-đà-hoàn : bậc Kiến địa trong 10
bậc địa. Có hai thứ vọng hoặc nặng nề nhất
thì vị này đã đoạn kết được một thứ kiến
hoặc.

Từ đây hành giả được hai thứ lợi ích rất
lớn, mà hết thầy người trần tục không có
tiêu chuẩn này : 1- Vĩnh viễn không đọa
địa ngục, ngã quý, súc sinh ; 2- Thường
sinh cõi trời, cõi người hưởng thụ phúc
lành an lạc không bao giờ hết.

Y-báo cõi trời, cõi người (Dục giới) là
chính xứ

Trong sự nghiệp hành đạo, hành giả bảy
lần sinh lên sáu cõi trời Dục giới ; bảy đời
sinh cõi người. Một đời trời một đời người

hợp thành một cặp gọi là một phiên sinh hóa. Dù bày phiên sinh hóa thi lên ngôi A-La hán cực quả thánh xuất trần (Bày phiên tính kỹ thành 14 cặp sinh hóa).

Công lệ về phiên sinh hóa, khi đắc đạo Sơ quả ở cõi người, thì sau chứng lên các ngôi trên cũng chứng tại cõi người ; đắc đạo Sơ quả ở cõi trời thì sau chứng lên các ngôi trên cùng chứng tại cõi trời. Ví như ở trong đời người hiện tại đương sinh sống, khi đắc thánh quả, phải trừ đời này không kể, sang đời sau lên cõi trời mới kể sinh rồi hóa đi, tiếp sinh cõi người lại hóa đi mới thành một phiên sinh hóa (thứ nhất). Bắt đầu đắc đạo tại cõi trời cũng chiều thế lệ này.

Ở đây trở lên còn được hưởng sáu ngôi thánh (ba ngôi nhân, ba ngôi quả).

Thứ tự dưới trước trên sau. Tư-đà hàm nướng, Tư-đà hàm quả (Nhị quả). A-na-hàm hương, A-na-hàm quả (Tam quả) ; A-La hán hương, A-La hán quả (Tứ quả, Vô học hay Vô sinh).

Vấn đề đoạn hoặc chứng chân, hai thứ vọng hoặc : Kiến và tư cần phải đoạn trừ thì ngôi Sơ quả đã đoạn hết Kiến hoặc (vừa nói trước), còn tư hoặc của Dục giới chia thành chín phẩm, thì hai ngôi Nhị quả và Tam quả đoạn trừ.

Hành giả diệt được từ một phẩm đến năm phẩm tư hoặc trước, đều thuộc địa vị Tư-đà-hàm hương ; diệt được sáu phẩm trước liền lên ngôi thánh Tư-đà-hàm quả,

thuộc bậc Bạc-địa trong 10 bậc địa. Bạc này còn gọi là ngôi Nhất-lai, sau một phiên sinh hóa nữa liền thành A-La hán.

Y báo của vị Nhất lai ở cõi trời Dục giới là chính.

Hành giả diệt được tư hoặc phẩm thứ bảy và thứ tám thì là ngôi A-na-hàm hương ; diệt hết phẩm thứ chín cuối cùng lên ngôi thánh A--na-hàm quả, thuộc bậc Li-dục địa trong 10 bậc địa. Bạc này còn gọi là ngôi Bất hoàn, hành đạo ở nguyên cõi Sắc giới không trở lại cõi Dục giới nữa.

Y báo của các vị thánh này ở năm tầng trời trên cùng cõi Sắc giới.

Nguyên cõi Sắc giới có 18 tầng trời, 13 tầng dưới là nơi của những người có phúc lớn cùng chư tiên, hiền, thánh thế gian sinh đến, từ tầng thứ 14 là Vô-phiền thiên, 15 là Vô-nhiệt thiên, 16 là Thiện-kiến thiên, 17 là Thiện-hiện thiên, 18 là Sắc cứu kính thiên tại đỉnh nóc cõi Sắc giới. Năm cõi vừa kể gọi Tịnh cư thiên là nơi riêng biệt của chư vị thánh Bất hoàn đồng cư.



Các vị thánh Bất-hoàn tu dưỡng ở cõi trời này, đoạn tư hoặc từng phần lên ngôi A-La hán hướng tiến tới diệt hết 72 phàm tư hoặc của Sắc giới và Vô sắc giới chùng ngôi thánh A-La hán quả tức ngôi Vô-học, Dĩ-biện địa trong 10 bậc địa, vượt khỏi tam giới cõi trần hoàn, nhập Vô-dư-y Niết-bàn, siêu việt lên trên cõi Vô sắc giới, hoàn thành đại sự nghiệp của Thanh văn đạo.

Về Duyên giác đạo cùng thuộc Nhị thừa nhưng phép hành đạo thì quy luật lại khác. Đại ý, Duyên giác thì chỉ cốt tinh tu quan sát phép Thập nhị nhân duyên, không thuyết pháp không độ đệ tử (chỉ có ở chung nhau cùng tu mà thôi). Nếu vị nào đắc đạo có thần thông, thì khi lâm tịch có hiện thần thông, thuyết đôi câu pháp đề báo ơn thí chủ và gây nhân duyên Phật pháp liền vào Niết-bàn. Quả vị của Duyên giác cũng khác nên không nói vào công lệ hành đạo của Thanh văn.

*

* *

Về phận sự học đạo nghiên cứu giáo lý của Thanh văn, vì là bậc nhân thiên sư phạm, trụ trì tăng bảo, tự hành hóa tha, cần phải học rộng cả ba tạng thánh giáo. Nhưng nếu hành giả nào, sức không thể học xiết được cả các bộ Kinh, Luật, luận

thì theo phương pháp của ngài Thích Đạo Tuyên quy định, hãy học thật kỹ ba bộ điều điền sau đây :

a - Thắng Man Sư-tử hồng nhất thừa đại phương tiện phương quảng Kinh, 1 quyển - Ngài Cầu-na Bạt-đà-la đời Lưu Tống dịch.

b - Tỳ cư Yết-ma 1 quyển - Ngài Đạo Tuyên đời Đường tập

c - Tiếp Đại thừa luận 3 quyển - ngài Chân đế đời Trần dịch. Thấu triệt nghĩa lý ba bộ trên cũng gọi là Tam tạng pháp sư.

(1) Tam thiên Đại thiên thế giới là tên một thế giới lớn bao gồm rất nhiều thế giới khác. Do ba lần nhân nghìn thành tên gọi là Đại thiên. Gồm (1000 x 1000 x 1000 = 1000000000) một tỷ cái tiểu thế giới hay một tỷ hành tinh, trong đó có tinh cầu của chúng ta đương sinh sống.

Đây là kẻ nguyên khoanh vùng mặt bằng trong vũ trụ. Lấy đơn vị là tiểu thế giới, 1000 tiểu thế giới là cõi Tiểu-thiên, 1000 cõi Tiểu-thiên là cõi Trung-thiên, 1000 cõi Trung-thiên là cõi Đại-thiên. trong cõi Đại thiên, vì hành nghiệp của vô lượng chúng sinh khác nhau nhưng tóm lại thì có ba loại thế giới : Dục giới gồm sáu tầng trời, cõi người và tứ thú. Sắc giới gồm 18 tầng trời, Vô-sắc giới 4 tầng (ở trên nhất).

Đại thiên nói đây là cõi Sa-bà mà đức Phật Thích-Ca đã hiện thiên bách ức thân để hóa độ chúng sinh. Sa-bà đây lại là 1/1000 cõi Đại-thiên trong cõi Hoa tạng liên hoàn với nhau.



TRÍCH GIẢNG TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

HT THÍCH PHỒ TUỆ

GIẢI THÍCH RIÊNG UẨN, XỨ, GIỚI

Thị cố không trung vô sắc, thụ, tướng, hành, thức. Vô nhơn, nhĩ, tì, thiết, thân, ý. Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vô nhơn giới, nãi chí vô ý thức giới.

Vì vậy, trong tướng chân không, không có sắc chất, không có lãnh thụ, không có tư tưởng, hành động hiện ác, và tám thức. Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không màu sắc, giọng, tiếng, hương, vị, xúc và pháp. Không giới hạn của mắt, tai cho đến giới hạn thức của ý.

Đề phát minh mọi phép của tướng "Không", không có những việc sinh, diệt, v.v. Cho nên không có sắc, thụ, v.v.

"trong không" là trong trống "chân không", vốn là tất cả những tướng phạm

thánh. Cho nên không có những tướng uẩn (chứa chất), xứ (nơi chốn), giới (giới hạn) và nhân duyên tu chứng, ngay "không" trong bát nhã, "tính không" còn không thể được, huống chi còn có những pháp, uẩn, xứ, giới cho nên nói là Không vậy. Sắc nhưng tính không, Không nhưng tướng hữu.

Nhưng "Không", không phải cái không, rùa không lông, thỏ không sừng, mà "ngay" tất cả tướng "là" tất cả tướng làm "không", bởi vọng tính một "tất", thì kiến chấp phạm, thánh tan hết. Chân không lộ riêng hẳn cho nên không thể có được những pháp, uẩn, xứ, giới. Không từ "sắc" cho đến "thức", là không năm uẩn; không mắt, tai, đến xúc (tiếp xúc), pháp, là không 12 xứ. Không giới hạn của

mắt, đến không giới hạn của ý thức, là không 18 giới vậy. Ấy là hợp 6 căn 6 trần làm 12 nơi chốn. Căn là nghĩa sinh ra thức, trần là nghĩa nhiễm ô. Tính thức hợp 6 căn, 6 trần 6 thức là 18 giới hạn ở trong là 6 căn ở ngoài là 6 trần, căn đối với trần thức sinh ở giữa là thức (tính biết) của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Giới nghĩa là giới biệt (riêng cõi) 18 giới này đều có thể riêng, không lẫn lộn, như mắt lấy sắc làm giới hạn, tai lấy giọng tiếng làm giới hạn v.v... Cho đến ý lấy pháp làm giới hạn. Mắt không thể vượt qua sắc tướng mà có thấy, tai không thể vượt qua tiếng mà có nghe, cho đến ý không thể vượt qua pháp trần mà có biết.

Sắc lấy mắt làm giới hạn, bởi sắc tướng chỉ là mắt

mới thấy được, mắt không thể thấy được thanh hương v.v... cho đến ý lấy pháp làm giới hạn, bởi pháp là trần bị biết của ý. Không phải những âm thanh, hương vị đối với được. giới hạn chỉ biết của mắt là tính thuộc về mắt phải dựa vào mắt mới phát được, không dựa vào căn nào khác mà phát được, mà mắt cũng không thể phát ra được cái biết về âm thanh, hương, vị v.v vì thế là khác biệt. Còn nữa suy ra sẽ rõ.

Uẩn, xứ, giới đây gọi là ba khóa pháp môn, pháp môn tuy có 3 tóm cả "sắc" "tâm" hai pháp, khai ra hợp lại không cùng.

Phật vì người mê tâm, không mê sắc, thuyết ra pháp 5 uẩn hợp sắc làm 1 phần, khai tâm làm 4 phần (thụ, tướng, hành, thức đều thuộc tâm).

Vì người mê sắc không mê tâm, thuyết ra pháp 12 xứ, khai sắc ra thành 10,5 (trong 5 căn ngoài 6 trần, 1/2 pháp trần) hợp tâm làm 11/2 (ý căn 1 phần với 10 phần 5).

Vì người tâm sắc đều mê nói ra 18 giới khai sắc làm 10 1/2 khai tâm làm 7 1/2 (6 thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, bởi thêm 11/2 pháp trần cho ý căn nên = 7 1/2).

Phật lựa căn cơ chúng sinh, nói 3 khoa pháp môn này, đều tùy căn tính tùy tu một phép nào, có thể ngộ nhập ngay được.

Nay trong môn Bát nhã chân không này đều không có việc đó, cho nên nói rằng "Không".

Chính tỏ thể chân không thật tướng không có những tướng chất ngại (sắc chất) lĩnh nạp (thụ) thăm tư (tướng) tạo tác (hành) liễu biệt (thức) tính tụ cho nên không có sắc, thụ, tướng, hành, thức vậy.

Thật tướng chân không thể, không phải căn trần, cái tướng năng nhập, cho nên không 12 xứ vậy ; cái tướng chân không thật tướng thể, không phải căn trần khác biệt cho nên không có 18 giới vậy.

Giải thích 1 - 2 nhân duyên :

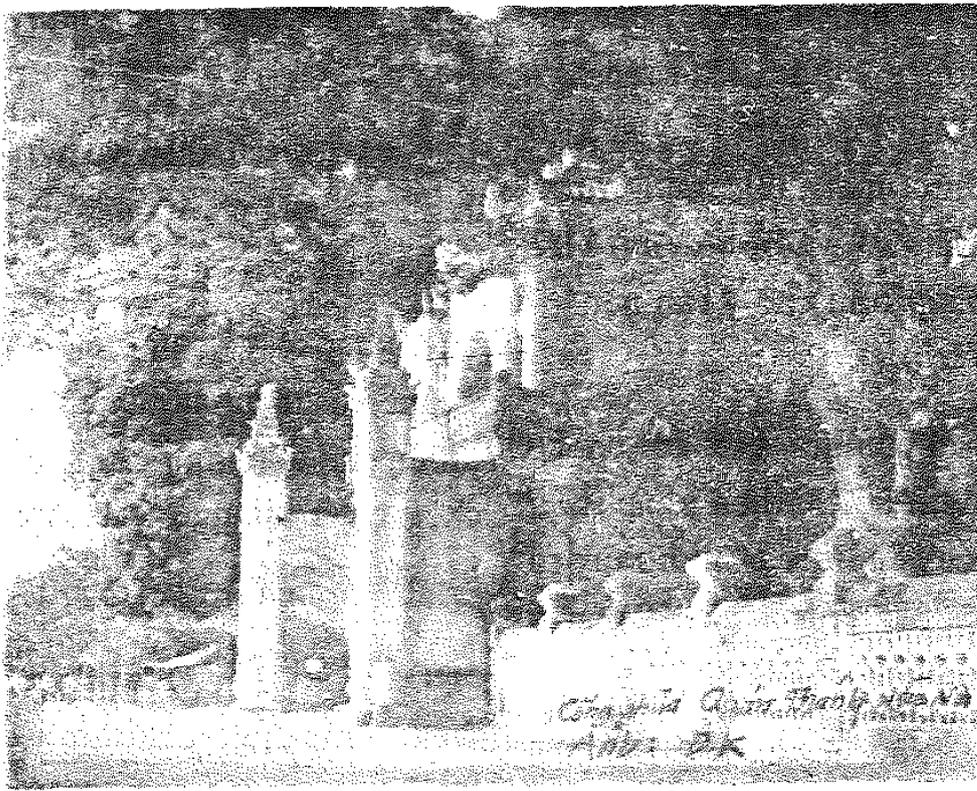
Vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô não từ diệt vô lão tử tận.

Không có vô minh cũng không có tướng hết của vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có tướng hết của già chết.

Đây gọi là 12 nhân duyên, cũng gọi là duyên khởi, cũng gọi là duyên sinh.

Vô minh duyên ra hành động, hành động duyên ra thức tâm, thức tâm duyên ra danh sắc, danh sắc duyên ra lục nhập, lục nhập duyên ra xúc tiếp, xúc tiếp duyên ra thụ, thụ duyên ra ái (yêu), ái duyên ra chấp thủ, chấp thủ duyên ra hữu, hữu duyên ra sinh, sinh duyên ra già chết.

- Vô minh là mờ tối, những phiền não hoặc đời quá khứ che lấp không có chân tính, không có ánh sáng diệu giác, nhận sằng 4 đại là tướng tự thân duyên bóng 6 trần làm tướng tự



tâm, cho nên gọi là vô minh.

Kinh Đại Bát nhã dạy : ở chỗ không có như thế, mà có, như ở chỗ không có pháp như thế không xuất rõ nơi gọi là vô minh.

Những phép gì không phải có ? Là uẩn, xứ, giới, cho đến 18 phép bất cộng, trì nhất thiết, trí đạo chung, trí nhất thiết chung nó bởi vô minh, và thế lực của dục, phân biệt đoạn thường hai bên, bởi đó chẳng biết, chẳng thấy, tính vô sở hữu của mọi pháp.

- *Hành* là tạo tác, nghĩa là thân khẩu từ quá khứ tạo tác ra nghiệp thiện hay

không thiện vậy. Lưu hành luôn luôn không ngừng.

- *Thức* là tâm vương vậy, chân và vọng hòa hợp gọi là thức, bởi hoặc và nghiệp đời quá khứ dất nhau, để cho thần thức này gieo vào thai người mẹ.

- *Danh sắc*, danh là tâm, sắc là thân vậy, từ khi đầu thai, đến ngày thứ 35 sinh hình mọi căn, 4 chi sai khác thế là danh sắc. - *Lục nhập* là 6 căn, từ sau khi danh sắc hình thành, đến ngày thứ 49, 6 căn dương mở, có tác dụng tiếp 6 trần vào cho nên gọi là lục nhập còn gọi là lục xứ.

- *Xúc*, xúc là tiếp xúc, từ khi ra thai đến khi 3, 4 tuổi 6 căn tuy xúc đối 6 trần nhưng chưa hay rõ biết sinh tướng khờ vui cho nên gọi là xúc.

- *Thu* gọi là lĩnh nạp, từ 5, 6 tuổi đến 12, 13 tuổi nhân ngoài tiếp 6 trần, 6 căn lĩnh biết những việc tốt xấu nơi tiền cảnh, nhưng chưa phải tâm sâu tham cho nên gọi là thụ.

- *Ái* là tham yêu từ 14, 15 - 18, 19 tuổi lòng tham đối với dâm dục mọi cảnh, và những việc thắng lợi, nhưng cũng chưa hay rộng khắp tìm kiếm cho nên gọi là Ái.

- *Thù*, là tìm lấy, từ sau 20 tuổi tham muốn càng mạnh, đối với 5 cảnh trần, rộng khắp tìm kiếm cho nên gọi là thù.

- *Hữu*, là hậu hữu (sau có) Nhân tìm kiếm mọi cảnh, khởi ra nghiệp thiện ác, chứa góp dẫn dắt, tới quả hữu lậu, phải sinh vào 3 cõi cho nên gọi là hữu. (Hữu là tên riêng của nghiệp nhân).

- *Sinh*, là thụ sinh, ở đời hiện tại đã tạo nên những nghiệp thiện, ác, đời sau lại chịu vào trong 6 đường, bốn loài cho nên gọi là sinh.

- *Lão tử* là suy hoại thể là đời sau thụ sinh trở đi thân 5 uẩn suy rồi lại hoại thể là già chết.

12 pháp này dần dà cảm quả cho nên gọi là nhân. Bởi tại giúp nhau, cho nên gọi là duyên, 3 đời nối nhau quần quanh không đứt cách như bánh xe quay cho nên gọi là luân hồi.

Trước bởi "vô minh" đời quá khứ, "hành" là nhân đem lại kết quả cho đời hiện tại : 1 thức, 2 danh sắc, 3 lục nhập, 4 xúc, 5 thụ.

Bởi quả đời hiện tại, khởi ra ba nhân đời hiện tại là ái, thủ, hữu.

Bởi nhân đời hiện tại, mà đem lại kết quả cho đời sau là sinh già chết đó là sinh pháp tướng, phạm phu gọi là môn "*Lưu chuyển*".

Nếu bậc duyên giác ngộ mọi pháp này là bởi duyên sinh, mà vô minh diệt, thì hành diệt cho đến lão tử

diệt, đó là tướng diệt gọi là môn "*Hoàn diệt*", là pháp của bậc *Duyên giác*.

Nếu dùng tuệ quán bát nhā soi tỏ thể tính vô minh đều không, không có tướng sinh diệt. Cho nên nói, không vô minh, cũng không có tướng vô minh hết, cho nên không có lão tử (già chết) cũng không có tướng hết già chết.

Nói không vô minh, là cả tướng không đầu tiên, về môn lưu chuyển. Cũng không có vô minh hết, là cả tướng không đầu tiên về môn hoàn diệt.

Tận là diệt hết, thế là cả tướng không đầu và cuối mà gồm cả giữa, đề tỏ bát nhā chân không. Không có tướng lưu chuyển và hoàn diệt, cho nên không có 12 nhân duyên.

GIẢI THÍCH VỀ TỨ ĐẾ

Không có khổ, tập, diệt, đạo (vô khổ tập diệt, đạo). Khổ là quả khổ sống chết. Tập là nhân khổ "hoặc" và "nghiệp" đó là nhân, đó là nhân quả ở thế gian "diệt" là quả vui niết bàn, diệt hết phiền não "đạo" là nhân vui

về bậc đạo tu trì, đó là nhân quả xuất thế gian.

Luận trí độ bàn, thế gian và thân, là quả khổ, mọi phiền não tham sân si v.v là nhân khổ.

Phiền não diệt thì khổ diệt, phương pháp diệt phiền não gọi là đạo.

Đức Như Lai nói pháp Tứ thánh đế này chỉ vì phạm phu, nhị thừa không biết thế gian ba cõi năm uẩn mọi pháp, như huyễn hóa ra vốn tự không sinh tính tướng tịch diệt, sống chết, niết bàn cũng như chiêm bao ; mà ở trong pháp vô sinh chấp không thấy sinh diệt, uổng chịu luân hồi, ví như lửa mặt trời long lanh nơi không nước, tường lấm là nước chịu nhọc mệt hoài, vì vậy Phật bảo họ bớt khổ, dứt tập, mộ đạo, tạm bớt gốc khổ, Thanh văn không hiểu đắm say tịch diệt lấy làm thật chứng.

Bậc đại thừa bỏ tất tu phép quán bát nhā thấy lẽ chân không, không có những phép sinh diệt tu chứng vì tự tính là không

cho nên nói vô khổ, tập, diệt, đạo.

Đế là rõ thật, phạm phu tuy có khổ tập, mà không rõ thật không được gọi là đế. Thánh trí không điên đảo, biết rõ thực cảnh, cho nên gọi là thánh đế.

Đạo phạm là 37 phạm pháp phân bồ đề.

GIẢI THÍCH TRÍ, ĐẮC

Không "trí" cũng không "được". (Vô trí diệt vô đắc)

Trí là trí năng quán. Được là lý, chứng được là ý nói rõ, không nhưng không 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 4 thánh đế, 12 nhân duyên v.v ngay cả những trí người tam thừa, năng chứng sở chứng, và mọi phép không của Bồ tát tu bát nhã, với cái trí không về lý sở đắc cũng không.

Bởi vì pháp tính như không, bởi mắt bị bệnh nên ở hư không thấy "hoa thù chứng".

Cho nên Kinh Đại bát nhã dạy : câu Như Lai không thể chứng nghĩa thú bí mật của chư Phật, cho



nhên học ý rất sâu của pháp bát nhã ba la mật là thế.

Tại sao ? Vì với Phật pháp là sở chứng, người là năng chứng, không thể được vậy.

Lại nói : trong thắng nghĩa đế, của các pháp, "người" năng chứng, "pháp" sở chứng nơi nào chứng ; thời nào chứng, lý do chứng, hoặc hợp, hoặc li đều không thể được vì không thể thấy.

Bởi bồ tát đối với mọi pháp không, không nên tác tướng thù chứng, nghĩa là khi quán pháp không, trước nên quán tướng mọi pháp đều không, không nên tác tướng chứng ngộ, ta chỉ vì học.

Quán mọi pháp không, không vì thù chứng, quán mọi pháp không, cho đến ta đối với ngôi vô thượng bồ đề giờ đây phải vì học, không vì thù chứng.

Cho nên Luận Trí độ dạy : Bồ tát vào sâu phép quán không biết không cũng không, niết bàn cũng không cho nên không sở chứng, bởi chứng phép "bất chứng" thì không thể được đắc chứng.

Trước từ 5 uẩn đến tứ đế, là cảnh sở quán của ngôi tam thừa tu đạo, nay tu bát nhã như đồng lửa lớn, bất luận như sạch chạm vào là cháy hết. Cho nên lý chân không đã bỏ, tính phạm gột sạch, cảnh thánh chân như, nhất thiết trí, trí hết đều không thể được.

Cho nên với thế gian, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, và xuất thế gian 4 đế, 12 nhân duyên, cho đến năng chứng sở chứng đều là không cả, thế là nhân, pháp, cảnh, trí không còn đối tượng. gì nữa, bệnh khỏi bỏ thuốc, cho nên nói :

Không trí cũng không được (vô trí diệt vô đắc).

GHI CHÚ : Kinh Lăng già, Kinh Mật nghiêm dạy : thà chấp có như núi Tu di, chớ chấp không như hạt cải, ý nói thường tin nhân quả sợ tội phúc, chăm làm lành tránh ác, niệm Phật tụng kinh, tuy có bố buộc nhưng gây được công đức, thì nên chấp có. (Kinh Bảo Tích cũng dạy như vậy).

Chưa chứng được chân không, lại chẳng theo hình thức siêng làm phúc thiện, mà không tin nhân quả, tất sẽ sa đọa luân hồi, vậy chớ chấp không.

Vậy Bồ tát bởi đâu được niết bàn

Bởi không sở đắc mọi pháp trước kia, Bồ tát nhân y vào đó mà tu được rốt ráo tịch diệt (cứu kính tịch diệt) cho nên ở đây một chữ "vô" (sở đắc) tóm thâu ý cả một bộ kinh, bởi vì thế pháp tính vốn như hư tịch diệt. Nếu lấy tâm (hữu sở đắc), liền nê gốc thực (bản chân) mất hẳn tuệ quán bát nhã, bởi đâu xa lìa được

điên đảo mà được cứu kính niết bàn.

Kinh Niết bàn dạy "vô sở đắc" gọi là tuệ, Bồ tát được trí tuệ đó gọi là "vô sở đắc" (không có gì được) lại "vô sở đắc" là đại niết bàn, không thấy tính tướng tất cả các pháp cho nên gọi là "vô sở đắc". Lại "vô sở đắc" là đại thừa Bồ tát không trụ được vào pháp nào cho nên gọi là đại thừa.

Tồ Thánh Lương phán : Vô sở đắc là tướng bát nhã, bởi được trí tuệ "vô đắc" của bát nhã nên mới được vậy.

Bộ đại phẩm dạy : Các vị Bồ tát dùng trí quán bát nhã có phương tiện soi, mọi pháp không. Cho nên đối với tướng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 12 nhân duyên và tứ đế cho đến năng chứng sở chứng đều không được (vô sở đắc) bởi tâm vô sở đắc ấy mà y bát nhã tu hành, nên hoặc chẳng chứng tâm, cảnh không chướng trí, cho nên tâm không quán ngại, bởi không quán ngại thời nghiệp hay giải thoát, bởi nghiệp lực giải thoát, thì

ngoài không sợ hãi quả báo ba cõi ; bởi ngoài không quả báo thì trong vĩnh viễn xa lìa phiền não của mộng tưởng điên đảo. Bởi lìa được phiền não, thì chân thường lộ hẳn, đó là *cứu kính niết bàn* (diệt hết vọng hoặc). Đó là tỏ rõ thế bát nhã chân không, hẳn không sinh diệt đến nỗi sai nhân trái quả.

Vì vậy các vị Bồ tát, đối với hết thảy mọi pháp (không chỗ được) là được cứu kính niết bàn.

Nhưng cả đại bộ bát nhã đều lấy "vô sở đắc" làm tông. Ví có một phép nào quá trên niết bàn ấy cũng như chiêm bao như trò đối đều không thể được. Bởi không thể được tức là không có những tri kiến về năng chứng sở chứng, bởi không có những tri kiến ấy cho nên không có những phiền não vì điên đảo. Nếu có sở chứng tức là mộng tưởng điên đảo, có đâu được niết bàn chính giác.

Chính văn : Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tất đóa y bát nhã ba la mật đa cố tâm vô

quản ngại, vô quản ngại cố vô hữu khủng phổ, viên li diên đảo mộng tưởng cứu kính niết bàn.

(Vì không chỗ được (sợ đắc) nên bỏ tất, y vào trí bát nhã ba la mật đa, nên tâm không vướng mắc, vì không vướng mắc nên không có sợ hãi, xa lìa mộng tưởng diên đảo, cứu kính niết bàn).

Tâm không vướng mắc diên đảo, mộng tưởng là "chúng" năng không ; cứu kính niết bàn là quả sở chứng.

Cứu kính niết bàn là 5 trụ hết hẳn, hai cách chết phạm đoạn và biến dịch, vĩnh viễn không vướng, gọi là cứu kính, cũng gọi là vô dư, bởi rất ráo cõi niết bàn, còn có tên là vô dư y niết bàn, vô trụ xứ, không như nhị thừa, mới chỉ lìa được hai thứ hoặc kiến tư gọi là giải thoát, tạm được hóa thành niết bàn, thực chưa phải cứu kính.

Tiếng Phạn là niết bàn, Trung Hoa gọi là Viên tịch, nghĩa là không thiếu đức nào, không còn chướng

nào. Còn gọi là đại diệt độ.

Đại là thật tướng ; diệt là uẩn không ; độ là việt khổ. Lại đại là pháp thân ; diệt là giải thoát, độ là bát nhã. Bồ tát tu bát nhã, quán mọi pháp không, tỏ lý thực tướng, rõ thân huyền sinh tử, là bản pháp thân, phiền não là bát nhã, kết nghiệp là giải thoát, thế thì ba chướng sạch không, ba đức trọn vẹn là cứu kính niết bàn.

5 trụ hoặc thường hay khiến chúng sinh ở mãi trong vòng sống chết.

1, Trụ nhất thiết kiến hoặc trong dục, sắc, vô sắc giới.

2, Trụ dục ái tư hoặc về dục giới.

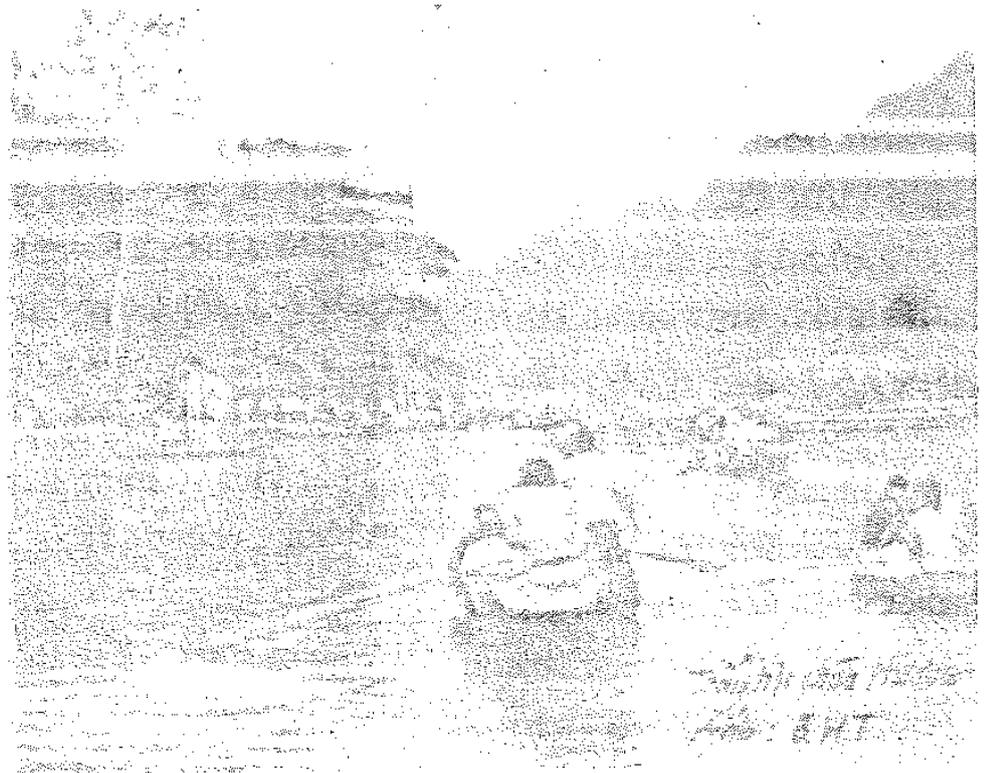
3, Trụ sắc ái, là tư hoặc ở sắc giới.

4, Hữu ái tư hoặc ở cõi vô sắc vậy.

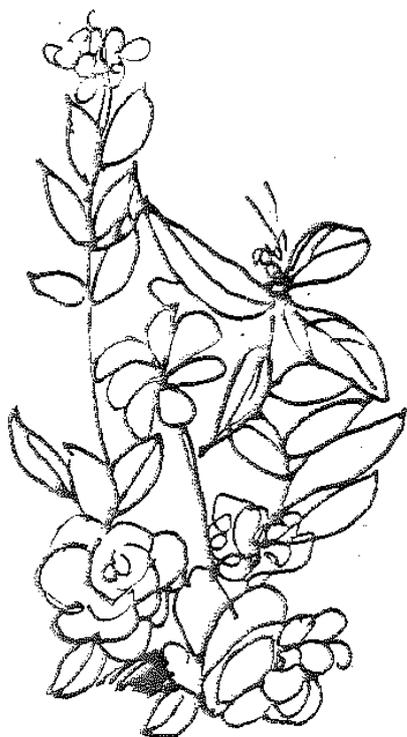
5, Trụ vô minh cõi gốc.

Nhị thừa chưa rõ những mê hoặc này cho nên trầm trệ ở không cõi phương tiện. Đại thừa phương tiện đoạn trừ hãy còn hoặc chưa hết cho nên ở cõi thật báo nay tu bát nhã hết mọi hoặc cho nên gọi là cứu kính.

(Còn nữa kỳ sau tiếp)



THƯỢNG SĨ NGŨ LỤC TRONG VĂN HÓA DÂN TỘC



THÍCH ĐỨC NGHIỆP
Trụ Trì Chùa Giác Minh,
TP. Hồ Chí Minh

THƯỢNG sĩ Ngũ Lục là một cuốn sách Phật-Giáo, ghi lại những lời giảng dạy của Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung, (1230-1291), đời Trần. Nó mang một bản sắc độc lập của Đạo Phật Việt Nam. Tuy nhiên, độc lập không có nghĩa là cô lập, mà phải nằm trong tiến trình văn hóa giao lưu giữa Phật Giáo Ấn Độ và Trung Hoa.

Bởi vậy, trong phạm vi nhất định của sách Ngũ Lục này, chúng tôi chỉ rút ra một số quan điểm về Phật Giáo, so với văn hóa và tín ngưỡng dân gian của dân tộc Việt Nam đã có từ lâu. Nghĩa là, theo dữ kiện lịch sử, thì dân tộc ta đã xuất hiện trên hành tinh này hơn bốn ngàn năm văn hiến, mà Đạo Phật ra đời chỉ mới được hai ngàn năm trăm ba mươi sáu năm trên đất Ấn Độ. Do đó, rõ ràng Việt Nam đã có sẵn một nếp sống văn hóa và tín ngưỡng riêng trước khi Đạo Phật truyền tới, với sứ mạng làm phong phú thêm, và tươi đẹp thêm cho Việt Nam mà thôi.

Thí dụ :

Theo sách Lĩnh Nam Chích Quái, Việt Điện U-Linh, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Khâm Định Việt Sử, Việt Nam Sử lược, và Việt Nam Văn học Toàn Thư, thì về văn hóa, Tồ-tiên ta, ngay từ khi mới lập quốc, đã có kinh nghiệm về lâm nghiệp, ngư nghiệp và nông nghiệp, vì Lạc Long Quân đã có khả năng và sức mạnh diệt trừ được Hồ-Tinh, Ngư-Tinh và Mộc-Tinh ; kế thừa là Tản-Viên Sơn Thần, một trong trăm người con (Bách Việt, trăm dân-tộc) của Lạc Long Quân và Âu Cơ, mang những tên khác nhau như Hương-Lang, Kỳ-Mạng và Nguyễn-Tuấn với một Sách Ước trắng tinh và một Gậy Thần có hai đầu, chín lỗ. Tượng trưng cho vũ trụ vô nguyên ; và nhân sinh nhị nguyên, cửu Không. Nghĩa là, vũ trụ là vô cực, trong đó có diệu lực vô biên, tài nguyên vô tận, tùy theo nhu cầu của dân tộc ta có thể khai thác và sử dụng ; còn nhân sinh nói chung, giòng-giống Việt Nam nói riêng, đều là kết quả của sự dung hòa cân đối của nam-nữ, âm-dương, tâm-vật, và người nào cũng phải có 9

giao diềm đề tiếp thu và bài tiết, như hai mắt, hai tai, miệng, hai lỗ mũi, một tiểu tiện, và một đại tiện. Ngoài ra, trên đất nước ta, còn có những dấu ấn văn hóa đặc thù tiến bộ, đó là những Trống Đồng cổ xưa vậy. Về tín-ngưỡng, ngay từ buổi bình-minh của tín-ngưỡng, dân-tộc ta đã sùng bái Thần-Linh (animisme), tức là, đã biết thần cách hóa các hiện tượng thiên nhiên thành tín ngưỡng đa thần ; tiếp đến tín ngưỡng Rồng-Tiên, Bối Rồng và Mẹ Tiên, Lạc Long Quân và Âu Cơ, tạo ra hình thức Động Vật Tồ (totémisme), tượng trưng cho nòi-giống Việt-Nam vừa anh-hùng vừa rộng lượng, vừa thực tiễn vừa cao đẹp, vừa khoa học vừa tôn giáo ; nói ngắn gọn, dân tộc Việt Nam là Người-Tiên, Người-Phật. Không khác thuyết Động Vật Tồ của Pháp, con Gà Trống ; của Mỹ, con chim Đại Bàng v.v... Hơn nữa, thuyết Động Vật Tồ này, hiện nay, còn được dùng làm biểu tượng cho giới thanh thiếu niên trong Thiếu sinh quân, và Hướng Đạo Sinh trên thế giới, mà Baden Powell, nam tước và tướng sĩ người Anh (1857-1941), đã sáng lập năm 1908. Và sau đó, xuất hiện sự thờ cúng Ông Bà, Cha Mẹ, và các vị Anh Hùng có công với Tồ quốc.

Song, có một điều đáng ghi nhận là :

Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng như các vị Tăng Ni, Phật Tử Việt Nam trước và sau ông, đã khéo vận dụng, và kết hợp hài hòa Phật giáo Ấn - Hoa thành Phật giáo Việt

Nam bằng những kinh sách, kiến trúc, hội họa, điêu khắc và âm nhạc, cụ thể nhất và sống động nhất là bằng những sinh hoạt Phật Giáo trong đời sống hằng ngày của các Phật Tử xuất gia và tại gia. Vì thế, Phật-Giáo đã, đương, và sẽ nghiêm nhiên tồn tại và trở thành một Tôn giáo của dân-tộc, gắn bó với dân-tộc trong mọi tình huống.

Tới đây, cũng theo chiều hướng giao lưu văn hóa Phật giáo Việt - Ấn - Hoa, chúng tôi bắt đầu tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu của "Thượng Sĩ Ngũ Lục". Nói chung, cuốn sách này có khuynh hướng Đại Thừa Phật-Giáo ; nói riêng, nó trình bày những sáng kiến độc lập của Đạo Phật Việt Nam. Theo sự lựa chọn của chúng tôi, thì Thượng Sĩ Ngũ Lục gồm những diềm chính như sau :

I - Về nguồn Phật Tính độc lập

Tất cả chư Phật và các Bồ-Tát ra đời, trong những địa diềm và thời diềm khác



nhau, song đều nhằm một mục đích chung : giác ngộ cho mọi người biết trở về với Phật Tính sẵn có nơi tâm mình, đồng thời cứu khồ, độ sinh bằng những pháp môn đa dạng, khả dĩ chúng sinh và mọi người đều đạt tới đỉnh cao giác-ngộ và giải-thoát, hạnh phúc và tự do. Nghĩa là : đều thành Phật, một nhân phẩm cao nhất của nhân bản Phật Giáo. Cũng như Thượng Sĩ Ngũ Lục đã nêu ra một quan điểm Thần Lửa - Bính Đinh Đồng Từ. Thần Lửa, ở đây, tượng trưng cho con người sẵn có Phật Tính độc lập, một ngọn lửa thiêng bất diệt, soi sáng cho tất cả, thậm chí cao không trên, rộng không ngoài, sâu không trong, và mạnh vô địch. Khác hẳn tên Toại-Nhân của Trung Quốc, vì phải đi kiếm lửa ở ngoài bằng cách dùi cây và đập đá lấy lửa ; khác hẳn tên Agni, Thần Lửa của Ấn Độ trong Kinh Rigvedas, bởi lẽ Agni vẫn phải dưới quyền chi phối của Thiên Thần Indra ; không giống tên Prométhée, một thiên thần trong Huyền thoại Hy Lạp, vì Prométhée đã phải đi ăn cắp lửa của Thượng Đế Zeus, mang về khai hóc văn minh đầu tiên cho nhân loại ; và càng không giống hoàn toàn, nếu có, chỉ giống phần nào, với Lửa đã tạo thành yếu-tố đầu tiên của tất cả sự vật, trong luận - thuyết "Về Thiên Nhiên", De La Nature, của Héraclite, một triết gia Hy Lạp, khoảng 540 năm trước Thiên - Chúa, vì Lửa của Héraclite chỉ thuần chất vật lý ; chứ không phải Lửa Thiêng, Diệu Lực Phật-Tính, bao gồm cả vật và tâm. Riêng tại Việt-Nam,

trong chủ trương về nguồn nói trên, chúng ta phải tự hào, là đã có những câu ca dao, tục ngữ trong văn học dân gian của dân tộc ta. Thí dụ :

Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong, dù đục ao nhà vẫn hơn.

Hay :

Bụt ở trong nhà ;

Đi Cầu Thích - Ca ngoài đường

II - Khai Phóng, Phi Giáo Điều.

Trước khi đi sâu vào chủ đề này, chúng ta phải nhìn nhận rằng : đây là một quan điểm đòi mới siêu việt của những người đã tu chứng cao, không còn cố chấp, bảo thủ ; vượt ngoài ước-lệ và giáo-điều, bởi vì họ đã tự giác, tự hành, và tự nghiệm đầy đủ. Quan điểm này, trong Thượng Sĩ Ngũ Lục, đã được diễn tả bằng những từ ngữ :

- Thoát Thê Vô Y ;

- Phi Trai Giới Nhân Nhục

(phi trì giới nhân nhục).

- *Thoát Thê Vô Y* có nghĩa là : Vượt thoát tất cả, chẳng còn vướng mắc gì, đồng nghĩa với Vô Sở Trược của Phật Giáo Ấn Độ. Nói cách khác, không còn cố chấp Cái Ta, vì cái thân ta đây chỉ có giả-tạm, do hai phần tâm và vật, hay phụ tinh và mẫu huyết kết hợp lại mà thành ; không chấp duy tâm hay duy vật, bất kể duy gì ... bởi lẽ Duy là phiến diện, là cực đoan, là góc cạnh, mà sự sống phải là toàn diện, phải là hài hòa, phải là cân đối ; do đó, chính ta Ta đây chẳng

phải tồn tại vĩnh-cửu, cũng chẳng phải tiêu diệt hoàn toàn, mà phải chuyển động vô-thường hoặc lên hay xuống, hoặc sống hay chết, tùy theo thuận duyên hay nghịch duyên. Bên cạnh đó, chẳng còn tà-kiến, không theo mê-tín, dị-đoan ; không theo tà-sur, ma-giáo. Ở đây, thoại đầu Thoát Thê Vô Y cũng giống như câu nói Đạo Nhân Vô Y của Thiền Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền bên trung Quốc, vì Đạo Nhân Vô Y mang một ý nghĩa : tổng hợp hài hòa giữa thế giới chủ quan và thế giới khách quan, giữa con người và thiên nhiên, giữa nhân loại và môi sinh xã hội. Nói thật sâu sát, sáu giác quan chúng ta hòa hợp nhịp nhàng với sáu đối tượng ngoại giới, không còn biệt lập giữa Chủ và Khách, với mục-đích ; tự-do, cởi-mở ; và vô-ngã, vị tha.

- *Phi Trai Giới Nhãn Nhục* (Phi Trì Giới Nhãn Nhục) :

Theo quan điểm của Tuệ Trung Thượng Sĩ, thì không cần phải ăn chay, giữ giới, và nhãn nhục trong nếp sống hàng ngày. Trái lại, theo nhận xét vô tư của chúng tôi, đối với những Phật Tử thuộc Đại Thừa Phật Giáo, chưa chứng ngộ và chưa có căn bản tu học, vững chắc, thì ba việc tu dưỡng thân tâm nêu trên rất cần thiết, với mục đích ngừa bệnh, chữa bệnh và đạo-đức từ bi, mặc dầu việc ăn chay không phải là Giáo-lý chính thống của Đức Phật, vì theo Phật Giáo Nguyên Thủy, khi Đức Phật còn tại thế, cũng như hiện nay ở các nước theo Phật Giáo Tiều Thừa, thì tất cả các Tăng Sĩ

đều phải đi xin ăn (khất thực) hằng ngày, và ai cho cái gì, thì ăn cái ấy trước 12 giờ trưa, chứ không phân biệt chay hay mặn gì cả. Cho nên, trong Kinh Đức Phật đã dạy rằng :

"... Chắc chắn không phải vì ăn thịt hay ăn cá mà người ta trở thành ô uế, nhưng chính vì sự say mê, cố chấp, cuồng tín, lừa bịp, tham lam, tự đề cao mình, khinh rẻ người khác và ác ý, chính vì những điều đó mà người ta trở thành ô uế" (1).

(1) - *Présence du Bouddhisme*, page 245, 1959.

"... C'en'est certainement pas par la consommation de la viande ou du poisson qu'un homme devient impur, mais bien par ivresse, obstination, bigoterie, fraude, envie, exaltation de soi-même, mépris des autres et mauvaises intentions, c'est par ces choses là que l'homme devient impur."



Hơn nữa, trong sách Sa-Di Luật-Nghi quyền hạ, Chương 5, Theo Tăng Chúng Ân, có chép rằng :

"Mạng y thực trụ, đạo do thực tồn, tùy thí đắc thực, cố nghi tích chi, bất khả tiện khí."

Nghĩa là :

"Mạng người phải ăn để sống, có thực mới vực được đạo, tùy theo người ta cho thứ gì, thì ăn thứ ấy, cho nên, phải quý trọng, không được bỏ phí."

- Còn việc không ăn chay, cũng như không giữ giới và nhẫn nhục của Tuệ Trung Thượng Sĩ, trái với Phật Giáo Đại Thừa, có thể có những lý do riêng :

1 - Ông đã tu chứng cao siêu, khỏi cần cố chấp và phân biệt chay hay mặn ;

2 - Ông là cư-sĩ Phật Tử, tu tại gia và có gia đình ;

3 - Vì đại nghĩa và lợi ích chung cho nước, cho dân trong ba lần kháng chiến hào hùng, chống lại xâm lược Nguyên Mông, 1257-1285-1287, trong đó riêng ông đã góp công vào hai lần sau.

Bởi vậy, Tuệ-Trung Thượng-Sĩ đã bày tỏ ý kiến của mình trong sách Thượng Sĩ Ngữ Lục như sau :

- *Không ăn chay :*

"Khiết thảo dữ khiết nhục,
Chúng sinh các sở thuộc.

Xuân Lai bách thảo sinh,
Hà xứ kiến tội phúc.

Tạm dịch :

Ăn rau hay ăn thịt,

Tùy theo loại chúng sinh.

Xuân đến trăm cỏ mọc,

Thấy tội phúc gì đâu ?

- *Không giữ giới, nhẫn nhục :*

Tạm dịch :

Giữ giới và nhẫn nhục,

Phải tội, chẳng được phúc.

Muốn biết không tội phúc,

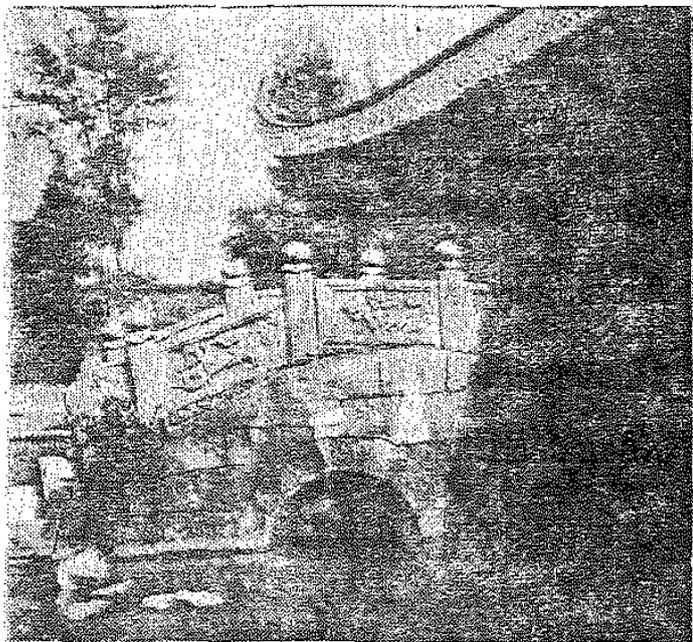
Chẳng trì giới, nhẫn nhục.

Như vậy, xuyên qua ba lý - do nêu trên, chúng ta phải xác nhận rằng : Tuệ Trung Thượng Sĩ đã đúng với quan điểm của mình về vấn đề :

: Không ăn chay ; và không trì giới, nhẫn nhục.

Bởi lẽ mỗi Phật Tử, xuất gia hay tại gia, đều có hai bồn phận chính : bồn phận công dân đối với Tổ-quốc và dân tộc ; và bồn phận đối với tôn giáo của mình, mà nằm trong Bốn Ân của Phật Giáo, ấy là chưa kể tới Ân cha-mẹ, và Ân thầy-bạn.

Trong thời gian ba mươi năm, (1257-1287), ba lần quân Nguyên - Mông, một quân đội hùng mạnh nhất của thế kỷ



Phía sau chùa Tháp Bút

13, đến xâm lược và đánh phá nước Việt Nam ta, vậy ông cha ta và Tuệ Trung Thượng Sĩ bấy giờ có thể cứ ngồi yên, ăn chay, giữ giới sát, và chịu cái nhục mất nước nhà tan, dân tộc cúi đầu làm nô lệ và chùa chiền bị đốt phá được không? - Chắc chắn là không. Nghĩa là trong thời gian này, hoàn cảnh này, chúng ta phải nhất trí với Tuệ Trung Thượng Sĩ là không trai, giới, nhẫn nhục gì hết, mà phải đặt quyền lợi của Tộc-Quốc và dân tộc lên trên, phải đoàn kết cứu nước, cứu dân, phải đánh giặc, vì "giặc đến nhà, đàn bà phải đánh", hưởng chi tất cả các nam nhi và Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Thêm vào đó, việc không ăn chay trong Phật Giáo Đại Thừa, ngoài Tuệ Trung Thượng Sĩ, còn có các vị Phật Tử xuất gia khác tại Việt Nam và Trung Hoa cũng tán thành quan điểm trên. Thí dụ :

- Tại Việt Nam, có Thiền Sư Pháp Loa, thế danh Đồng Kiên Cương (1284-1330),

là vị Tồ Sư thứ hai, sau Điều Ngự Giác Hoàng vua Trần Nhân Tông, thuộc phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần. Ngài Pháp Loa có phát biểu việc ăn chay trong bài "Yếu Minh Học Thuật" trong Tam Tồ Thực Lục như sau :

"... Kim Kiến học giả vị văn đạo, tự xưng tu đạo, tu hà đạo hồ ?

Cồ Đức Vân : thực đắc sồ hành thái, xưng đạo Tồ Sư trai. Hựu Vân : như ngu chung thân thực thảo, hà tăng thành Phật đa ?"

Nghĩa là :

"... Nay thấy người học chưa nghe đạo, tự xưng là tu đạo. Vậy họ tu đạo gì ?

Bậc Cồ Đức nói : Ăn được mấy cuống rau, nói là ăn chay theo đạo Tồ. Lại nói : như trâu bò kia suốt đời ăn rau cỏ, mà chưa từng thành Phật bao giờ ?"

... Ngoài ra, theo Văn học dân gian Việt Nam, người ta thường nhắc tới câu tục ngữ :

"Ăn mặn nói ngay,

Còn hơn ăn chay nói dối."

Câu nói bình dân này nhằm phê phán chua cay những người tu giả. Bề ngoài, ăn chay, niệm Phật để lừa bịp mọi người ; bên trong, mang những ý xấu bằng những việc làm ích kỷ, hại nhân. Vì vậy, ăn chay, trong trường hợp này, chẳng có giá trị đạo đức. Và lại, mới đây, chính bản thân tôi, người viết bài Tham Luận này, đã ba lần đi dự

Đại Hội Phật Giáo Thế Giới, hai lần tại Bangkok và một lần tại Kuala Lumpur, 1957-1968-1969. Khi tới giờ bữa cơm trưa trong 32 phái đoàn Phật giáo tôi chỉ thấy phái đoàn Trung Hoa và Việt Nam là ăn chay, còn 30 phái đoàn khác đều ăn mặn.

- Tại Trung-Hoa, có hai vị Đại-Sư nổi tiếng về uống rượu và ăn thịt trong khi cả hai vị này đều tu theo Phật-Giáo Đại Thừa. Thí dụ :

1.- Đại-Sư Tế Diên Tăng. Ngài thuộc về đời nhà Tống, đất Thiên-Thai, họ và tên là Lý Tu Duyên pháp danh Đạo Tế. Đi tu ở chùa trong núi Linh-Ẩn, hàng ngày thích uống rượu và ăn thịt, đôi khi say sưa như điên cuồng. Do đó, người đời thường gọi Ngài là Tế-Diên-Tăng, theo truyện Tế-Diên-Tăng trong sách Nhất Thống Chí đời nhà Thanh (Thanh Nhất Thống Chí) ;

2 - Đại sư Đắc - Tâm. Sau khi được biểu bốn chục quả trứng gà, Ngài liền ăn luôn mấy quả trứng sống. Người ta trông thấy, cười rộ. Ngài ứng khẩu, ngâm bốn câu tứ-tuyệt như sau, theo Tuy Viên Thi Thoại :

"Hồn độn càn khôn nhất khâu bao,

Dã vô bì cốt, dã vô mao.

Lão Tăng đới nễ Tây Thiên Khứ,

Miễn tại nhân gian thụ nhất đao".

Tạm dịch :

"Trời đất mông lung quả trứng hồng,

Chưa thành da thịt, chẳng xương lông.

Lão Tăng đi về Tây Trúc,

Tránh khỏi người đời giết thảm thương"

- Vậy nguồn-gốc ăn-chay có tự bao giờ ?

1 - Tại Hy-Lạp, vào thế kỷ thứ 6 trước Thiên-Chúa, nhà triết học và toán học Pythagore đã đề xướng thuyết Ăn Chay (végétarisme). Theo cuốn Thơ Vàng (Les Vers d'Or), thì ông cho chất bồ phát xuất từ ánh sáng mặt trời, và ánh sáng ấy trước hết gọi trên cây cỏ. Như vậy, chúng ta ăn thực vật (rau đậu v.v...), nghĩa là, chúng ta ăn chất bồ trực-tiếp ; còn chúng ta ăn thịt các loài động vật (trâu, bò, lợn, gà, vịt v.v...), nghĩa là, chúng ta ăn chất bồ gián-tiếp, vì loài động-vật ăn rau cỏ, rồi chúng ta lại ăn thịt của chúng.

2 - Tại Ấn Độ, ở đây, chúng tôi sẽ nói thẳng vào Đạo Phật về chủ trương "không ăn thịt cá" (ăn chay đầu tiên trong giáo-đoàn Tăng-Già) trong khi Đức Phật còn tại thế. Vậy chủ-trương ăn chay này do Đức Phật đề xướng, hay do người nào ?

- Thực ra, chính Đề-Bà Đạt-Đa là người chủ-trương "không ăn thịt cá, ăn chay" đầu tiên trong Đạo Phật với tham vọng tu chứng cao siêu hơn Đức Phật, và "phá hòa hợp Tăng", gây chia rẽ, bè phái trong Giáo-Hội Tăng-Già, Không còn tinh thần đoàn kết, thân thương. Biết rằng : Đề-Bà Đạt-Đa là em, con của ông chú ruột, đối

với Đức Phật, vì theo giòng dõi vua Bạch Tịnh, Ngài sinh được ba con trai : thứ nhất là vua Tịnh-Phạn, được hai con trai, thái tử Tất-Đạt-Đa (Đức Phật Thích Ca) và Nan-Dà ; thứ hai là vua Học-Phạn cũng được hai con trai, Đề-Bà Đạt-Đa và A-Nan ; thứ ba là vua Cam-Lộ Phạn chỉ được một con gái, tên là Cam-Lộ Vị.

Vậy thuyết "không ăn cá thịt" này là một trong năm sự-việc, hay năm pháp-môn làm đạo xuất thế, mà Đề-Bà Đạt-Đa đã tự đặt ra, theo Luận Chính Lý và Luận Đại Tỳ Bà Sa.

- Luận Chính Lý, quyền 43 chép rằng :

1 - Không dùng sữa ; 2 - Không ăn cá thịt ;

3 - Không dùng muối ; 4 - Chỉ mặc y-phục không may cắt ;

5 - Không ở chùa gần bên làng xóm.

- Luận Đại Tỳ Bà Sa, quyền 116 chép rằng :

Năm pháp môn là gì ?

1 - Trọn đời mặc áo phẩn-tảo (lấy những vải ở đồng vẩn rác, mang giặt sạch đi, rồi may chắp lại thành áo) ;

2 - Trọn đời thường đi xin ăn ;

3 - Trọn đời thường ở những nơi (chùa) xa vắng ;

4 - Trọn đời chỉ ngày ăn một bữa mỗi ngày ;

5 - Trọn đời không ăn tất cả cá thịt, mùi máu, muối và sữa.

Tuy vậy, phần nhiều các bộ Luật Phật-Giáo thường dùng Năm Pháp Môn của Đề Bà Đạt Da trong Luận Đại Tỳ Bà Sa để dẫn chứng. Vì thế, về sau, các tôn-phái Đại Thừa Phật-Giáo rõ ràng đã ảnh hưởng thuyết ăn chay này, thậm chí còn đặt thêm ra vấn đề Tịnh Nhục, (Thịt Sạch), cho phép các Tăng-Sĩ được ăn trong những trường hợp đặc biệt. (Còn bị ảnh hưởng một thuyết của Bà-La-Môn : Khô hạnh đầy ải thề xác cầu sinh lên cõi Phạm Thiên).

- Và giữ giới có tự bao giờ ?

Cụ thể mà nói, trong thời gian 12 năm, sau khi Đức Phật thành đạo, chưa có giới luật. Nghĩa là : chưa có tội-danh, tội-chung, tội-tính và tội-tướng ; đồng thời cũng chưa có phương-pháp xử-trị hay khen-thưởng, bởi lẽ, trong thời gian đó, tất cả các đệ tử Đức Phật đều thanh-tĩnh, trang-nghiêm, chưa hề vi phạm những lỗi lầm do thân, khẩu, ý gây ra. Cho nên Đức Phật thường khuyên dạy các Tăng-Sĩ còn trong sáng, chưa hề phạm giới như sau :

"Thiện hộ ư khẩu ngôn ;

Tự tịnh kỳ chí ý ;

Thân mặc tác chư ác.

Thử tam nghiệp đạo tịnh,

Năng đắc như thị hạnh,

Thị Đại Tiên nhân đạo.

- Thử thị Thích-Ca Mâu-Ni Như-Lai, vô sở trước, đẳng chính giác, ư thập nhị niên

trung, vị vô sự Tăng, thuyết thị giới phải cần có giới luật đề răn đe và ngăn Kinh"⁽¹⁾.
cấm ; trái lại,

Nghĩa là :

"Giữ gìn tốt lời nói ;
Trong sáng tâm - ý mình ;
Thân đừng gây tội ác.
Ba việc này thanh - tịnh,
Làm được hạnh như thế,
Là đạo bậc Đại Nhân.

Đây là Phật Thích-Ca Mâu-Ni, siêu việt tất cả, thành đấng giác-ngộ chân chính, trong 12 năm, vì Tăng chúng thanh-tịnh (chưa phạm tội lỗi), nên nói lời khuyên răn."

- Như vậy, kể từ 13 năm, sau khi thành Phật, đức Thích-Ca Mâu-Ni mới bắt đầu giảng thuyết giới luật, vì lần đầu tiên, một trong những đệ tử của Ngài tên là Tu-Dề-Na, quê ở thôn Ca-Lan-Đà, nước Tỳ-Xá-Ly, đã phạm giới Dâm (Bất Tịnh Hạnh)⁽²⁾.

Dựa trên dữ-kiện lịch sử Phật-Giáo Ấn Độ nói trên, chúng ta có thể nhận định rằng :

1 - Những ai chưa đạt tới trình độ giác ngộ, và còn lỗi lầm trong hành động bản thân, trong lời nói, và trong ý nghĩ, thì

2 - Người mà đã tu - dưỡng và giác-ngộ, với những hành động do thân - khẩu - ý đều trong sáng và chân chính, thì khỏi cần nói : phải giữ giới-luật. Thí dụ như Tuệ-Trung Thượng-Sĩ tại Việt-Nam ; và Duy-Ma-Cật tại Ấn-Độ.

III - Bình Đẳng, Bất Nhị

Theo quan-điểm này của Tuệ-Trung Thượng-Sĩ, thì tất cả mọi người đều có Phật-Tính bình đẳng như nhau, không phân biệt nam nữ, phạm thánh, mê ngộ, miễn là biết bừng tỉnh trở về với Phật-Tính của chính mình. Trong Thượng-Sĩ Ngữ

(1) - Đại Tạng Kinh, Tứ Phần Luật Tỷ Khiêu Giới Bản, tập 22, trang 1022.

(2) - Đại Tạng Kinh, Tứ Phần Luật, Tập 22, tr. 569 - 570.



Lục, quan-diêm trên được diễn tả bằng hai chủ đề :

1 - Phạm Thánh Bất Dĩ ; và

2 - Mê Ngộ Bất Dĩ.

Bởi vì Phật-Tính đâu có khác biệt giữa phạm và thánh, giữa mê và ngộ. Sở dĩ chúng ta là phạm phu vì chúng ta mê lầm, vọng ngoại, quên mất Phật-Tính sẵn có độc lập của mình ; sở dĩ ông Phật là thánh-nhân và ông Phật biết giác ngộ, trở về với Phật Tính của chính ông. Do đó, Tuệ-Trung Thượng-Sĩ nói rằng :

"My mao tiêm hoành ty không thù,
Phật dữ chúng-sinh đô nhất diện."

Nghĩa là :

"Đều là mày ngang, mũi dọc như nhau,

Phật và chúng-sinh cùng một khuôn mặt".

Sở dĩ còn bất công và mâu thuẫn, vì chúng ta còn có định kiến và hiểu biết sai lệch. Nghĩa là, chúng ta chế sự sống con người làm hai phần đối lập. Nói theo Tuệ-Trung Thượng-Sĩ, thì chúng ta còn cố chấp vào hai tà-kiến : Nhân và ngã, pháp và ngã - Ngã Kiến thuộc chấp nhân, ngã Kiến thuộc chấp Pháp - Người và Ta, thế giới khách quan và thế giới chủ quan, vật và tâm, sắc và không. Vì thế, muốn sống trong một thế-giới đại đồng, công bằng, hòa hợp, tình nghĩa và bình đẳng, Tuệ-Trung Thượng-Sĩ khuyên chúng ta :

"Đăn năng vong nhị kiến,

Thế-giới tận bao dung".

Nghĩa là :

"Chỉ cần xóa bỏ hai tà-kiến,

Thế-giới sẽ dung hòa trọn vẹn".

- Mặt khác, trên cơ sở xã hội con người, chủ đề nêu trên đã khẳng định quyền bình đẳng, bất khả nhượng của toàn thể nhân loại nói chung, của dân tộc Việt Nam nói riêng. Nghĩa là : chúng ta đều có quyền thành Phật, đều có quyền hưởng tự do và hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát, nếu chúng ta biết áp dụng cụ thể quan điểm "Vong nhị Kiến" - Bình đẳng, Bất Nhị, vào việc tu dưỡng thân tâm. Tuy nhiên, còn vấn đề giai cấp xã hội, đó chỉ là việc phân công, phân nhiệm tùy theo trình độ trí thức và khả năng chuyên môn của mỗi người, và mỗi đoàn thể trong cộng đồng mà thôi. Song, trên thực-tế, không thể có những giai cấp tự nhiên nhiên và sẵn có, trong khi máu của chúng ta cùng đỏ, nước mắt của chúng ta cùng mặn, ngoại trừ những tôn-giáo và những chủ-nghĩa chính trị cố tình áp đặt, và gây chia rẽ tình người của nhân-loại trên hành-tinh này. Và lại, có một quy-luật bình đẳng chung, là tất cả mọi người đều phải sinh ra, và phải chết đi. Vì vậy, trong văn-học dân gian và lịch-sử dân tộc ta, đã sẵn có những giai-thoại bình đẳng hay bình quyền. Thí dụ :

- Truyện Chử - Đồng - Tử và công chúa Tiên - Dung ;

- Truyện Tấm - Cám kết duyên cùng hoàng tử ;

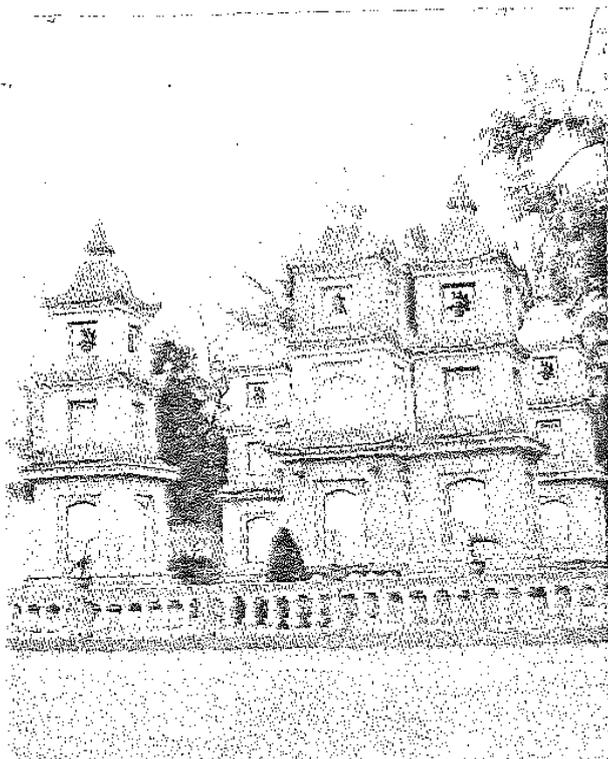
- Truyện Thạch - Sanh lấy công chúa, rồi trở thành phò-mã và quốc-trạng ;

- Lịch sử Hai Bà Trưng, hai vị Anh-Thư đầu tiên lên làm vua, và phát cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Đông Hán vào năm 40-43 sau Tây Lịch.

Cũng trong tinh thần bình đẳng, chính Đức Phật đã đứng lên phê phán khắt khe bốn giai-cấp bất công của Ấn-Độ đương thời do Đạo Bà-La-Môn hay Ấn-Độ giáo đặt ra, dựa trên cơ-sở đầu, mình, tay và chân của Trời Phạm Thiên trong Kinh Rigvedas.

IV - Tốt Đạo Đẹp Đời.

- Trước hết phải xác định rằng : Đây là một trong những hạnh-nguyện vĩ đại của các vị Bồ-Tát, thuộc Phật Giáo Đại-Thừa, nhằm thực hiện cụ thể lòng từ-bi, vô-ngã,



vi-tha, và cứu-khồ, độ-sinh cho tất cả mọi người và chúng sinh. Do đó, theo Truyện Quán Âm Thị-Kính trong văn học Hán-Nôm Việt-Nam, có chép :

"Dù xây chín cấp phù-đồ ⁽¹⁾,

Không bằng làm phúc cứu cho một người".

Từ-tượng cao đẹp trên đã được diễn tả bằng một từ ngữ "Hỗn Tục Hòa Quang" trong Thượng-Sĩ Ngũ-Lục. Tuy nhiên, từ-ngữ này cũng giống như "Hòa Quang Đồng Trần", và đã được dùng trong Kinh Đại Phương-Tiện Phật Báo Ân, quyển 2, phẩm Đối-Trị thứ 3 ; và trong Đạo Đức Kinh của Lão-Tử. Nghĩa là : theo Đạo-Phật Việt-Nam, thì các Phật-Tử cần phải dấn thân vào cuộc đời, mang ánh sáng từ-bi và trí-tuệ để giác ngộ và giải thoát cho mọi người cùng được tự-do và hạnh-phúc, cùng được thành Phật, thành những người Việt-Nam có nhân-cách xứng đáng nhất, và văn-minh nhất. Bên cạnh đó, luôn luôn đặt sự lợi-ích chung lên trên cá-nhân Phật-Tử, vì trong cái chung, tất yếu phải có riêng, để chung sống hài hòa, không mâu thuẫn, không thù nghịch. Nói khác đi, Phật- Pháp không thể tồn tại ngoài thế-gian ; tìm chân lý ngoài cuộc đời là ảo tưởng, không thực tiễn. Còn xuất thế-gian,

(1) - *Chín cấp phù-đồ* : Chín cấp là chín tầng ; phù-đồ là tháp thờ Phật, Bồ Tát, A-La-Hán, các Thánh-Tăng, và các Tổ Sư. Nói chung, đó là tháp chín tầng. Còn riêng chữ phù-đồ bắt nguồn từ chữ Sanskrit và pali Ấn Độ : Caitya, Chaitya (chế đê), Cetiya, dagaba (Tháp-ka).

không có nghĩa là trốn tránh cuộc đời, mà chính là sự cứu giúp cho cuộc đời đề đạt tới một lẽ sống cao đẹp hơn, siêu việt hơn, mới mẻ hơn. Đó là nền-tảng Nhân Bản Phật-Giáo Việt-Nam, luôn luôn thích nghi và đổi mới có văn-hóa, có lựa chọn cho cả Dân-Tộc và Phật-Giáo đồng thời tồn tại và tốt đẹp mãi mãi.:

Tới đây, chúng ta phải thành thật nói rằng, bốn quan điểm chính dùng làm bốn chủ-đề nêu trên, cũng chỉ là bước đầu trên tiến trình tìm hiểu những tư-tưởng nòng cốt trong Thượng-Sĩ Ngũ-Lục, ngõ hầu chúng ta có thể lựa chọn được điều gì có lợi chung cho việc đời mới đất nước và Phật-Giáo hiện nay chăng.

Trước khi kết thúc bài này, chúng tôi xin nói thêm một điểm đề tiện bề nghiên cứu cho quý độc-giả trong tinh-thần giao lưu văn-hóa.

- Tác phẩm Thượng Sĩ Ngũ-Lục của Tuệ-Trung Thượng Sĩ so với Kinh Duy-Ma-Cật của Bồ-Tát cư sĩ Duy-Ma-Cật, gồm 14 phẩm, bên Ấn-Độ đương thời Đức Phật, đại ý có nhiều điểm

giống nhau. Cụ thể như phẩm 8, Phật-Đạo hay Thông-Đạt Phật-Đạo, cũng nói về "Phi Trì giới, Nhẫn nhục" ; phẩm 9, Nhập Bất Nhị Môn, cũng đề cập tới quan điểm Bất-Nhị, như "Mê Ngộ hay Sinh-Tử và Niết-Bàn Bất Nhị ; và phẩm Bồ-Tát Hạnh 11, cũng mang một ý-nghĩa chung là "Đạo Phật Đi vào cuộc Đời", xả thân cứu thế, hốt tạc hào quang. Còn riêng về giá trị thực tiễn của cá nhân Duy-Ma-Cật, chắc chắn không thể bằng Tuệ-Trung Thượng-Sĩ, bởi vì Duy-Ma-Cật chẳng đóng góp được gì trong sự-nghiệp ích quốc, lợi dân cho Ấn-Độ, mà chỉ đưa ra một mới tư-tưởng Đại Thừa Phật-Giáo mà thôi.

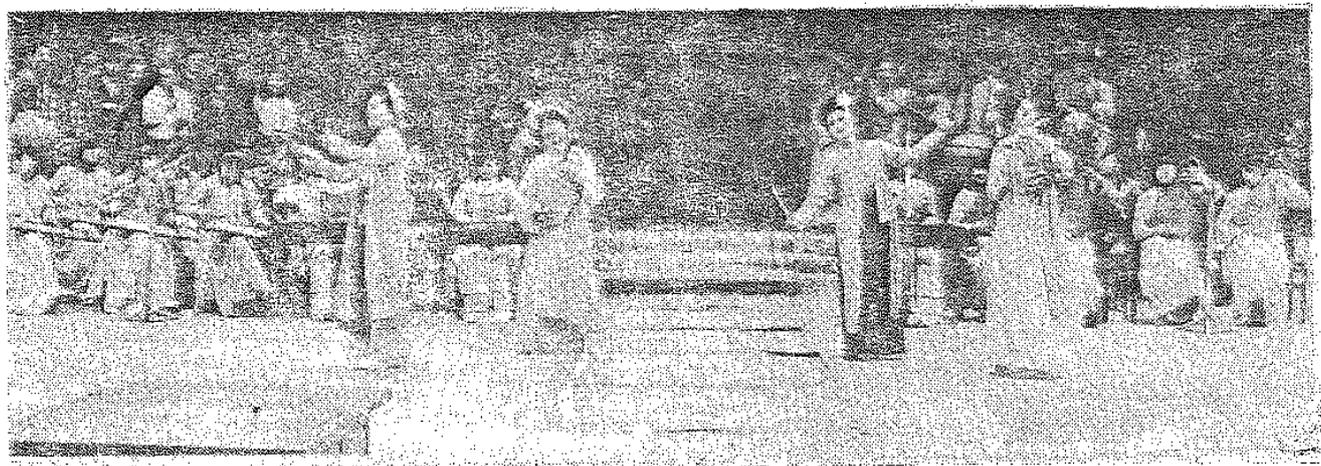
Tóm lại, Thượng-Sĩ Ngũ-Lục được coi như một tác-phẩm tổng hợp một số tư-tưởng Phật-Giáo Đại Thừa của Ấn - Hoa - Việt, và góp phần vào kho-tàng văn-hóa của Phật-Giáo và dân tộc Việt-Nam.

Mùa thu, năm Nhâm-Thân, 1992.

TP. Hồ Chí Minh.

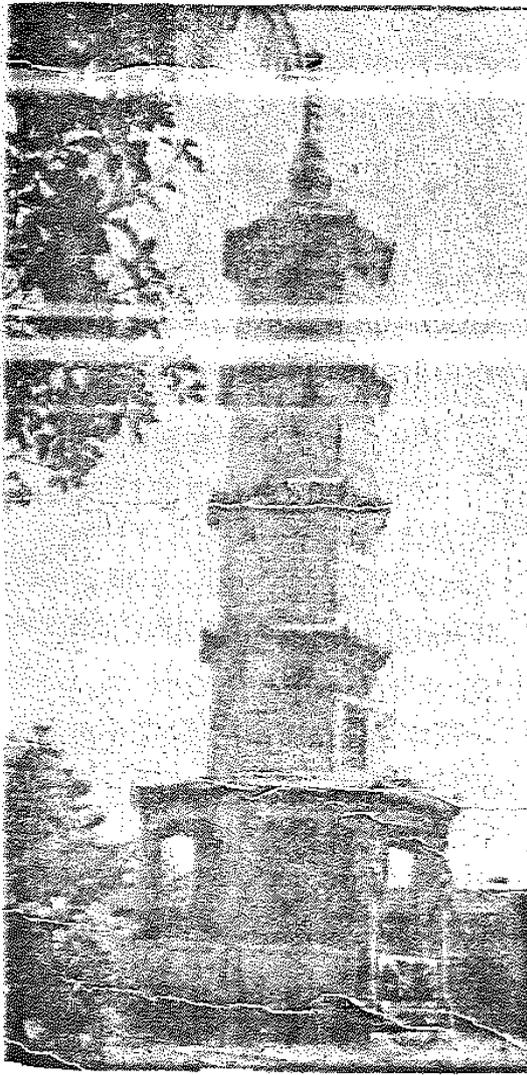
Trụ-trì Chùa Giác-Minh,

Sa-Môn THÍCH-ĐỨC-NGHIỆP.



BÀI HỌC CHỮ NHÃN CỦA ĐỨC PHẬT

DƯƠNG THU ÁI



CÓ một lần khi Phật Đà thuyết pháp ở một địa phương thuộc Câu-giảm-di, trong các đệ tử đã phát sinh sự tranh chấp rất gay gắt. Giữa những người tranh chấp không ai chịu nhường ai. Phật Đà đã triệu tập tất cả lại để thuyết phục :

- Các con không được tranh giành nhau. Dùng tranh giành để chấm dứt tranh giành thì không thể chấm dứt được. Duy chỉ có dùng chữ nhẫn mới có thể chấm dứt được tranh giành. Ta hy vọng các con đều nên phải có đức hạnh trong chữ nhẫn.

Ngày xưa, ở nước Kiêu - Thường - Di có một vị vua tên gọi là Trương - Thọ. Vua nước Ba-la-nại ở bên cạnh tên là Phạm - Dự. Một hôm Phạm Dự Vương dẫn đại quân tới xâm lược nước Kiêu - Thường - Di. Trương Thọ vương bèn dẫn quân ra chống lại Phạm Dự Vương. Kết quả là Trương Thọ Vương bắt sống và cầm tù Phạm Dự Vương. Trương Thọ Vương không những không giết hại Phạm Dự Vương mà còn phóng thích cho về, lại nói :

- Việc sống chết của ông đang nằm trong tay tôi. Tôi miễn tội chết cho ông. Mong từ nay về sau xin ông

đừng gây ra chiến tranh nữa.

Phạm Dự Vương lúc đó rất sung sướng khấu đầu lạy tạ. Nhưng chạy được về nước không lâu, lại hưng khởi đạo quân đến báo thù huyết hận.

Trương Thọ Đại Vương trong lòng nghĩ :

- Ta tuy có thể chiến thắng ông ta, nhưng ông ta không thừa nhận thua. Ta lại chiến thắng ông ta đâu phải chuyện khó khăn gì. Nhưng trái tim của ông ta vẫn vĩnh viễn không phục ta, mà chiến tranh lại là một hành vi tội ác. Ta muốn chiến thắng ông ta. Ông ta muốn chiến thắng ta. Ta muốn giết hại ông ta, ông ta cũng muốn giết hại ta. Vì điều đó, ông ta muốn xâm lăng thôn tính đất nước của ta, khiến cho dân chúng nước ta và nước ông ta phải chịu bao khổ sở. Điều đó thật chẳng đáng chút nào chăng ? Ông ta đã muốn xâm lấn đất nước của ta, thế thì ta nhường cho ông ta. Ta không muốn chiến tranh, ta không muốn để cho nhân dân nước ta chịu khổ sở !

Trương Thọ Đại Vương nghĩ như vậy, rồi lập tức sai đại thần đem đất nước và

công việc giao hết cho Phan Dụ Vương quản lý. Còn mình dẫn hoàng hậu, thái tử ngồi lên xe, đi tới một vương thành khác ẩn dấu thân mình.

Sau khi Trường Thọ giao đất nước cho Phan Dụ Vương rồi Người và hoàng hậu lại quay trở lại sống ở biên giới đất nước của Phan Dụ. Ông đã thay đổi họ tên, mặc quần áo thường phục bình dân, nghiên cứu học vấn, học tập kỹ năng, đi tới khắp các đô thị lớn, dùng những bài ca điệu múa với những âm nhạc xúc động với những nét mặt dịu dàng thăm hỏi nhân dân các nơi. Thái tử thì đem gùi cho người khác nuôi dưỡng hộ.

Về sau Phan Dụ Vương được tin tình báo biết Trường Thọ Vương đã thay đổi họ tên ở lẫn khuất trong thành của mình. Phan Dụ Vương lập tức hạ lệnh cho binh lính tìm bắt về. Mọi dân chúng nhìn thấy Trường Thọ Vương bị bắt trói, đều rơi lệ, khóc không thành tiếng. Thái tử của vua Trường Thọ tên gọi là Trường Sinh đồng tử gửi nuôi ở nước khác, rất thông minh, lanh lợi, thông đạt, tài giỏi cả trăm nghề. Biết tin phụ vương bị bắt,

Trường Sinh đã cải trang thành một tiểu phu tới trước để thám thính tin tức của phụ vương. Trường Thọ Vương thấy con trai mình, nói với con, với vẻ bình thường như chẳng có sự gì xảy ra :

- Phải chịu nhẫn ! Phải chịu nhẫn ! Điều quan trọng là đạo hiếu. Không được kết nhân quả cho sự oán thù ! Điều quan trọng bậc nhất đó là lòng mong ước làm điều từ bi. Miệng nói những lời hung dữ, lòng nghĩ việc độc ác, sẽ tạo nên hận thù, dẫn tới oán ghét, như vậy tức là trồng xuống đất cái rễ tai họa cho cả vạn đời. Đó chẳng phải người con có hiếu của ta ! Người nên biết đến sự từ bi của chư Phật đã bao trùm cả trời đất, oán và thân đều được bình đẳng. Cha đã tìm được đạo, biết được chân lý, đã xả thân cứu dân chúng, mà còn sợ rằng không thể giành được hiếu đạo. Giả dụ con tới đây báo thù cho cha, để gây thêm oán hận, làm những việc trái với đạo của cha. Vô luận như thế cha cũng không thể cho phép con tồn

tại ý nghĩ như vậy được. Con nên ghi nhớ kỹ lời ta. Chỉ có tiếp thu mệnh lệnh của ta, con hãy lần tránh vào trong rừng sâu ẩn thân tránh nạn. Các thân sĩ hào tộc trong nước Ba-la-Nại đều rất đồng tình với Trường Thọ Vương, mong muốn người sẽ thoát khỏi cái tội vô tội này. Phan Dụ vương đã biết nhân dân quý mến Trường Thọ Vương, trong lòng vô cùng sợ sệt. Vì Phan Dụ muốn trừ bỏ họa căn cho nên đã không thể không chặt đầu Trường Thọ Vương.

Sau khi Trường Sinh đồng tử biết tin cha mình bị sát hại giữa nửa đêm, chàng lẳng lẳng lén tới nhật thi hài cha, lấy gỗ thơm dấu vào trong thân xác, khăn thiết chí thành, cầu phúc cho linh hồn của cha.

Phan Dụ Vương đã biết Trường Thọ Vương có một thái tử tên gọi là Trường Sinh đồng tử. Phan Dụ sợ Trường Sinh sẽ tới báo thù, lòng rối như tơ vò, hoảng sợ đến mất ăn mất ngủ, bèn nghiêm khắc ra lệnh tìm bắt Trường Sinh đồng tử.

Về sau Trường Sinh đồng tử cải họ đổi tên, vào

ở trong thành Già Thi, trở thành một thánh thú đàn giỏi tuyệt vời. Tất cả các môn hào quý tộc đều rất yêu quý chiều chuộng chàng. Một hôm, khi chàng bị Phạm Dự Vương nhìn thấy, nhà vua vô cùng sung sướng, hạ lệnh bắt chàng tiến cung để hầu đàn sớm tối. Phạm Dự Vương rất tín nhiệm Trường Sinh đồng tử, có con dao hộ thân cũng giao cho Trường Sinh đồng tử cầm giữ.

Có một lần, Phạm Dự Vương vào săn ở trong núi sâu, bị lạc mất lối về. Phạm Dự và tùy tùng đều mất liên lạc. Chỉ còn một mình Trường Sinh đồng tử theo hầu ở sau. Phạm Dự Vương dò dẫm tìm đường về, tìm rất lâu mà không thấy lối ra. Nhà vua vô cùng mệt mỏi bèn gối đầu lên đùi Trường Sinh đồng tử nhắm mắt nghỉ ngơi.

Giữa phút này Trường Sinh đồng tử nghĩ : tên ác vương này chính là một tên hôn quân vô đạo. Mày đã giết chết phụ vương vô tội của ta, chiếm mất đất nước của phụ vương ta. Bây giờ sinh mệnh của hần nằm trong tay ta. Thật là trời cho ta dịp thuận tiện này.

Đây thật là cơ hội ngàn năm khó gặp, để cho ta trả mối thù huyết hận này.

Trường Sinh đồng tử nghĩ vậy bèn rút dao ra định giết chết Phạm Dự Vương. Nhưng cũng chính trong khoảnh khắc đó, chàng lại nhớ tới lời di huấn của phụ thân, liền lại rút dao vào bao da, lúc này Phạm Dự Vương cũng vừa sức tỉnh. Phạm Dự Vương nói với Trường Sinh Đồng tử rằng :

- Trời ơi ! Đáng sợ ! Đáng sợ thay ! Ta vừa mơ, trong giấc mơ hoảng hốt nhìn thấy Trường Sinh đồng tử tới báo thù. Hần đã dùng dao chặt đứt đầu ta.

Trường Sinh đồng tử nghe Phạm Dự Vương nói xong liền nói chậm rãi giằng giọt như sau :

- Thừa đại vương ! Đại vương chớ có kinh sợ ! Tôi chính là Trường Sinh Đồng tử. Tôi xin nói thật để đại vương biết, khi đại vương đang ngủ say, tôi đã nghĩ đến sự trả thù, nhưng tôi đã nghĩ tới lời di huấn của phụ vương tôi, nên tôi đã lại tra dao vào vỏ.

Phạm Dự Vương vội vàng hỏi :

- Phụ vương nhà người có lời di huấn thế nào ?

Trường Sinh đồng tử kể lại một lượt lời di huấn của phụ vương :

- Phải chịu nhẫn ! Phải chịu nhẫn ! Đó mới gọi là đạo hiếu. Không được kết nhân quả cho sự oán thù ! Ôm ấp trái tim độc địa hận thù đó chính là gốc rễ của họa hoạn muôn đời !

Làm như mình chưa nghe hiểu được rõ, Phạm Dự Vương hỏi lại Trường Sinh đồng tử :

- Phải chịu nhẫn ! Phải chịu nhẫn ! Đó là điều ta đã hiểu. Nhưng ôm ấp trái tim độc địa là gốc rễ của họa hoạn muôn đời thì có ý tứ gì nhỉ ?

Trường Sinh đồng tử trả lời :

- Tôi giết đại vương. Các thần tử của đại vương nhất định sẽ giết tôi. Các thần tử



của tôi cũng nhất định sẽ giết thần tử của đại vương. Chỉ bằng tôi tha mạng sống cho đại vương, đại vương cũng tha thứ cho tôi. Chữ nhân sẽ là nguồn gốc để chặt đứt cái rễ của tai họa!

Phạm Dự Vương nghe xong, vạn phần cảm kích. Nhà vua vô cùng hối hận và nói lầm rầm, làm nhảm:

- Ta đã giết một vị thánh. Tội của ta đáng vạn lần chết! Rồi Phạm Dự Vương nói với Trường Sinh đồng tử rằng nhà vua tha thiết có nguyện vọng đem toàn thể đất nước nhường cả cho Trường Sinh. Nhưng, Trường Sinh ngược lại, rất khiêm tốn và trang nghiêm nói:

- Nước cũ của đại vương thì thuộc quyền sở hữu của đại vương. Nước cũ của phụ vương tôi thì đại vương trả lại cho tôi là tốt rồi.

Phạm Dự Vương và Trường Sinh đồng tử cùng tìm lối trở về thành. Trên đường có rất nhiều quan đại thần của Phạm Dự Vương tới đón. Phạm Dự Vương hỏi họ có ý thăm dò:

- Ta hỏi các người: giả dụ các người khi gặp Trường Sinh đồng tử thì

các người đối phó hẳn như thế nào?

Tất cả các quan đại thần đều háng hái sôi nổi đứng khì tăng gấp trăm lần trả lời:

- Muôn tâu bệ hạ! Chặt đứt tay hẳn!

- Muôn tâu! Chặt đứt chân hẳn!

- Muôn tâu! cho hẳn hết mạng sống!

Phạm Dự Vương chỉ vào Trường Sinh đồng tử ở bên cạnh:

- Đây chính là Trường Sinh đồng tử.

Các quan đại thần vô cùng kinh ngạc, từng người, từng người đều tuốt kiếm giương cung, chuẩn bị giết hại Trường Sinh đồng tử.

- Chớ có động tay!

Phạm Dự Vương ngăn trở họ, rồi đem từng lời, từng lời, lấy đức báo oán của Trường Sinh đồng tử giảng dạy cho các đại thần nghe. Các quan đại thần đều rất cảm động, Phạm Dự Vương còn căn dặn, từ nay về sau vô luận là ai, đối với Trường Sinh đồng tử đều không được phép có ác ý.

Các quan đại thần đều rất vui mừng kính phục. Sau khi về thành, bước vào

Phạm Dự Vương mời Trường Sinh đồng tử thấp hương đốt nén, tắm gội nước thơm, lấy quần áo của nhà vua mặc vào cho Trường Sinh đồng tử rồi nhường cả cung điện của mình, mời Trường Sinh Đồng tử ngồi lên trên giường vàng của mình. Cuối cùng gả con gái của mình làm vợ Trường Sinh Đồng tử. Nhà vua còn phái rất nhiều quân đội đem ngựa xe hộ tống Trường Sinh về nước.

Hỡi các tỷ khuru! Các con nghe xong chuyện này trong trái tim các con có cảm nghĩ gì? Vua nước Kiều - Thưởng - Di là Trường Thọ Vương tự mình đã hành động nhẫn nhục, người có tấm lòng đại từ đại bi, người đã ghi ân huệ cho kẻ thù của người. Thiết nghĩ các con cũng nên dụng công mà làm như vậy. Các con hãy lấy chân tâm mà tín ngưỡng, bỏ giống, rời quê, cắt thương yêu, từ cha mẹ để đi sâu tìm hiểu chân lý vũ trụ, để giành lấy bức ảnh chân thực của nhân gian. Các con hãy hết sức thực hành sự nhẫn nhục, ngợi ca sự nhẫn nhục. Các con hãy hết sức thực hành lòng từ bi, ca ngợi sự từ bi! Hãy đem ân huệ bố thí cho tất thảy mọi chúng sinh. Bức ảnh chân thực

trong vũ trụ là một thể thống nhất không nên có sự tranh chấp của tôi, của anh.

Phật Đà tuy đã dùng những sự thực từ bi như vậy để khuyên giải mọi người không nên tranh chấp. Nhưng trái tim của các tỳ khuru thích tranh chấp vẫn kết thành một cục lớn không thể tan ra được. Có một vị kỳ khuru nói với Phật Đà :

- Kính thưa Phật Đà ! Người khác khích bác mĩa mai làm nhục con, đối với con giữ những ý kiến trái ngược, mà bất con không được nói câu nào thì con không thể chịu được.

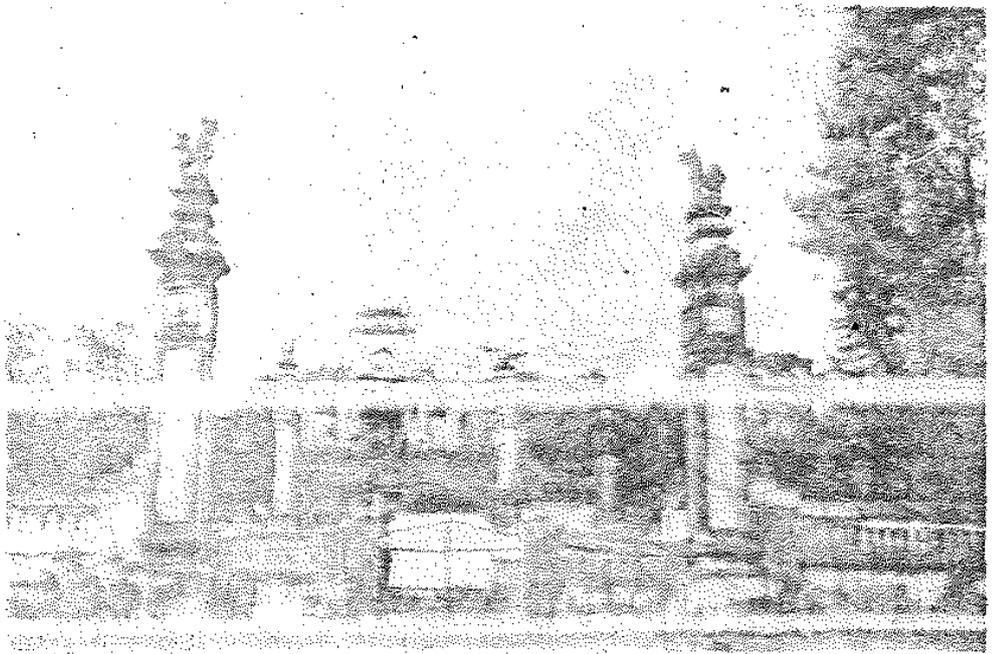
Phật Đà chăm chú nhìn vị tỳ khuru vừa nói, người lập tức từ chỗ ngồi đứng dậy nói với vẻ rất uy nghiêm :

- Làm một quốc vương ở trên thế gian mà để cho người khác làm cho đến nổi quốc - phá gia phong, mà người ta còn nhẫn nhục được. Chỉ có cái miệng các người là hay tranh chấp nhau, tại sao lại không thể hòa hợp được? Lấy tranh chấp để làm ngừng sự tranh chấp, thì không thể có khi nào ngừng được. Nếu quả thực là các con muốn giải cứu chúng sinh, suy nghĩ vì lợi ích của số đông người, mà lại dùng sức mạnh thay thế cho lòng từ ái để khuất

phục đối phương. Điều đó cũng không thể đạt được. Nhưng sự tranh chấp giữa các con đều xuất phát từ ý niệm riêng tư. Với ý kiến của riêng ta thì không nên tranh chấp, nên nhẫn nhục. Con đường nhẫn mới là con đường quý giá.

Hỡi các tỳ khuru ! Nếu các con không coi mọi người là thầy, là bạn của mình, không cùng chăm chỉ học tập với nhau thì có

đi một chỗ. Những người không chịu sửa đổi tính xấu thì vẫn không sửa đổi. Đối với những người vô duyên không có thiện căn thì Phật Đà đành để cho họ đi. Những người có thiện căn cảm động trước lời nói của Phật Đà, sau khi đã giảng hết những điều cần phải giảng, trong lòng chẳng có điều gì vương vấn. Phật Đà biết rằng cái oán kết do tranh chấp ở trong nhân



Đền An Dương Vương Ngã An.

khác gì con voi điên, độc chiếm khu rừng rộng, lại cứ khăng khăng giữ ý mình cho rằng chỉ có mình là tài giỏi nhất, lành hiền nhất, mà không chịu ở cùng với những người mình cho là tàn ác.

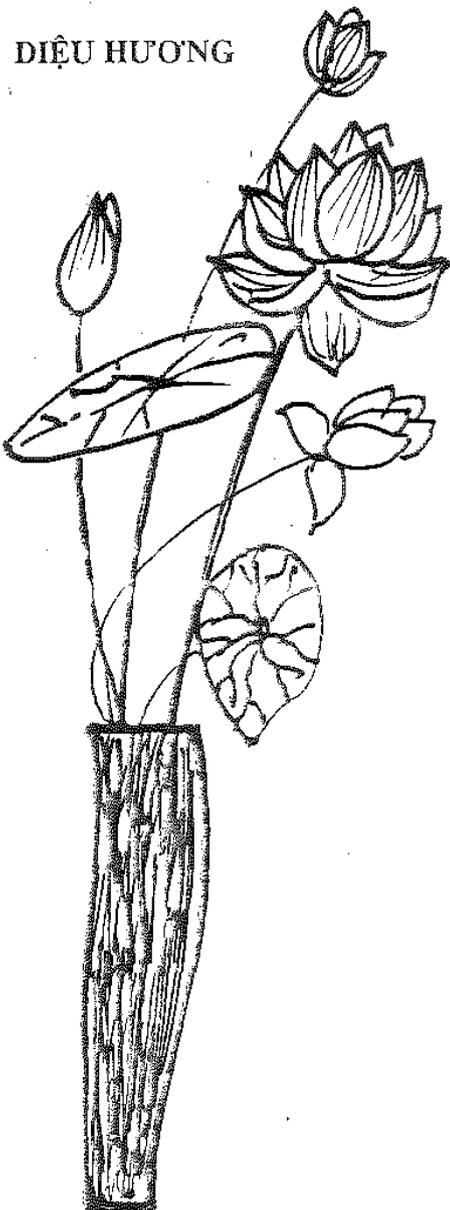
Phật Đà nói xong mọi người xông xáo một lát rồi Phật Đà bảo mỗi người tản

gian rất khó giải, nếu tự mình không biết giác ngộ thì chẳng có biện pháp nào giải được.

Phật Đà cảm thấy trên thế gian này cần phải tuyên dương rộng rãi chân lý từ bi, tự do, bình đẳng và chuyên sinh đó là điều bức thiết nhất.

CẢNH CHÙA

DIỆU HƯƠNG



Giữa dòng đời vẫn đục bụi trần
Ta thường hướng lòng về một nơi yên á
Tĩnh mịch âm thanh, mát rượi vườn hoa lá
Phải chăng nơi ấy - Cảnh Chùa ?
Đề thả hồn ta vào cõi hư vô
Theo tiếng chuông ngân nga, ru bến lòng thư thái
Theo tiếng mõ điểm đều, nhịp con tim sám hối
Theo hương trầm thoảng đưa, cho tâm hồn dịu lại
Thơm mùi thơm ưu ái tình người.
Dưới bóng tre xanh ấp ủ hèn văn hóa lâu đời,
Thấp thoáng một mái cong cổ kính.
Bên sườn núi chênh vênh, bốn mùa mây quyện.
Gió thông reo vi vút, suối hòa ca
Hay quanh co dòng sông xanh lững lờ,
Ở nơi ấy, một ngôi chùa ẩn hiện.
Dấu ấn thời gian, rêu phong phủ kín,
Dấu ấn không gian, non nước trải gấm hoa...
Ánh lê minh cho tâm mắt vời xa
Sóng biển hay sóng lúa rờn xanh biếc ?
Hàng cau đu đưa, gọi chim về riu rít
Một thoáng hương ngâu, cũng vội bớt u sầu
Mẫu đơn đơm hoa, thấp ngọn lửa nhiệm màu
Sưởi ấm áp những nỗi lòng tê tái
Lượng TỪ BI quyện sắc hương hoa Đại
Như cánh tay vươn, ấp ủ lấy đời
Hoàng hôn về, chiều tím sẫm nơi nơi,
Tiếng chuông thu không, giục lòng ai thức tỉnh
Những đêm rằm vắng vặc trăng sao lấp lánh
Hay nỗi niềm canh cánh khôn nguôi ?
Bào tháp trầm tư, như bút viết lên trời
Câu hỏi lớn : Sao đời là Bề Khờ ?

*

* *

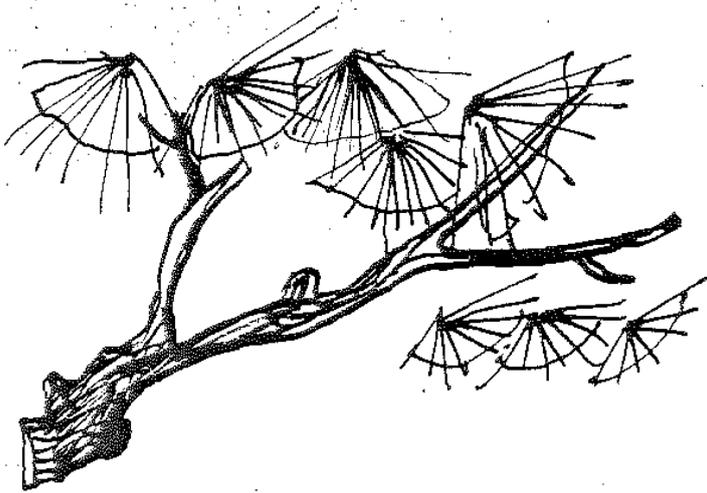
Trái bao tháng năm hưng suy cùng xú sở,
Trên mái rêu phong, đôi rồng châu vẫn đó
Vẫn hiên ngang tư thế cũ uy nghiêm,
Nâng tâm cao đất nước bay lên.
Như Giáo lý ĐỨC - TỪ - BI phò độ chúng sinh
Vẫn rọi hào quang vào những nơi u tối nhất
Đề Tham - Sân - Si muôn đời tuyệt diệt
Cho con người sống thực là Người

*

* *

Ôi cảnh Chùa, MIỀN YÊN Á trong tôi...

YÊN TỬ



*Yên Tử non thiêng con tới đây
Ghé chân cửa Phật đức cao dày
Chấp tay, con lạy hương một nén
Khói tỏa lòng con chút phàm bay.*

ĐÁ

*Đá vô tri, chẳng phải đá vô tri,
Đá vẫn suy tư thảng ngáy từ trong ruột đá
Đừng nói đá chẳng là chi cả
Tượng Vọng phu đá đã hóa hồn.*

LẦN ĐẦU ĐỌC KINH

*Lòng phàm phu chưa đến được với kinh.
Bởi Nhân Duyên, khi đến rồi
Kinh đọc trang thứ nhất,
Ngẫm mình phải sống thật hơn.
Đọc trang thứ hai thôi
Thấy cần đi tìm gọi.
Yếm thế ở chỗ nào?
Lòng thấy rõ Sân, Si.
Trước đèn,
Lặng nghĩ suy
Mọi dơn đau
Tham - Sân - Si là cội rễ
Đến với mỗi trang kinh,
Lòng hướng tìm về bề
Không xa lạ với đời thường
Kinh sách sáng ngời
Dạy ta biết NGHĨA NHÂN*

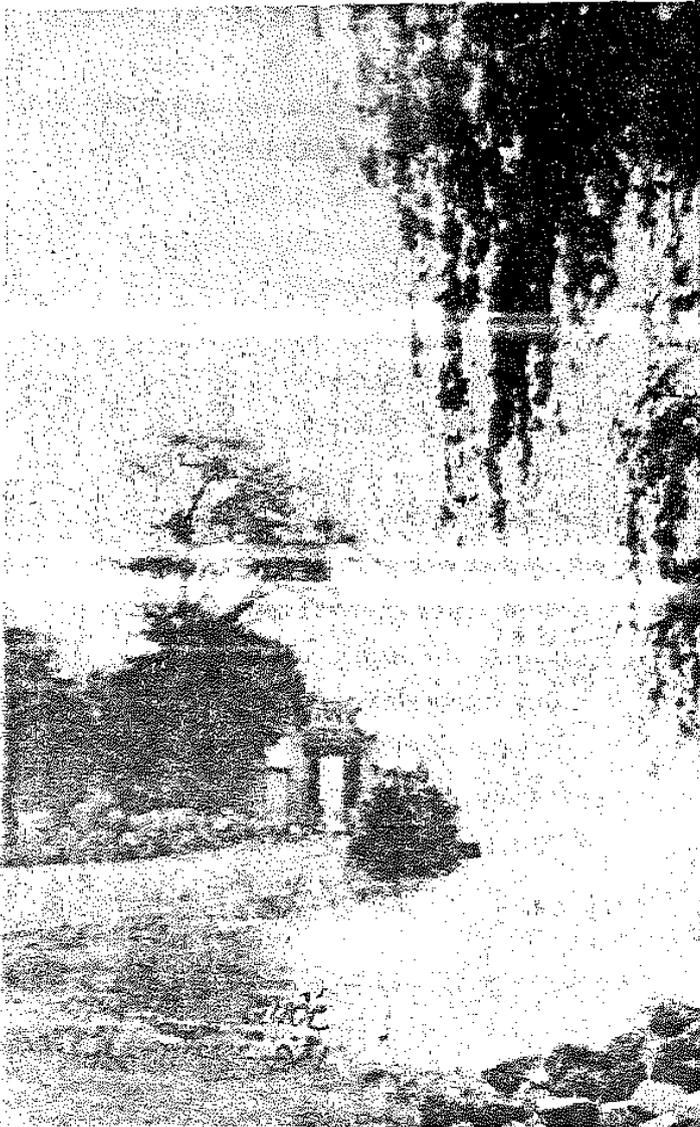
NGUYỄN SINH

*(Đài Truyền thanh,
truyền hình Ưông Bí,
Quảng Ninh).*

VỊNH CÂY BỒ ĐỀ CHÙA TRẦN QUỐC

THÍCH PHÁP LỮ

*Ngắm cảnh xem cây hữu nghị tình
Bồ đề Trấn Quốc dáng uy linh
Việt Nam Ái quốc Người uơm giống
Ấn độ Thích Ca Phật hiện hình
Năm tháng cung vua thề đoạn tuyệt
Bây tuần thành đạo dứt vô minh
Khai hoa bát nhã trừ phiền não
Giáo hóa quần sinh hưởng thái bình.*



SÍ HÙNG

LẠC LOÀI

*Sinh từ một lần ở cõi đời
Giàu nghèo, sướng khổ tựa trò chơi
Quá tham dục giới thân đầy họa
Bởi hại sinh linh mới lạc loài*

TUẤN LƯƠNG

PHÚC LỢI

*Chẳng cao cũng chẳng xa
Phật ở trong tâm ngụ ý ta
Thái bình an lạc, người lợi phúc
Hoan hỉ cùng nhau, kết nhụy hoa.*

SÍ TÂM

THƠ LUẬN CHỮ TÂM

*Tượng vàng Phật đức tại nhà
Mà tâm không tướng cũng là bằng không
Thế gian hợn của tâm công
Món gia tài lớn, có trông thấy gì
Mưu ma chước quỷ sân si
Lừa trên, dối dưới còn gì là tâm.*

TỪ nghìn năm nay, những người theo đạo Phật cũng như những người làm nghề chữa bệnh cứu người đều cùng chung một mục đích : làm cho loài người hết khổ. Có khác chăng là những người theo đạo Phật chú ý nhiều hơn đến phần "linh hồn" còn những người thầy thuốc lưu ý nhiều hơn đến làm giảm bớt những đau khổ về mặt thể xác. Nhưng linh hồn chỉ có thể mạnh trong một thể xác mạnh, cho nên nhiều khi khó phân biệt ranh giới giữa người thầy tu với người thầy thuốc.

Lịch sử Việt Nam có chép và *nhà sư kiêm thầy thuốc vào loại xưa nhất* là sư Nguyễn Minh Không (khoảng 1129). Minh Không có tên chính là Nguyễn Chí Thành người ở xã Đan Xá, huyện Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình, tu hành đắc đạo. Thời đó vua Lý Thần Tông mắc bệnh kỳ dị : tinh thần rối loạn, giận dữ bực tức, gằm hét như cọp. Triều đình đã đón hết các danh y đương thời nhưng đều bó tay, không chữa được. Sau đó có lũ trẻ con vừa đi vừa hát rằng : "Tập tâm vông, có ông

ĐẠO PHẬT VIỆT NAM VÀ NGHỀ Y DƯỢC DÂN TỘC

GIÁO SƯ TIẾN SĨ
ĐỖ TẤT LỢI

Minh Không chữa được thiên tử". Triều đình sai sứ đi tìm khắp nơi, đến làng Đan Xá thì mời được ông. Đến trước mặt vua Lý Thần Tông, Minh Không nói to lên : "Đàn ông đã làm điên cuồng như vậy ?". Vua có ý sợ, Minh Không bèn sai nấu một vạc nước tắm gồm nhiều vị thuốc nấu sôi để đủ ấm cho vua. Một thời gian sau vua khỏi bệnh. Vua phong chức cho ông là "Lý triều quốc sư" (hiện ở Hà Nội có đền thờ Lý Quốc Sư và đường phố có ngôi đền đó mang tên phố Lý Quốc Sư). Nhưng chuyện vị sư kiêm thầy thuốc nổi tiếng của nước ta không

phải chỉ có vậy : theo dã sử, kiếp trước của vua Lý Thần Tông là sư Từ Đạo Hạnh. Ở kiếp trước vua Lý Thần Tông (tức Từ Đạo Hạnh) là đạo hữu (bạn cùng tu) với Nguyễn Minh Không, cùng đi học đạo. Khi đắc đạo rồi, Từ Đạo Hạnh núp trong bụi, chờ Minh Không đi qua, hóa làm con cọp ra dọa Minh Không để thử tài bạn. Minh Không biết là bạn mới bảo bạn rằng : "Muốn vậy thì kiếp sau sẽ được làm hồ". Từ Đạo Hạnh bèn trút lột hồ ra, van lạy Minh Không và nói rằng : "Nếu sau này lời dọa của anh mà thiêng, tôi có biến thành hồ thì anh cứu cho". Minh Không nhận lời, và có câu chuyện kể trên (Xem Thiên uyển tập anh ngữ lục). Chúng tôi chép lại ở đây để ghi lại tại sao có đền thờ Lý Quốc Sư và đền thờ Từ Đạo Hạnh, đồng thời ghi lại một vị *sư kiêm thầy thuốc chữa bệnh bằng tắm và thôi miên* cho bệnh nhân vào thế kỷ 12 ở nước ta :

Năm thế kỷ sau, thế kỷ 17, xuất hiện một nhà sư kiêm thầy thuốc mà cả

ngành y được chúng ta đời đời nhớ ơn : đại danh y Tuệ Tĩnh. Ông vào làm con nhà chùa từ năm 6 tuổi, cùng với học làm sư, đã học thêm nghề làm thuốc, cống hiến trọn đời mình cho việc phục vụ sức khỏe nhân dân, bản thân làm, còn viết sách và in ra đề nhiều người, nhiều nơi cùng làm. Hãy đọc những ý kiến của người đương thời đánh giá hoạt động chữa bệnh cứu người của danh y thiền sư Tuệ Tĩnh trong "Lời tựa" bộ sách "Hồng nghĩa giác tư y thư" in vào ngày tốt tháng quý hạ năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717), cách mấy năm sau lại được nhà sách Hồng Liễu tái bản vào ngày lành đầu xuân năm Bảo Thái thứ tư triều Lê tức năm Quý Mão (1723) :

Nước ta từ khi lập nước trên cõi Nam, kẻ có hàng trăm nghìn người làm nghề thuốc, nhưng hỏi đến việc trước thư lập ngôn đề mở bến bắc cầu cho người sau, thì như tìm cá trên ngọn cây. Gần đây có bậc lão sư hiệu Tuệ Tĩnh, người làng Nghĩa Phú, huyện Cầm Giàng, phủ Thượng Hồng,

là một nhà sư nghiên cứu rộng về lẽ âm dương huyền bí, tìm hiểu sâu về đạo Kỳ, Biền, tinh truyền, từng soạn tập *Bản thảo* bằng quốc âm, tất cả hơn 630 vị, lại đem kinh nghiệm của bản thân gồm 13 phương pháp chữa tạp bệnh, và 37 trùy pháp chữa bệnh thương hàn, đều diễn thành lời ca tiếng Việt, sắp cả một pho sách, đề chỉ lối mê, mở đường lập, giác ngộ cho người đời nay, dụng tâm thật là nhân hậu tốt đẹp. Sách biên soạn xong, đã đưa khắc bản mà in ra, bản in để lại chùa Hộ Xá, huyện Giao Thủy, nhờ đó người trong vùng đều có một đường hướng chỉ nam về việc chữa bệnh, lưu truyền đến nay, tiếng tăm đã vang lừng bốn phương...". Qua lời tựa, chúng ta thấy chỉ trong vòng 6 năm (1717 đến 1723) đã phải in tới 2 lần đủ thấy sách được hoan nghênh như thế nào.

Tuệ Tĩnh đã dành một phần diện tích của chùa để tổ chức thành một cơ sở chế thuốc chữa bệnh đặt tên là "Hồng Nghĩa đường" (nhà thuốc của Hồng

Nghĩa, một biên hiệu của Tuệ Tĩnh lúc làm thuốc, vì quê hương của Tuệ Tĩnh ở phủ Thượng Hồng, làng nghĩa Phú).

Chúng ta biết rằng, với nhiệm vụ làm sư, Tuệ Tĩnh đã chuyên sách "Khóa hư lục" của Trần Thái Tông vốn viết bằng chữ Hán khó hiểu khó đọc đối với quần chúng, thành văn nôm đọc lên là hiểu ngay, nhớ ngay. Còn đứng về nghề thuốc, thì sau Tuệ Tĩnh một thế kỷ, người thầy thuốc lớn nữa của nước ta cũng viết sách, dạy học trò, nhưng chỉ viết bằng chữ Hán, chữ Nho, phải dịch ra quốc âm mới có thể hiểu được, thì ngay thời Tuệ Tĩnh, mỗi khi viết sách, dạy học trò tại chỗ cũng như hàm thụ (qua sách vở), Tuệ Tĩnh đều viết bằng chữ Nôm, lại dưới dạng thơ, dạng phú, đọc lên là hiểu ngay, nhớ ngay, làm cho sách vở của Tuệ Tĩnh viết ra được đông đảo quần chúng tìm đọc, tìm cách ứng dụng vì những vị thuốc Tuệ Tĩnh giới thiệu hầu hết là những vị thuốc mọc sẵn ngay trong nước. Một tác phẩm của Tuệ Tĩnh là

quyền "Nam dược thần diệu" (Thuốc nam công hiệu như thần); chỉ cần đọc tên sách, người đọc đã thấy được lòng tự hào dân tộc và tin tưởng vào tác dụng chữa bệnh của vị thuốc nam. Phải chăng vì vậy, nhân dân trong vùng đã suy tôn Tuệ Tĩnh là "thánh thuốc nam" hay "tổ sư thuốc nam" và sau khi Tuệ Tĩnh mất đi, quanh vùng Tuệ Tĩnh sinh ra và hoạt động, chỉ trong vòng đường kính chưa đầy 5 km ; mà có tới 4 nơi thờ Tuệ Tĩnh, hàng năm lấy ngày 1 tháng 4 âm lịch gọi là ngày lễ rước thánh, hay ngày hội thánh.

Vị sư thứ ba chúng tôi muốn nêu ở đây là vị sư

Thanh Cao người quê ở huyện Thanh lâm, tỉnh Hải Dương, cùng tỉnh với Hải Thượng Lãn Ông, vào những năm 1860, trụ trì chùa Đồng Nhân, huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cũ. Nhà sư Thanh Cao không phải là người hành nghề y dược, nhưng lại có công rất lớn trong việc tổ chức thu thập khắc in bộ sách "Y tông tâm lĩnh" của đại danh y Hải Thượng Lãn Ông.

Chúng ta biết rằng Hải Thượng Lãn Ông (1720-1791) đã miệt mài trong 30 năm, vừa dạy học, vừa viết sách, mới viết xong bộ sách *Y tông tâm lĩnh*. Năm ông 61 tuổi (1781),

ông được chúa Trịnh cho mời ra chữa bệnh, tuy thấy ra kinh đô chuyển này là phiền phức (vì tuy sinh ở Hải Dương, nhưng lại làm nghề thầy thuốc ở Hương Sơn, Hà Tĩnh là quê mẹ) nhưng ông vẫn hy vọng nhân dịp này nhờ sự giúp đỡ của chúa Trịnh để cho in bộ sách. Nhưng như chúng ta đã biết, trong suốt thời gian ở thủ đô, ông cũng không thuyết phục được ai đỡ đầu cho việc in sách. Cho đến khi ông mất (1791) sách vẫn không được in ra. Phải đến năm 1856 gần một thế kỷ sau khi Hải Thượng mất, sách của Hải Thượng mới được một người tên là Vũ Xuân Hiên bắt đầu cho thu thập lại với ý định cho in. Và hơn 10 năm sau (1866), Vũ Xuân Hiên mới đưa sách đến tay nhà sư Thanh Cao. Nhà sư Thanh Cao, vốn cùng quê với Hải Thượng Lãn Ông, lại là người rất thích sách thuốc, nên rất mong in bộ sách, nhưng vì công việc in kinh Phật của chùa rất bề bộn, tiền và giấy nhân dân quyên góp có hạn, nên công việc lại kéo dài thêm 11 năm nữa. Đến năm 1877,



nhà chùa mới nhờ một vị đã đỗ giải nguyên họ Nguyễn làm bài văn bia quyên tiền (xưa kia mỗi khi nhà chùa muốn in kinh hay sách thuốc, thường phân bố các sư sãi của chùa đến từng nhà dân, nói ý nghĩa công việc chùa dự định làm, và xin nhân dân kẻ ít, người nhiều góp tiền, gạo để chùa sớm thực hiện nhiệm vụ). Và đến năm 1885 (Hàm Nghi nguyên niên), bộ sách mới hoàn thành. Như vậy nếu tính từ khi Vũ Xuân Hiên bắt đầu thu thập với ý định đưa in (1855) đến khi sách được in ra (1885) đã mất đúng 30 năm. Và nếu tính từ lúc sách của Hải Thượng biên soạn xong (1770) đến khi nhờ nhà sư Thanh Cao mà in thành sách (1885) vừa đúng hết 115 năm. Rõ ràng hai bộ sách cơ bản nhất của nền y dược học Việt Nam do hai nhà y dược học lớn nhất của nước ta đều nhờ cửa Phật mà tồn tại với thời gian.

Đến giữa thế kỷ 19, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đạo Phật và nghề y dược ở các tỉnh phía Nam có thêm

một hình thức mới : vì cảm thấy nạn mất nước sắp tới, nên năm 1849, thầy *Đường Minh Huyền* đã từ Cái Tàu thượng (Sa Đéc) dẫn Phật tử vượt sông Hậu vùng Hòa Hảo đi về hướng núi Sam, Nhà Bàng, Láng Linh để thực hiện một quan niệm mới về theo đạo Phật : *Phật giáo Tinh độ cư sĩ*. Theo quan niệm này, người theo đạo Phật không bắt buộc phải xuất gia đi tu, họ có thể sống ở nhà, có người xây chùa mời sư, nhưng hoạt động chủ yếu là khai thác những vị thuốc, đơn thuốc sẵn có ở địa phương để cứu chữa bệnh tật cho nhân dân địa phương. Một số còn lại học thêm võ



thuật và làm những lao động khác. Đường hướng này do Đường Minh Huyền đề ra được nhiều địa phương ở các tỉnh phía Nam hưởng ứng. Cho nên mặc dầu Đường Minh Huyền đã mất năm 1863 nhưng rất nhiều chùa tại Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh khác ở miền Nam như Đồng Nai, Rạch Giá, Hà Tiên... đều có những cơ sở chẩn trị và bào chế thuốc đông y theo như đường hướng mà đại danh y thiền sư Tuệ Tĩnh đã mở ra từ thế kỷ 17. Chính vì lẽ ấy, cho nên trong Đại hội Phật giáo lần thứ 2 đã nghị quyết mở rộng trên cả nước hoạt động chữa bệnh cứu người của Tuệ Tĩnh thiền sư cách đây đã mấy thế kỷ.

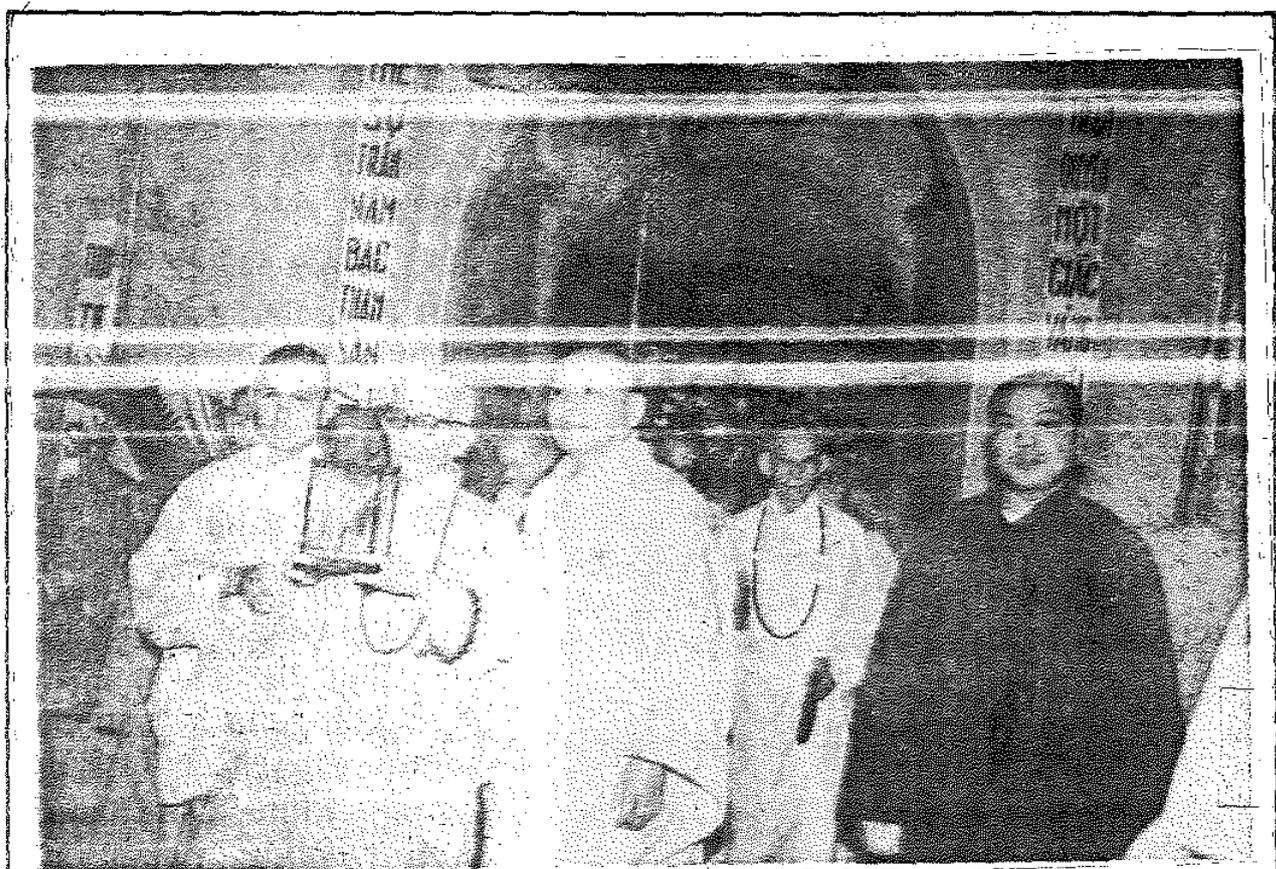
Phải công nhận rằng những tổ chức chữa bệnh tật tại các chùa hay tịnh độ cư sĩ (Tuệ Tĩnh đường), ngoài tác dụng thực của những phương pháp chữa bệnh của thầy thuốc, của những vị thuốc, còn thêm tác dụng của yếu tố tâm lý ; người thầy thuốc là vị sư hay đại diện của đức Phật từ bi hỷ xả, những vị thuốc

có thêm phép màu nhiệm của Phật. Vấn đề này liên quan đến tâm lý người bệnh. Về mặt khoa học, điều gì thuận lợi cho việc chữa khỏi bệnh đều có thể và nên sử dụng để rút ngắn thời gian đau khổ của người bệnh.

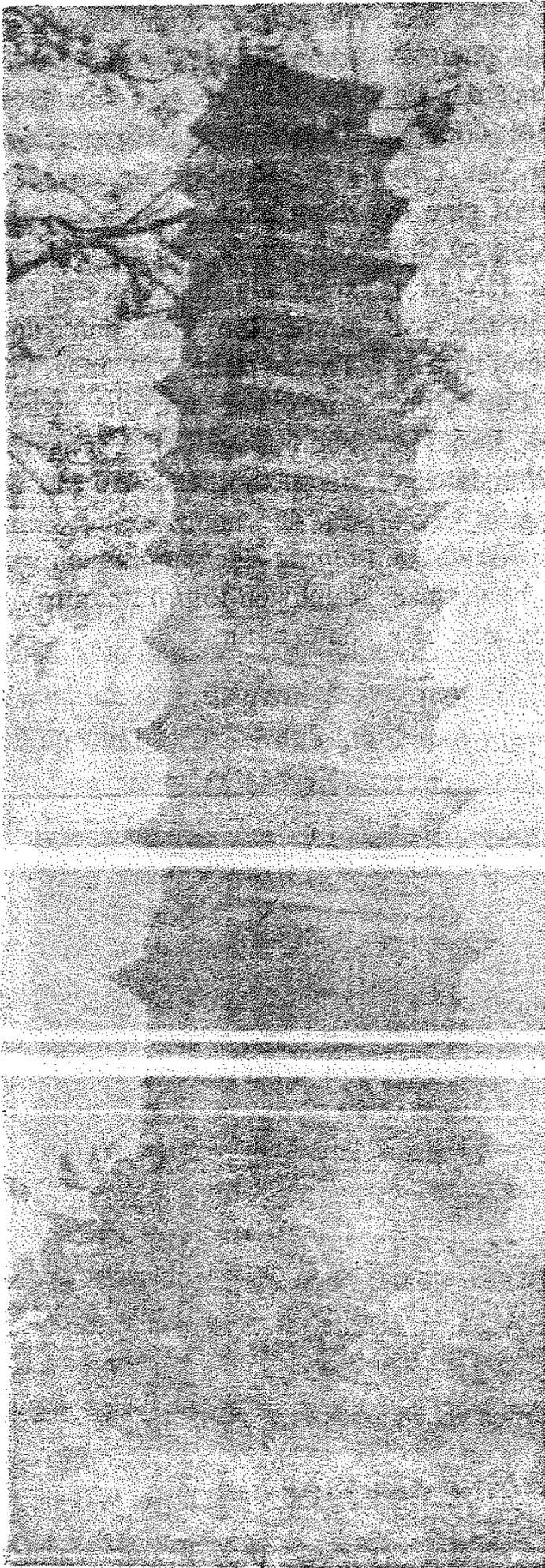
Chúng ta chỉ làm theo một truyền thống mà vị đại danh y thiên sư Tuệ Tĩnh đã thực hiện ít nhất cũng từ thế kỷ 17.

Đề thay cho phần kết luận, chúng tôi xin phép kể lại câu chuyện sau đây do cố Chủ tịch Hội đồng y Việt Nam Đặng Văn Cáp kể lại : Trong thời gian ở Thái Lan, bác Cáp có dịp làm việc với Bác Hồ. Một lần bác Cáp phân nản với Bác Hồ rằng có một trường hợp bệnh bác Cáp chữa mãi không khỏi. Bác Hồ mới hỏi : Thế chú đã đến thăm gia đình người bệnh chưa ? Sau khi đến thăm gia đình người bệnh, bác Cáp báo cáo với Bác Hồ

rằng gia đình đó cũng không có gì lạ, ngoài việc gia đình có bàn thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Bác Hồ nói : lần này đến thăm bệnh, sau khi kê đơn cân thuốc, và sắc thuốc xong, gia đình cần đặt bát thuốc lên bàn thờ đức Thánh Trần vái mấy vái trước khi đưa cho người bệnh uống. Và thế là người bệnh khỏi. Bác Hồ khi ấy đã là người cộng sản, nhưng Bác vẫn khuyên vận dụng yếu tố tinh thần trong chữa bệnh.



7 Hòa thượng Chủ tịch HĐTS cung minh xá lợi Phật về chùa Quán Sứ



HÌNH TƯỢNG VÀ VẸ ĐẸP CỦA THÁP ĐÌNH SƠN

NGÔ VĂN DOANH

THÁP Bình Sơn còn gọi là tháp Then ở chùa Then hay chùa Vĩnh Khánh thuộc địa phận thôn Bình Sơn, xã Tam Sơn huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phú hiện là một trong những kiến trúc tháp Phật giáo cổ nhất (thời Trần), đẹp nhất và cũng giá trị nhất của nền nghệ thuật kiến trúc cổ Việt Nam. Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu hoặc giới thiệu về tháp Bình Sơn, nhưng chủ yếu bàn về niên đại, kỹ thuật và trang trí của kiến trúc ⁽¹⁾ chứ chưa có một tác giả nào đi sâu phân tích hình tượng của ngôi tháp. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu tập trung vào phân tích hình tượng Phật giáo cũng như cách thể hiện hình tượng đó của tháp Bình Sơn.

I. Tháp Bình Sơn - hình tượng vũ trụ của Niết Bàn.

Dù dưới bất kỳ một hình thức nào : tháp mộ, tháp thờ hay tháp tưởng niệm ; tháp Phật giáo (*stupa*) bao giờ cũng là hình ảnh biểu tượng cho Niết Bàn hay Đại Giác ⁽²⁾. Trong kinh Đại Niết Bàn (*Mahà-parinibbàna - sutta*), có nói rằng, tháp không phải là nơi ở của các linh hồn mà là nơi tưởng niệm nhắc nhở những thế hệ mai sau nhớ tới những con người vĩ đại đi trước đề họ noi theo những tấm gương đó, đề họ có dũng cảm vươn tới sự giải thoát

và làm cho tâm của họ thanh thản và hạnh phúc⁽³⁾. Còn văn bia chùa Linh Xứng núi Nguơn Sơn thời Lý của ta thì ghi : "Phật tổ soi tỏ cái thực mà chỉ thẳng chữ tâm ; thánh nhân thích ứng theo thời mà thông suốt muôn biến. "Muôn" là sự phân tán của "một" ; "một" là cội gốc của "muôn"... Tạc nên hình tượng đề biêu thị "sự thâm tóm" ; dựng nên đền tháp đề có "sự hướng về"⁽⁴⁾.

Theo quan niệm của Phật Giáo Đại Thừa, chứng ngộ Niết Bàn nghĩa là đạt được trạng thái tâm trí mà ở đó mình không khác với mọi vật hay chứng ngộ mình chính là Sự thật. Nói một cách khác, Niết Bàn chính là sự tổng hòa giữa Tiều vũ trụ với Đại vũ trụ hay giữa Sắc thân và Diệu Thê, giữa Sự và Lý. Mọi pháp hay mọi sắc thân hay Sự đều được cấu thành từ năm Đại Chủng (*Pàncā mahā - bhūṭani*) : Đại địa (*Prthivi - dhātu*) vuông về hình, rắn chắc về thê chất, vàng về màu ; Thủy Đại (*Ap - dhātu*) tròn về hình, ẩm ướt về thê chất, xanh lục thủy về màu ; Hỏa Đại (*tego - dhātu*) tam giác về hình, nóng ấm về thê chất, đỏ về màu ; Phong Đại (*vayu - dhātu*) bán nguyệt về hình, chuyển động về thê chất, xanh về màu ; Khí Đại (*ākāsa - dhātu*) tròn về hình, thông thoáng về thê chất, trắng hoặc xanh về màu. Những đặc trưng của Lý hay Diệu Thê gắn bó với các Đại Chủng và biểu lộ qua chúng : Đại Địa là đặc tính "thường trụ" hay "tất cả các pháp khởi nguyên không sinh ra". Thủy Đại là biểu hiện của đặc tính "bất khả ngôn thuyết" ; Hỏa Đại biểu hiện đặc tính "tịnh lạc" ; Phong Đại biểu hiện đặc tính : "không thê phân biệt" và Khí Đại biểu hiện đặc tính "vô biên". Bản thân Niết Bàn cũng bộc lộ ngũ trí (*pāncā jñānāni*) của mình qua Ngũ Đại Chủng : Bình đẳng tính trí (*samatā - jñāna*) qua Đại Địa ; Đại viên kính trí (*ādarsa - jñāna*) qua Thủy Đại ; Diệu quan sát trí (*pratyavetsāna - jñāna*) qua Hỏa Đại ; Thành sở tác trí (*krtyānuṣṭhāna - jñāna*) qua Phong Đại và

Pháp giới thê tính trí hay Đạo Pháp trí (*dharmā - dhātu - svabhāva - jñāna*) qua Khí Đại.

Mô hình của tháp Phật giáo Đại thừa thường là một hình ảnh liên kết hài hòa giữa năm Đại Chủng đề thê hiện biểu tượng mang tính nghệ thuật về Niết Bàn. Tháp Bình Sơn chắc hẳn không thê nằm ngoài tính biểu tượng đó. Nhưng vấn đề đối với nhà nghiên cứu là ở chỗ tìm ra được năm thành phần cũng như cách thê hiện năm thành phần ấy trên những kiến trúc tháp cụ thê, mà ở đây là tháp Bình Sơn.

Hiện nay, tháp Bình Sơn chỉ còn 11 tầng cao 15 mét. Nhưng qua những viên gạch có ghi dòng chữ "thập tam tầng", các nhà nghiên cứu cho rằng, ban đầu, tháp phải có 13 tầng và nếu kể cả phần thân thì tháp có tất cả 14 tầng⁽⁵⁾. Nếu nhìn vào những gì còn lại, ta dễ dàng nhận ra ở tháp Bình Sơn những bộ phận cấu thành chủ yếu như sau : bệ, thân và 13 tầng. Bệ tháp có bình đồ vuông khá lớn (cao 1,62 m, mỗi cạnh dài 4,45 m) và được trang trí từ dưới lên bằng một số băng mang những họa tiết khác nhau : băng "hoa cúc", băng "sư tử hý cầu", hàng hoa văn hình quả trám, hàng "cánh sen đẹo" và cuối cùng là một hàng "cánh sen ngửa". Thân hay tầng thứ nhất cao 2,72 m cạnh rộng 3,30m, bốn phía có cửa tò vò. Hai bên cửa có 6 đố dọc hình chữ nhật, trong mỗi "đố" có ba "ô" tròn chứa hình rồng chạm nổi. Phần thân của thân tháp được trang trí bằng các bộ "đấu chông" xen với các hình "lá đề". Mười ba tầng trên tuy có cấu trúc gần giống thân tháp nhưng lại nhỏ hơn và được trang trí bằng những hình khác hẳn. Nếu tầng thân cao 2,72m và có cạnh rộng 3,30m thì tầng thứ nhất của 13 tầng trên chỉ cao 1,68m và có cạnh rộng 2,72m, tầng thứ hai : cao 1,27m rộng 2,40m... tầng thứ mười (tầng cuối cùng hiện còn) : cao 1,55m, rộng 0,75m. Trang



trí chủ yếu trên mỗi mặt của 13 tầng là 8 khung hình chữ nhật kẹp hai bên cửa tò vò ở giữa. Trong mỗi khung là hình đắp nổi một ngôi tháp nhỏ năm tầng đang chiếu diếu hào quang. Riêng từ tầng bầy trở lên, xen giữa các khung hình tháp có các khung chứa các hình hoa bốn cánh đan cài với nhau thành kiểu "ô vuông mất cáo".

Vì đã mất, nên chúng ta hiện không biết được đỉnh của tháp Bình Sơn có hình thù ra sao. Thế nhưng, qua tài liệu mà cụ Trần Huy Bá sưu tầm được ở xã Tam Sơn, chúng ta cũng phần nào hình dung ra được phần đỉnh của tháp Bình Sơn. Theo bài viết của cụ Trần Huy Bá in ở Tri Tân (số 18 năm 1945) thì các cụ ở xã Tam Sơn còn nhớ một truyền thuyết nói rằng, trên ngọn tháp Bình Sơn có một viên ngọc thạch lớn chạm hình ba quả lựu... Mà ngọc thạch chính là loại đá quý có màu xanh.

Như vậy, tuy là một kiến trúc với nhiều tầng có bình đồ vuông gần như nhau, nhưng qua tỷ lệ và những hình trang trí, chúng ta đã có thể nhận ra bốn phần chính của tháp Bình Sơn : bệ mang hình sư tử, thân mang các ô tròn chứa hình rồng, mười ba tầng mang các hình tháp tỏa sáng, viên ngọc thạch lớn màu xanh.

Vì là một kiến trúc tháp nhiều tầng có bình đồ vuông gần như nhau, nên khó có thể xác định được bốn phần của tháp Bình Sơn tương ứng với bốn Đại Chủng nào. Thế nhưng, nếu dựa vào những yếu tố trang trí, chúng ta cũng dễ dàng tìm ra được bốn biểu tượng tương ứng với bốn phần của tháp Bình Sơn. Thông thường, phần bệ tức phần thể hiện Đại Địa của các tháp Phật giáo Đại Thừa đều có hình vuông và được trang trí bằng hình các sư tử. Ở tháp Bình Sơn, phần bệ có bình đồ vuông và cũng được trang trí bằng những hình sư tử. Do đó, có thể cho rằng bệ của tháp Bình Sơn chính là hình ảnh của Đại Địa. Mặc dầu thân tháp Bình Sơn là một khối vuông, nhưng mỗi mặt lại có những 18 ô tròn chứa 18 hình rồng - hình ảnh thể hiện nước. Vì vậy, chúng ta cũng có cơ sở để gắn biểu tượng Thủy Đại của tháp Phật Giáo Đại Thừa thường có hình tam giác và được thể hiện thành 13 lớp chồng lên nhau. Ở tháp Bình Sơn, số tầng không chỉ là 13 mà hình ảnh của lửa lại được thể hiện khá sống động qua hàng trăm những hình tháp trang trí nhỏ đang tỏa sáng trên bề mặt của 13 tầng. Vì thế, có thể dễ dàng suy ra biểu tượng Hỏa Đại của 13 tầng trên của tháp Bình Sơn. Viên ngọc thạch hình tròn màu xanh của đỉnh tháp Bình Sơn có hình của Khí Đại, nhưng màu lại là màu xanh chứ không phải trắng. Thế nhưng, nhiều khi, như ở các tháp Phật giáo Tây Tạng, Phong Đại và Khí Đại đều có màu biểu tượng là màu xanh (6). Do vậy, có thể cho rằng viên ngọc thạch đã mất của đỉnh tháp Bình Sơn chính là biểu tượng cho Khí

Đại. Chỉ còn một thành phần mang tính biểu tượng nữa mà ta phải tìm ở tháp Bình Sơn là phân biểu tượng cho Phong Đại. Chắc hẳn bộ phận đó phải đã có (nhưng đã mất) ở tháp Bình Sơn vì hai thành phần nằm ở hai đầu giáp nó và trên nó ta đã thấy : phân biểu tượng cho Hòa Đại và phân biểu hiện cho Khí Đại.

Như vậy, với năm thành phần tương xứng với năm hình ảnh của Ngũ Đại, tháp Bình Sơn hiện lên như một biểu tượng nghệ thuật kiến trúc về quan niệm Niết Bàn dưới góc độ vũ trụ luận của Phật Giáo Đại Thừa : sự tổng hòa giữa Sắc thân và Diệu Thê, giữa Tiều vũ trụ và Đại vũ trụ, giữa Sự và Lý...

II. Tháp Bình Sơn - biểu tượng tâm - sinh của quá trình tiến triển tâm thức tới Niết Bàn.

Như một đài tưởng niệm Phật và các Phật tử của quá khứ, tháp Phật giáo còn là một hình tượng chỉ dẫn con đường giải thoát cho những ai đã nguyện đi theo con đường của Phật. Ba bộ phận chính của các tháp Phật giáo là bệ, thân và các phần ở đỉnh tương ứng với ba chặng tiến trình của tâm thức : nền tháp tương ứng với sự chuẩn bị, thân tháp - những điều kiện thiết yếu hoặc những yếu tố tâm linh của sự giác ngộ và các phần đỉnh - thực hiện sự giác ngộ. Việc chuẩn bị gồm ba bước : chuẩn bị về trí tuệ (*panna*) phân tích ; chuẩn bị về đạo đức và bước cuối cùng là biến tất cả những thành quả về trí tuệ và đạo đức vào động lực tâm linh để làm tăng những tiềm lực tàng ẩn vốn là những yếu tố thiết yếu của Giác ngộ. Tất cả những yếu tố thiết yếu của Giác ngộ đó bao trùm và tràn đầy toàn bộ phần trung tâm - thân của tháp để rồi trở thành hiện thực hay Giác ngộ ở các phần đỉnh. Quá trình hiện thực hóa sự giác ngộ diễn ra như sau : bắt đầu bằng chính Kiến (*sammà ditthi*) và chính tư duy (*sammà samkappo*) - kết quả của trí tuệ

(*panna*) phân tích đã được chuẩn bị ở giai đoạn đầu, tiếp tục với chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng (*sammà vācā sammā kammanto, sammā ajivo*) và đạt với cao điểm ở chánh tinh tấn (*sammā vāyāmo*), chánh niệm (*sammā sati*) và chánh định (*sammā samādhi*) - tới đây, những động lực tâm linh đã đạt tới tiềm lực lớn nhất của mình ⁽⁷⁾. Tám chi của Bát Thánh Đạo chính là tám tâm sở (*cetasika*) luôn nằm chung trong bốn loại tâm siêu thế (*lokuttara-citta*) mà đối tượng của bốn loại tâm siêu thứ ấy là Niết Bàn. Tám yếu tố ấy cũng là tâm thức của người có chú nguyện cố gắng thành đạt giải thoát. Ở bước đầu, trí tuệ (*panna*) chỉ mới là quan điểm trí thức dựa trên sự nghiên cứu và phản ánh (*vitakkavicāra*). Sang đến hai bước hay hai giai đoạn tột đỉnh cuối cùng thì trí tuệ đó dựa trên kinh nghiệm và thiền định đã trở thành Chân Như (*Tathāgata*). Hai giai đoạn tột đỉnh này được thể hiện theo 13 địa (*Bhumi*) tương ứng với những yếu tố thiết yếu của Giác Ngộ (*bojjhanga*). Trên các tháp Phật giáo, 13 *Bhumi* của Chân Như được thể hiện thành 13 bậc của phần đỉnh hình chóp ⁽⁷⁾.

Ở Phật giáo Đại Thừa, mô hình tháp với năm thành phần biểu hiện cho Ngũ Đại thường được so sánh với hình ảnh tiến triển tâm thức của một người ngồi thiền định. Mỗi phần của tháp tương ứng với mỗi bộ phận của cơ thể và mỗi giai đoạn tiến triển của tâm thức ; từ hai lỗ mũi hai kênh âm và dương (trái - âm, phải - dương) xoắn lấy nhau và gặp nhau ở trụ cuối cùng là đít ; ở đó trí tuệ (*panna*) thức tỉnh và đi ngược lên theo kênh trục giữa để làm nảy ra những đóa hoa : đóa hoa của thân biến đổi ở rốn, đóa hoa thân lạc thú ở tim, đóa hoa thân pháp ở cổ họng và đóa hoa thân kim cương ở não, Năm giai đoạn tiến triển tâm thức đó tương ứng với năm Đại Chủng ở tháp ; thức tỉnh tương ứng với địa, thân biến đổi - thủy, thân lạc thú -

hòa, thân pháp - phong và thân kim cương - khí.

Đối chiếu với tháp Bình Sơn, ta cũng thấy ở đây những giai đoạn phát triển của tâm thức từ thức tỉnh tới giác ngộ : sự chuẩn bị hay thức tỉnh ở bệ tháp ; những yếu tố thiết yếu cho giác ngộ đã tập hợp đầy đủ để thành thân biến đổi ở thân tháp, thân lạc thú hay 13 địa của giác ngộ ở 13 tầng tháp... và thân kim cương ở viên ngọc thạch trên đỉnh tháp.

Mặc dầu cũng thể hiện cả hai quan niệm : vũ trụ và tâm linh về Niết Bàn, nhưng tháp Bình Sơn có cách diễn tả những biểu tượng đó theo cách khá đặc biệt. Tháp Bình Sơn không có những bộ phận với những hình dáng khác nhau như các tháp Phật giáo Tây Tạng, cũng không thể hiện năm biểu tượng theo năm tầng như các tháp Nhật Bản mà là một kiến trúc tháp bình đồ vuông nhiều tầng. Hơn thế nữa, ấn tượng chủ yếu của tháp Bình Sơn không phải là phần bệ hay phần thân mà loại là 13 tầng được trang trí kín cả bốn mặt bằng hàng trăm hình tháp nhỏ đang lung linh tỏa sáng. Do đó, cả ngôi tháp Bình Sơn hiện lên như một cột hào quang rực rỡ - ánh sáng của Đại Giác, ánh sáng của Giác Ngộ. Tuy vậy, dù được làm theo kiểu tháp nhiều tầng như các tháp Trung Quốc ở tháp Bình Sơn ta vẫn thấy mô hình ba phần chính của những tháp truyền thống Ấn Độ.

Chú thích

1. Có thể kể ra đây một số công trình nghiên cứu như sau : Trần Lâm : Tháp Bình Sơn và niên đại của nó, "Quản lý văn vật" số 12.1965 ; Anh Trú : Tháp Bình Sơn - nghệ thuật vãn iên đại, "Tác phẩm mới", số 2.1969 ; Phùng Bảo Khuê : Kiến trúc tháp Bình Sơn, "Quản lý văn vật", số 20.1971 ; Trần Lâm Biên : Trở lại niên đại tháp Bình Sơn, "Nghiên cứu nghệ thuật", số 4.1974.

2. Cụ thể về biểu tượng của Stupa có thể xem : Anagàrikà Brahmachari Govinda, some aspects of stupa symbolism ; London ; 1940 ; J.Irwin, The stupa and the cosmic axis : archaeological evidence. "South Asian archaeology. 1977. Volume II, Naples, 1979, P.801 - 825.

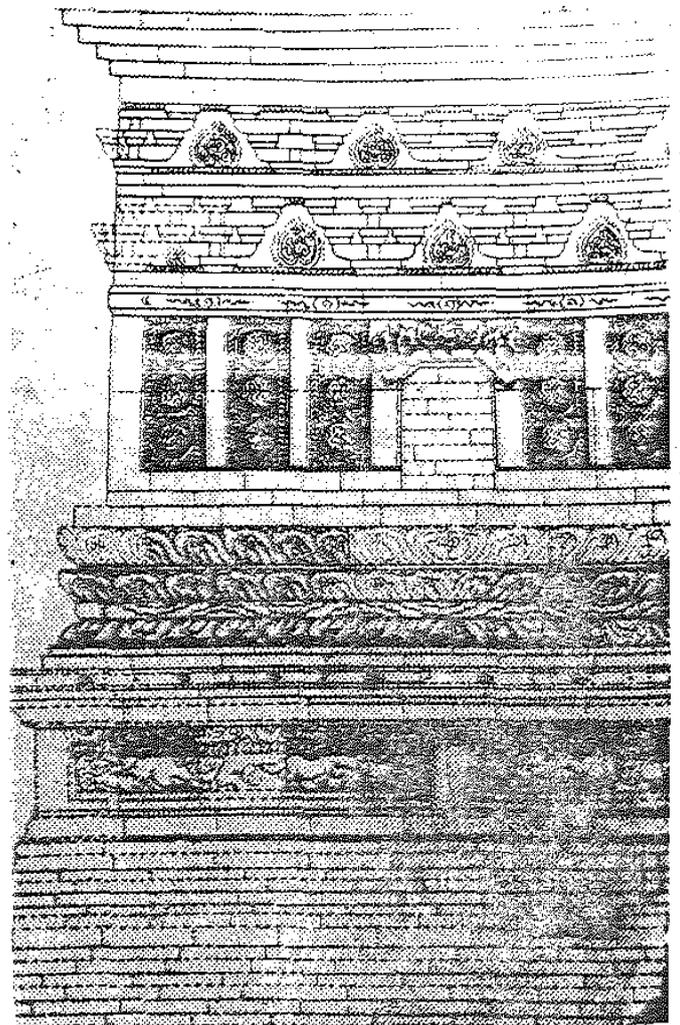
3. Dẫn theo A.B. Govinda (sách đã dẫn), Part I, tr.5.

4. Dẫn theo : "Thơ văn Lý - Trần". Tập I, Hà Nội, 1977, tr 361.

5. Cụ thể về số tầng của tháp Bình Sơn, có thể xem trong "Mĩ thuật thời Trần". NXB Văn hóa. Hà Nội 1977, tr.45.

6. Về biểu tượng của tháp Tây Tạng có thể xem : Gerard Barriere, Le Tantrisme tibetan Révéllé par ses symboles - forces. "Connaissance des art", No 301, Paris, 1977, P.87

7. A.B. Govinda, sách đã dẫn, phần hai, tr.11 - 18 và Gerard Barriere, sách đã dẫn, tr.87.



Chi tiết trang trí trên tháp.

THIÊN SƯ CẢM - THÀNH THỂ HỆ THỨ I ⁽¹⁾ THIÊN PHÁI VÔ NGÔN THÔNG

(Trích Thiên Uyển Tập Anh)

CHÙA KIẾN SƠ.

Thiền sư là người huyện Tiên Du, họ ⁽²⁾... Lúc mới xuất gia ở núi Tiên Du thuộc bản quán đạo hiệu là Lập Đức. Lấy việc trì giới tụng kinh làm đầu. Phú hào trong làng là ông họ Nguyễn kính mộ đức hạnh cao cả của sư, tự nguyện cúng gia trạch làm chùa, mời sư đến trụ trì nhưng sư từ chối. Đêm ấy sư chiêm bao thấy thần nhân đến bảo: "Nếu làm theo chí nguyện của nhà họ Nguyễn thì chỉ chừng vài năm sẽ gặp may lớn". Vì thế sư bèn nhận lời của ông họ Nguyễn (chùa ấy chính là chùa Kiến Sơ ở hương Phù Đồng).

Sau đó không bao lâu, Thông thiền sư đến. Sư biết đó không phải là người thường, ngày đêm hầu hạ chưa từng biếng trễ. Thông thiền sư cảm động lòng

thành khẩn của Lập Đức bèn đổi tên cho là Cảm Thành.

Một hôm Thông thiền sư bảo Cảm Thành:

- Xưa Thế Tôn vì nhân duyên lớn mà xuất hiện ở thế gian. Hóa duyên xong ngài nhập Niết Bàn. Diệu tâm ấy gọi là chính pháp nhãn tạng, thực tướng, vô tướng và tam muội pháp môn. Đích thân Thế Tôn giao cho đệ tử là tôn giả Ma Ha Ca Diếp ⁽³⁾ làm tổ thứ nhất, các đời nối truyền, đến Đạt Ma đại sư ⁽⁴⁾ từ Tây Trúc sang trải bao hiểm nguy vì truyền pháp này. Đến tổ thứ sáu Tào Khê (Huệ Năng) được tổ thứ năm (Hoằng Nhẫn) bảo cho biết rằng ⁽⁵⁾ "Khi Đạt Ma mới đến, người đời chưa tin hiểu nên lấy việc truyền y bát để tỏ rõ việc đặc pháp.

Nay đức tin đã chín muồi, y bát có thể trở thành đầu mối tranh chấp cho nên phải dừng lại ở người, không truyền tiếp nữa". Từ đó chỉ lấy tâm truyền tâm, không truyền y bát.

"Bây giờ Nam Nhạc Hoài Nhượng là người đầu tiên được truyền tâm pháp. Nhượng truyền cho Mã Tổ Đạo Nhất. Đạo Nhất truyền cho Bách Trượng Hoài Hào. Ta nhận được tâm pháp ở Bách Trượng. Phép đó từ lâu đã có được tiếng vang, nghe ở phương này ⁽⁶⁾

(1) Nguyên văn ghi: Đệ nhị thế (thế hệ thứ hai), điều chỉnh lại "thứ nhất" cho hợp với các số ghi khác.

(2) Nguyên văn ghi là "tính thị" (họ) nhưng bỏ trống, không ghi rõ họ gì.

(3) Ma Ha Ca Diếp (Mahakasyapa) tổ thứ nhất của Thiền tông Ấn Độ.

(4) Đạt Ma đại sư tức Bồ đề Đạt Ma (Bodhidharma) người Ấn Độ tổ thứ nhất dòng Thiền tông Trung Quốc (đến Quảng Châu năm 520 đời Lương Vũ Đế).

(5) Nguyên văn: "... Sở ư Đạt ma...", ở vị trí chữ "ư" đúng ra phải là chữ "ngôn" (... sở ngôn Đạt Ma).

(6) Nguyên bản in "... bắc phương khắc làm chữ "thứ" (này) thành chữ "bắc".

đã có đông người hâm mộ Đại Thừa, vậy nên ta đến để tìm kẻ thiện trí thức. Nay ta gặp người cũng là nhờ có nhân, duyên kiếp trước. Hãy nghe lời kệ của ta :

Chư phương hạo hạo
Vọng tự huyền truyền
Vị vô thủy tổ
Thân tự Tây Thiên
Truyền pháp nhân tạng
Mục vi chi thiên
Nhất hoa ngũ điệp
Chứng tử miên miên
Tiềm phù mật ngữ
Thiên vạn hữu duyên
Hàm vị Tâm thông
Thanh tịnh bản nhiên
Tây Thiên thủ thờ
Thờ thờ Tây Thiên
Cờ kim nhật nguyệt
Cờ kim sơn xuyên
Xúc đồ thành trệ
Phật tổ thành oan
Sai chi hào ly
Thất chi bách thiên
Nhữ thiện quan sát
Mạc khiêm nhi tôn
Trực nhiều vấn ngã
Ngã bản vô ngôn.
Các nơi đồn đại
Đối tự trao truyền

Rằng thủy tổ ta
Gốc tự Tây Thiên
Truyền pháp nhân tạng
Gọi đây là Thiên
Một hoa năm lá
Hạt giống liên miên
Ngâm hợp mật ngữ
Muôn ngàn có duyên
Tâm tông đều gọi
Thanh tịnh bản nhiên
Tây Thiên cõi này
Cõi này Tây Thiên
Xưa nay nhật nguyệt
Xưa nay sơn xuyên
Chạm đến thành trệ
Phật tổ thành oan
Sai một mảy may
Đi mất trăm ngàn
Người khéo quan sát
Chớ lừa cháu con
Nơi thẳng đến ta
Ta vốn vô ngôn

Minh Chi - LSPGVN)

Sư nghe lời kệ của Tổ liền tỉnh ngộ.

Có vị tăng hỏi :

- Thế nào là Phật ?

Sư đáp :

- Khắp tất cả mọi nơi.

Lại hỏi :

- thế nào là Phật tâm ?

Đáp :

- Chưa từng che giấu.

Người ấy lại nói :

- Kẻ học đạo này chưa hiểu.

Sư đáp :

- Người trượt qua rồi !

Sau thiền sư không bệnh mà qua đời. Bấy giờ là năm Canh Thìn niên hiệu Đường Hàm Thông thứ 1 (860).



DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT
NAM ĐỌC TRONG LỄ KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU GIÁO HỘI PGVN NHIỆM KỲ III TẠI HÀ NỘI



Khung cảnh lễ khai mạc Đại hội lần thứ III GHPGVN

- Kính bạch Đại lão Hòa thượng Pháp chủ và Chư tôn đức Hòa thượng trong Hội đồng Chứng minh Giáo Hội Phật giáo Việt Nam,

- Kính thưa

- Kính thưa

- Kính bạch Quý Hòa thượng, Thượng tọa, Tăng Ni và Cư sĩ thành viên của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Kính bạch Quý Đại biểu các Tỉnh, Thành Hội Phật giáo cả nước,

- Kính thưa Quý... đại diện Phật tử Việt kiều ở...

- Kính thưa chư vị Khách quý,

- Kính thưa toàn thể Quý vị.

Trên mảnh đất Thăng Long đã từng chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Hôm nay những người con Phật tử khắp mọi miền đất nước lại hội tụ nơi đây trong không khí đại hoan hỷ, đại hòa hợp để cùng nhau đánh giá một chặng

đường mà chúng ta đã đi qua vì sự hoằng dương chánh pháp, phục vụ dân tộc.

Trước hết, thay mặt Trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, tôi xin gửi đến Quý vị lời chào mừng chân thành và lòng cảm tạ sâu sắc về sự hiện diện của Quý vị trong buổi Khai mạc Đại hội quan trọng này của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là một bằng chứng cụ thể về mối quan tâm thân thiết của Quý vị đến sự hưng thịnh của Phật giáo Việt Nam, một tôn giáo mang tính quần chúng rộng rãi, gắn liền với lịch sử đất nước và dân tộc. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ trước sự quang lâm của chư vị đại diện Đảng, Nhà nước, các tổ chức ban ngành, đoàn thể nhân dân, của chư vị Thượng tọa, Ni sư, Cư sĩ đại diện Phật tử Việt kiều tại..., của chư vị Khách Quý và của đông đủ các thành viên Giáo hội từ Trung ương đến các địa phương. Toàn thể Quý vị đã không quản ngại công sức, tạm gác nhiều công việc đa đoan nhận lời mời của chúng tôi để đến đây chứng minh, tham dự và làm việc cùng Đại hội.

Trong không khí trang nghiêm và thấm thiết đạo tình này, Giáo hội Phật giáo Việt Nam không quên sự ra đi vào cảnh giới Niết bàn của nhị vị Phó Pháp chủ là Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Thích Mật Hiền, của một số tôn đức như Hòa thượng Thích Thanh Chân, Phó Chủ tịch, Thượng tọa Thích Từ Hạnh, Phó Tổng thư ký, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Trưởng ban Tăng sự, Thượng tọa Thích Hiền Giác, Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương và những vị thành viên Hội đồng Chứng minh Trung ương mà trí tuệ

và đức độ thật cao vời, mà công lao đóng góp xây dựng Giáo hội của chư tôn túc thật lớn lao. Tấm gương của chư tôn túc mãi sáng ngời trong lòng Giáo hội, trong lòng của người tu sĩ và cư sĩ Phật tử Việt Nam.

Kính thưa Quý vị,

Đại hội Đại biểu kỳ III Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong một hoàn cảnh với những tình hình, trong và ngoài nước có những biến đổi sâu sắc, theo đó Giáo hội minh định vai trò, nhiệm vụ và công việc phải làm để vươn lên, thích hợp với xu thế chung của đất nước, của thời đại.

Trong những năm qua, đất nước ta đã thành tựu trên nhiều lĩnh vực công cuộc đổi mới toàn diện để xây dựng đất nước, đã gây phấn khởi, tin tưởng cho nhân dân vào một tương lai xán lạn không phải là xa vời.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua 5 năm hoạt động của nhiệm kỳ II đã gặt hái những thành quả khả quan mà bản Dự thảo báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động sẽ được trình bày cùng với những báo cáo tham luận của các ban, ngành, viện sẽ nêu rõ. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu một số nét cơ bản.

Qua 2 nhiệm kỳ, Giáo hội đã ngày càng thể hiện sự thống nhất về mặt tổ chức từ Trung ương đến địa phương có sự liên hệ chặt chẽ, điều hành và hướng dẫn các Phật sự trong toàn Giáo hội. Trong sự thống nhất có sự hài hòa giữa các hệ phái Phật giáo, việc đào tạo tăng tài tiếp dẫn hậu lai, việc hăng trì Phật pháp, san dịch kinh sách... các Phật sự trọng đại này, trong



6 Hòa thượng Thích Trí Tịnh dẫn đầu đoàn đại biểu vào viếng
lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

nhiệm kỳ II có trợ duyên là chính sách đổi mới toàn diện của Nhà nước, vì thế mà được thuận lợi và phát triển.

Chỉ trong vòng 3 năm, trên cả nước đã có 17 trường Cơ bản Phật học, cùng với sự lớn mạnh của Trường Cao cấp Phật học, mở ra một tương lai đầy hứa hẹn cho việc đào tạo tăng tài, Hoàng dương Chánh pháp, thực hiện các Phật sự, đóng góp vào việc xây dựng đất nước.

Trong phần chương trình hoạt động của nhiệm kỳ II có nêu: "Thực hiện nhiệm vụ hoàng dương chánh pháp, phát huy tư tưởng tinh túy và trong sáng của giáo lý đạo Phật..." đã được thực hiện rõ nét qua công tác thực hiện bước đầu Đại Tạng kinh Việt Nam. Đây là một việc làm tốt đẹp ngoài dự liệu về chương trình hoạt động của nhiệm kỳ II của Hội đồng Trị sự. Phật sự lớn lao này nhằm đáp ứng yêu cầu tu học của tăng ni Phật tử Việt Nam kể từ khi Phật giáo du nhập đã 20 thế kỷ nay, góp

phần vào kho tàng văn học, Phật học Việt Nam và thế giới.

Ngoài ra, số lượng Phật điền gồm những công trình nghiên cứu, dịch thuật, những tạp chí, nội san, đặc san Phật học ra mắt độc giả ngày một tăng lên rõ rệt.

Kính thưa Quý vị,

Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên đà phát triển tuy có gặp một số khó khăn nhưng sự phát triển của Giáo hội là tất yếu, không ai có thể phủ nhận. Giáo hội Phật giáo Việt Nam long trọng tuyên bố, sự hiện diện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay là một tất yếu lịch sử phù hợp với nguyện vọng của tăng ni, Phật tử Việt Nam, chiếm ba phần tư dân số Việt Nam. Giáo hội là tổ chức thống nhất, hòa hợp các hệ phái Phật giáo ở Việt Nam, tiếp nối và phát huy truyền thống đoàn kết, lục hòa, tứ nhiếp, vì an lạc, giải thoát tối hậu, vì lợi ích, hạnh phúc của số đông.

Với thành phần tổ chức nhân sự và với những thành quả của hơn 10 năm hoạt động, Giáo hội Phật giáo Việt Nam xứng đáng là cơ quan lãnh đạo về mặt tinh thần, tôn giáo của giới Phật giáo Việt Nam.

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,

Kính thưa Quý vị Đại biểu,

Các bài báo cáo, tham luận của các ban, ngành, viện và các Tỉnh, Thành hội sẽ nêu lên một cách trung thực tình hình sinh hoạt, những kết quả, những thuận lợi khó khăn, những ưu khuyết điểm và phương hướng công tác cho thời gian tới. Đại hội cũng lắng nghe những ý kiến đóng góp, những phân tích, phê phán và những đề nghị từ các bài tham luận, từ các phát biểu của các vị đại biểu và chư vị khách quý. Đại hội sẽ làm việc trong tinh thần đoàn kết, dân chủ và xây dựng.

Đại hội sẽ thảo luận và quyết định các Phật sự trọng đại và chương trình hoạt động nhiệm kỳ tới, về một số điểm tu chỉnh Hiến chương về suy tôn, suy cử cơ quan lãnh đạo của Giáo hội. Những quyết định của Đại hội sẽ có tầm mức rất quan trọng vì đây là kim chỉ nam cho những hoạt động Phật sự sắp đến.

Kính thưa Quý vị Đại biểu,

Đức Phật đã nhiều lần dạy dỗ các Thánh đệ tử của Ngài : "Vì hạnh phúc của số đông, vì lòng thương tưởng cuộc đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc của loài trời và loài người". Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã lấy lời dạy ấy làm phương châm hành động, với tâm nguyện : "Mong sao tất cả chúng sinh đều được an lạc ! Mong sao tất cả chúng sinh đều đạt được niềm vui nội tâm !" Trong không khí trang nghiêm đầy đạo vị này, chúng tôi hết sức xúc động và trân quý sự hiện diện của chư tôn đức, chư vị khách quý, chư vị đại biểu. Với niềm hân hoan, lòng kính mộ và sự tin tưởng sâu sắc vào trí tuệ, vào tinh thần đoàn kết của Đại hội hôm nay, tại Thủ đô Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 1992, tức ngày 09 tháng 10, Phật lịch 2536.

Tôi xin long trọng tuyên bố Khai mạc Đại hội Đại biểu toàn quốc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ III.

Ngưỡng mong Tam Bảo phù hộ cho toàn thể Quý vị thân tâm thường an lạc và hết thảy chúng sinh được hạnh phúc miên trường.

Nguyện cầu Chư Phật gia hộ cho Đại hội của chúng ta thành công tốt đẹp - Xin chân thành cảm ơn toàn thể Quý vị.

Nam mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật !

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi xin gửi đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Giáo hội Phật giáo Việt Nam lời chào mừng nồng nhiệt. Chúc Hòa thượng Pháp chủ, Hòa thượng Chủ tịch, Quý vị Hòa thượng, Thượng tọa, Tăng ni, Phật tử trong và ngoài nước về dự Đại hội dồi dào sức khỏe.

Cách đây hơn 10 năm, cũng tại Thủ đô Hà Nội này, chín tổ chức giáo hội, hệ phái Phật giáo hai miền đất nước đã cùng nhau hợp mặt xây dựng nên Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẹn toàn từ Nam chí Bắc, đó là thành quả lớn lao thể hiện nguyện vọng chung của toàn thể Tăng ni, Phật tử cả nước.

Những năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", đã thể hiện ý chí hòa hợp, đoàn kết, thống nhất và góp phần vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đạt nhiều thành tích mà Đảng, Nhà nước và nhân dân hết sức hoan nghênh.

Lịch sử đã chứng minh hàng nghìn năm nay, Phật giáo Việt Nam luôn gắn bó với dân tộc, không chỉ trong những lúc thanh bình mà cả khi đất nước bị xâm lược. Đồng bào theo đạo Phật luôn kề vai sát cánh với toàn dân, góp phần dựng nước và giữ nước. Ngay sau khi nước nhà được thống nhất, Phật giáo Việt Nam đã sớm hòa nhập vào xu thế phát triển của đất nước trong thời kỳ mới, động viên Tăng ni, Phật tử trong cả nước hăng hái tham gia lao động sản xuất và tiết kiệm, nêu cao đạo đức và thuần phong mỹ tục, tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, thể hiện vai trò và nghĩa vụ công dân của mình đối với Tổ quốc.

Qua Đại hội này, tôi mong rằng Quý vị cao tăng và quý vị đại biểu sẽ thúc đẩy mạnh mẽ phong trào "tốt đời đẹp đạo" trong Tăng ni, Phật tử cả nước để cùng toàn dân đưa đất nước tiến lên, thực hiện nguyện vọng thiết tha nhất của dân tộc là giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, mọi người dân đều được ấm no, tự do, hạnh phúc như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam

BÀI PHÁT BIỂU CỦA ÔNG PHẠM VĂN KIẾT, PHÓ CHỦ TỊCH KIÊM TỔNG THƯ KÝ ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU KỲ III GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM.

Kính thưa - Đoàn Chủ tịch Đại hội

- Các vị tăng ni, bà con phật tử
- Các đại biểu Đại hội

Nhà nước ta vừa trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong dịp Đại hội này. Đại lão Hòa thượng Pháp chủ, vị lãnh đạo tinh thần tối cao của Giáo hội cũng vừa được Nhà nước ta trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh - Đó là danh dự lớn, niềm tự hào của Giáo hội và tăng ni, phật tử. Đó cũng là niềm tự hào, sự vui mừng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cho phép tôi nói lên tình cảm tốt đẹp của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước Giáo hội và Đại hội. Chúng tôi chào mừng nhiều vị giáo phẩm tiêu biểu trong Giáo hội được nhân dân tín nhiệm bầu vào Đại biểu Quốc hội khóa 9, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những sự kiện nói trên là những nét son rực rỡ tô điểm thêm những trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Thưa các vị,

Bản báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ II và vạch ra chương trình hoạt động nhiệm kỳ III của Giáo hội không những đã nêu lên nhiều thành tựu, chỉ ra những thiếu sót, mà quan trọng hơn là tìm ra nguyên nhân và chỉ ra

những phương hướng, mục tiêu và biện pháp thực hiện trong 5 năm tới. Từ năm 1987 đến năm 1992, năm năm của nhiệm kỳ II của Giáo hội là năm năm của thời kỳ lịch sử đầy biến động, đất nước ta phải đương đầu với biết bao nhiêu khó khăn thử thách, có lúc tưởng chừng không vượt qua nổi. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động trong hoàn cảnh chung đó của đất nước và còn nhiều khó khăn trở ngại riêng của mình. Thấy rõ điều này giúp chúng ta đánh giá đúng mức ý nghĩa của những thành tựu (tuy rằng còn rất khiêm nhường) và khẳng định hướng đi, cách làm sắp tới.

Trong hoàn cảnh đất nước gặp khó khăn lớn ấy, nhờ có đường lối đổi mới kịp thời của Đảng Cộng sản Việt Nam, kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà lịch sử và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, nhân dân ta đã đứng vững và đạt được những thành tựu bước đầu nhưng rất quan trọng : chính trị được ổn định về cơ bản, kinh tế có phát triển, đời sống một bộ phận nhân dân được cải thiện, Nhà nước của nhân dân được xây dựng và tăng cường hơn, nền dân chủ được phát triển hơn, quốc phòng an ninh được củng cố, quan hệ đối ngoại được mở rộng. Chúng ta hiểu rằng khó khăn còn lớn, yếu kém còn nhiều, thử thách còn lắm, nhưng triển vọng của bước đường tiến lên của đất nước ta càng rõ. Đó là công lao chung của toàn thể nhân dân ta trong đó có phần đóng góp

quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Những thành tựu 5 năm qua của Giáo hội thể hiện rõ nét tình yêu Tổ quốc và tinh thần dân tộc của tăng ni phật tử Việt Nam ; nhiều hoạt động đều hướng đến việc phật tử làm tròn nghĩa vụ đối với gia đình, xã hội và đất nước, đã góp phần đào tạo phật tử thành hiếu tử trong gia đình và người công dân tốt đối với đất nước ; nhiều hoạt động nhân đạo từ thiện, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, ơn đền nghĩa trả với gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bảo vệ thuần phong mỹ tục, đạo đức, văn hóa truyền thống dân tộc ngày càng được đông đảo tăng ni phật tử tích cực thực hiện. Tình yêu Tổ quốc, tinh thần dân tộc của tăng ni phật tử đã trở thành truyền thống tốt đẹp lâu đời bền vững của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngót mấy nghìn năm lịch sử gắn liền với quá trình đoàn kết đấu tranh giữ nước, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam ta.

Những thành tựu 5 năm qua của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng thể hiện rõ *tinh thần đoàn kết của tăng ni phật tử trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất*. Tinh thần đoàn kết đã được xây dựng và phát triển dựa vào mục đích tôn chỉ đúng đắn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đề ra trong Hiến chương của mình từ ngày thành lập. Giáo

hội Phật giáo Việt Nam đã đoàn kết nhau, xem trọng sự nghiệp chung vì Đạo pháp và Dân tộc hơn lợi ích hệ phái. Chúng tôi hiểu rằng sự nghiệp đoàn kết thống nhất của Giáo hội trong thời gian qua gặp không ít khó khăn và sắp tới cũng vậy. Nhưng chúng tôi có lòng tin vững chắc ở tính đoàn kết của tăng ni Phật tử. Chúng ta mãi mãi tâm niệm và quyết tâm thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Chúng tôi nghĩ rằng, trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước ta, hơn lúc nào hết, chúng ta phải phát huy truyền thống đoàn kết, ra sức cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước thuộc các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam đang sống ở nước ngoài, xóa mặc cảm, xóa hận thù, khép lại quá khứ, nhìn về tương lai, nhằm mục tiêu phấn đấu vì độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân, hạnh phúc của đồng bào. Chúng tôi cho rằng hận thù, mặc cảm giữa người Việt Nam với nhau là tạm thời, là giả tạo do kẻ xâm lược tạo ra với chính sách chia rẽ, gây cảnh huynh đệ tương tàn, nôi da nấu thịt. Chúng ta nhân nhượng với nhau những điểm không cơ bản và thống nhất đoàn kết nhau trong tiếng nói chung, mục tiêu chung của dân tộc, tạo nên sức mạnh chung của cả dân tộc. Các thế lực thù địch cố gây chia rẽ giữa chúng ta, cố diễn biến hòa bình chế độ ta, chúng ta cố đoàn kết, giữ sự ổn định chính trị của đất nước. Kinh nghiệm thực tiễn nhiều nước và nước ta cho ta thấy có sự ổn định về chính trị mới có môi trường thuận lợi phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, ổn định chính trị là sự bảo đảm cho mọi sự ổn định; mất đoàn kết, mất ổn định chính



Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh trao Huân chương cho Hòa thượng Thích Trí Tịnh Chủ tịch HĐTSTU GHPGVN

trị sẽ dẫn đến sự sụp đổ, sự nghèo đói, ngay cả ở những nước có nhiều tài nguyên, tiềm năng lớn về kinh tế.

Những thành tựu 5 năm của Giáo hội đã xác định và củng cố thế đứng ổn định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc, đã khẳng định tôn chỉ mục đích đường lối hoạt động do các vị tôn túc giáo phẩm, đứng đầu là Cố Hòa thượng Thích Trí Thủ, vị Chủ tịch đầu tiên của Giáo hội Phật giáo, đã đề ra là đúng đắn.

Kính thưa quý vị đại biểu,

Ủy ban TWMTTQVN rất hoan nghênh và tích cực ủng hộ hướng hoạt động đúng đắn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ III là "tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết hòa hợp các hệ phái trong Phật giáo Việt Nam, tăng trưởng tinh thần thống nhất Phật giáo, thống nhất về ý chí và hành động, thống nhất về lãnh đạo và tổ chức trên cơ sở tôn trọng các pháp môn tu học biệt truyền của từng hệ phái và thống nhất hành động xung

quanh phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội".

Chúng tôi tin rằng trên cơ sở xây dựng Giáo hội đoàn kết chặt chẽ, các hoạt động theo hướng đã định của Giáo hội nhiệm kỳ III đạt được những thành tựu lớn góp phần thiết thực cùng toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới theo mục tiêu dân giàu nước mạnh, xây dựng cõi cực lạc nhân gian trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta, xứng đáng với lòng tin của tăng ni Phật tử, của nhân dân và Nhà nước ta.

Với chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều 9 của Hiến pháp 1992, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện để Giáo hội thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo phương hướng ấy.

Kính chúc Hội đồng chứng minh, Hội đồng trị sự Trung ương, các vị tăng ni, Phật tử đời dào sức khỏe và hoàn thành sự nghiệp cao cả của mình.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

* *

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

DẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM họp trong 2 ngày 3 và 4 tháng 11 năm 1992 tại Thủ đô Hà Nội. Sau 2 ngày làm việc khẩn trương trong không khí đoàn kết, thống nhất, Đại hội đã nhất trí quyết nghị:

1) Thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ II và chương trình hoạt động nhiệm kỳ III (1992 - 1997).

2) Thông qua dự án tu chỉnh Hiến chương của Giáo hội.

3) Chấp thuận đề nghị của Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II xin được đổi tên Trường thành Trường Đại học Phật học Thành phố Hồ Chí Minh.

4) Suy tôn bổ sung vào Hội đồng Chứng minh Trung ương (gồm 33 vị).

5) Suy cử Hội đồng Trị sự Trung ương gồm 60 vị chính thức và 10 vị dự khuyết, thông qua danh sách ban Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương họp phiên thứ I bầu ra.

6) Giáo hội quan tâm giáo dục giáo lý, đạo đức Phật giáo cho nam nữ Phật tử, kể cả các cháu con em Phật tử cần tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt điều đó.

7) Thông qua danh sách tấn phong giáo phẩm, gồm 65 Hòa thượng, 130 Thượng tọa, 13 Ni trưởng, 108 Ni sư.

8) Thông qua các văn kiện:

- Thư gửi Cục Tổng Bí thư Trung ương Đảng.

- Thư gửi Cục Chủ tịch nước, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Thư gửi Cục Thủ tướng Chính phủ.

- Thư gửi Tăng ni Phật tử trong và ngoài nước.

Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 1992

TM ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

Chủ tịch

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 1992

**KÍNH GỬI: CỤ ĐỒ MƯỜI
TỔNG BÍ THƯ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Kính thưa Cụ,

Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ III qui tụ hơn 200 đại biểu tăng ni phật tử từ khắp các tỉnh, thành trong toàn quốc về dự đã chăm chú lắng nghe bức thư của Cụ gửi tới Đại hội, và rất cảm kích về niềm tin tưởng của Cụ Tổng Bí thư đối với Đại hội cũng như đối với truyền thống đoàn kết yêu nước và gắn bó với dân tộc của Phật giáo Việt Nam.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ cố gắng hết sức mình để làm cho truyền thống tốt đẹp đó sống mãi và ngày thêm phong phú.

Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng tin tưởng rằng : Vinh quang và giàu mạnh cho dân tộc Việt Nam ; độc lập - tự do và hạnh phúc cho con người Việt Nam là điều gặp gỡ giữa tất cả mọi người Việt Nam trên mảnh đất Việt Nam thân yêu này.

Với niềm tin đó, Đại hội xin bày tỏ một lần nữa với Cụ Tổng Bí thư lòng biết ơn chân thành về bức thư của Cụ, về những tình cảm cao quý, tốt đẹp của Cụ đối với Phật giáo Việt Nam.

Xin gửi đến Cụ lời chào trân trọng. Kính chúc cụ luôn luôn mạnh khỏe để lãnh đạo toàn dân trong đó có Phật giáo chúng tôi xây dựng đất nước phồn vinh thịnh vượng.

TM ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
Chủ tịch

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

THƯ CỦA ĐẠI HỘI LẦN THỨ III GỬI TĂNG NI PHẬT TỬ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

KÍNH THƯA CHƯ TÔN ĐỨC HÒA THƯỢNG, THƯỢNG TỌA,
ĐẠI ĐỨC, TĂNG NI VÀ QUÝ PHẬT TỬ

TRONG lúc Tăng ni Phật tử toàn quốc và nhiều nơi trên thế giới hướng về và gửi đến Đại hội toàn quốc lần thứ III Giáo hội Phật giáo Việt Nam lòng tin tưởng, lời cầu chúc và tình cảm nồng nhiệt.

Đại hội đã vinh dự được Cụ Tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười gửi thư chào mừng Đại hội với lời khẳng định : "Giáo hội Phật giáo Việt Nam với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội" đã thể hiện ý chí hòa hợp, đoàn kết thống nhất và góp phần vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đạt được nhiều thành tích mà Đảng, Nhà nước và nhân dân hết sức hoan nghênh.

Đại hội cũng vinh dự được đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh do Chủ tịch nước Lê Đức Anh tặng cho Giáo hội, biểu dương công lao thành tích của Tăng ni, Phật tử cả nước đã góp phần tích cực cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu hùng mạnh.

Đại hội đã làm việc với tinh thần đoàn kết, nhất trí và dân chủ được thể hiện rõ nét trong suốt thời gian diễn biến Đại hội. Nội dung các báo cáo tham luận, thảo luận và đề cương hoạt động nhiệm kỳ III của Hội đồng Trị sự đã một lần nữa xác định tính chất hòa hợp, đoàn kết vững mạnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Một số điểm cơ bản được Đại hội nhấn mạnh, xem như là nền tảng cho sự ổn định, hướng phát triển và hoạt động trước mắt của Phật giáo Việt Nam trong mối hài hòa giữa Đạo và Đời mà Giáo hội nhận thấy cần nêu ra đây đề thông tri và kêu gọi Tăng ni Phật tử trong và ngoài nước thông hội, tán đồng và thực hiện.

1) - Phật giáo Việt Nam quyết tâm phát huy truyền thống đoàn kết hài hòa các Hệ phái Phật giáo cùng chăm lo Phật sự trên tinh thần tôn trọng Hiến chương của Giáo hội. Sau hơn 10 năm được thành lập, Giáo hội đã đạt được những thành quả tốt đẹp, cụ thể trong nhiệm kỳ vừa qua, Phật giáo Việt Nam đã



bước vào một giai đoạn phát triển mới, thành đạt nhiều Phật sự mà nhiều người nghĩ rằng phải có thời gian lâu dài mới thực hiện được, như việc thành lập Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phân Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, hình thành được 8 tập kinh trong kế hoạch thực hiện bộ Đại tạng kinh Việt Nam, thiết lập được 17 Trường Cơ bản Phật học trong cả nước cùng với Trường Cao cấp Phật học Việt Nam là những cơ sở đào tạo Tăng tài cho giai đoạn phát triển mới. Giáo hội qua những thành quả đã được sự nhiệt tình ủng hộ của đông đảo Tăng ni Phật tử. Giáo hội vẫn luôn luôn tri ân sâu xa những tình cảm quý báu, những giúp đỡ thiết thực và những ý kiến đóng góp xây dựng để củng cố và phát triển.

2) - Giáo hội nỗ lực nêu cao ngọn đuốc Từ bi và Trí tuệ của Đức Bồ đề sư, đến với hết thảy chúng sanh, vì hạnh phúc, an lạc và lợi ích của chúng sanh, nên luôn luôn ủng hộ và kêu gọi Tăng ni Phật tử trong và ngoài nước hợp tác và xây dựng cõi tịnh lạc nhân gian trên Tờ quốc Việt Nam và toàn thế giới. Giáo hội nhận định sự chia rẽ, hận thù là sản phẩm của Tam độc Tham-Sân-Si, cội gốc của luân hồi đau khổ. Giáo hội thiết tha mong cầu mọi bất đồng được giải quyết trong niềm thông cảm, tình thương và tôn trọng lý tưởng cao cả : Mỗi người là một vị Phật sẽ thành.

3) - Giáo hội nhận định rằng hạnh phúc được tìm thấy trong sự bình an, thanh tịnh của tâm linh và môi trường sinh thái lành mạnh. Giáo hội ủng hộ các phong trào bảo vệ môi sinh, chống những hành vi gây tác hại cho thiên nhiên, xã hội và vạn loại chúng sanh trên hành tinh này. Giáo hội luôn khuyến khích một đời sống có đạo đức trong sáng, tránh những hành động gây ô nhiễm môi trường tâm linh như tham dục, sân hận và si muội đưa đến tồn tại cho tình đoàn kết dân tộc và hòa bình trên thế giới.

4) - Đạo Phật là con đường thoát khổ, người tu sĩ và cư sĩ Phật giáo cần lấy lý trí của Đức Từ phụ làm tiêu bản để tu tâm, hành thiện vì lợi ích của mình và người. Trước những làn sóng bạo lực, sa đọa đạo đức ở khắp nơi trên thế giới đang gia tăng ; trước những đau khổ vì bệnh tật, đói nghèo, những tai họa tang tóc do chiến tranh và thiên nhiên gây nên, những người con Phật cần thanh tịnh mình bằng giới hạnh, nêu cao Đạo đức Phật giáo, hoằng dương chánh pháp ; mặt khác, cần đi vào quần chúng nhân dân với đạo tâm trong sáng thể hiện trong những công tác từ thiện xã hội để tự trồng công đức, chan hòa, khuyến thiện, chia sẻ và làm giảm phần nào nỗi khổ đau của các chúng sanh.

Giáo hội một lần nữa thiết tha kêu gọi Chư Tăng ni và Phật tử trong, ngoài nước đoàn kết gắn bó, cùng với Giáo hội chăm lo Phật sự. Giáo hội ý thức rõ ràng việc nêu cao chánh pháp, phát triển Phật giáo, xây dựng Giáo hội, góp phần xây dựng đất nước, ổn định hòa bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển trên toàn thế giới là trách nhiệm chung của mọi cá nhân trong cộng đồng Phật giáo.

Những điều nêu trên, Giáo hội chân thành tin tưởng sự tán đồng của Chư Tăng ni, Phật tử trong và ngoài nước sẽ được thể hiện qua những đóng góp cụ thể nhằm thành tựu viên mãn hạnh nguyện hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sanh.

Trong khi dư âm về sự thành công của Đại hội Phật giáo lần thứ III còn vang vọng, Giáo hội xin được chia sẻ niềm hoan hỉ này đến chư Tăng ni và Phật tử trong nước và hải ngoại, xin bày tỏ đạo tình thân thiết với quý vị và chúc quý vị thâm tâm thường an trong Phật pháp và Phật sự.

NAM MÔ BỒ ĐỀ SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

**ĐẠO
TỪ
CỦA
HÒA
THƯỢNG
PHÁP
CHỦ
THÍCH
ĐỨC
NHUẬN
ĐỌC TẠI
ĐẠI HỘI LẦN THỨ III
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



3 Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Văn Tửu thay mặt Nhà nước
gắn Huân chương Hồ Chí Minh cho Hòa thượng Pháp chủ
GHPGVN

Nam mô Bốn Sư Thích Ca
Mâu Ni Phật !

Kính thưa Quý vị Khách quý,

Kính bạch Chư vị Tôn túc
Hòa thượng, Thượng tọa,

Đại đức Tăng ni,

Cùng Quý Đạo hữu Phật tử
trong và ngoài nước.

Qua hai ngày tập trung trí tuệ
và công sức để làm việc, hôm nay
Quý vị Tôn túc cùng Chư vị Tăng
ni, cư sĩ Phật tử đại biểu Đại hội
đã hoàn thành trọng trách mà
Tăng ni, Phật tử Việt Nam ở
trong và ngoài nước giao phó. Tôi
có lời tán thán công đức của Chư
vị.

Tôi cũng có lời tán thán công
đức chư Tăng ni, Phật tử khắp
mọi miền đất nước và ở ngoài
nước đã hướng về Đại hội và đã
đóng góp tài trí, công sức, vật lực
cho Đại hội.

Đại hội của chúng ta thành
công tốt đẹp trong không khí hòa
hợp, đoàn kết, thống nhất là một
sự cổ vũ lớn đối với Tăng ni, Phật
tử Việt Nam.

Nhiệm kỳ II vừa qua Giáo hội
ta làm được nhiều việc tốt lợi đạo
ích đời như đã được Đại hội ghi
nhận, thể hiện truyền thống Phật
giáo Việt Nam gắn bó với Dân
tộc ngày càng được tô bồi vun
đắp.

Tôi mong rằng Chư vị Tôn túc
Hòa thượng, Thượng tọa, Đại
đức, Tăng ni, cư sĩ Phật tử sẽ
đem tinh thần của Đại hội về các
địa phương trong nước cũng như
ngoài nước cùng toàn thể Tăng
ni, cư sĩ tiếp tục sứ mệnh hoàng
đương Phật pháp, đào tạo Tăng
tài, hướng dẫn việc tu học cho
các hàng Phật tử làm cho Đạo
pháp ngày càng xương minh,
đồng thời đóng góp tích cực trí

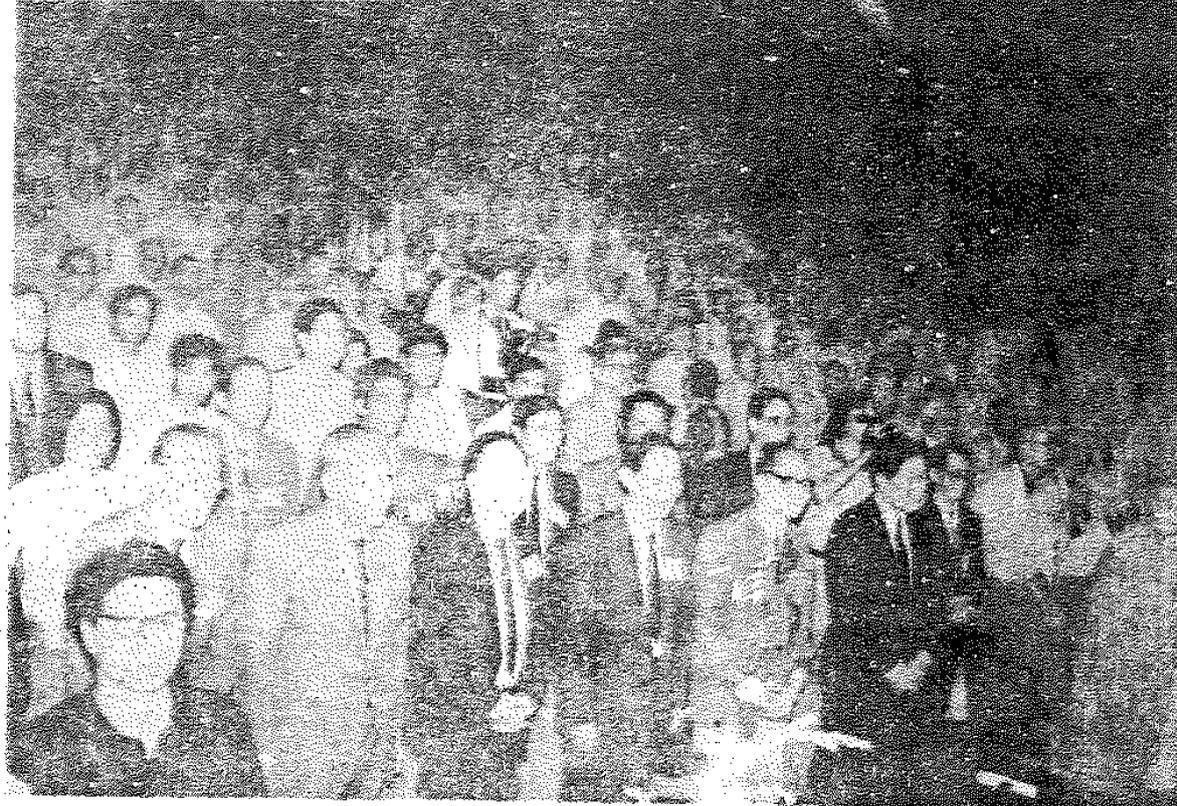
tuệ, công sức, tài vật cho công
cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ
Tổ quốc trên bước đường phát
triển hiện nay.

Nhân dịp này, thay mặt Giáo
hội, tôi xin bày tỏ lòng tri ân đối
với Đảng, Nhà nước và Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam đã quan tâm
ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp
hoàng pháp lợi danh của Phật
giáo Việt Nam.

Tôi cũng xin cảm ơn Quý vị
Khách quý đã tới dự với Đại hội
làm cho Đại hội của chúng tôi
được thành tựu viên mãn. Xin
kính chúc Quý vị dồi dào sức
khỏe.

Cầu Chư Phật gia hộ cho chư
vị Tôn túc, chư Tăng ni, cư sĩ
Phật tử thân tâm thường an lạc.

Nam mô thường tinh tiến Bồ
tát Ma-ha-tát !



DIỄN VĂN BẾ MẠC

Kính thưa chư vị khách quý,

Kính bạch Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng ni cùng quý cư sĩ.

Kính thưa Đại hội,

Hai ngày làm việc nghiêm túc bằng công sức và trí tuệ đã trôi qua, khoảng thời gian tuy ngắn ngủi, nhưng Đại hội đã làm được nhiều việc quan trọng. Đó là nhìn lại quá trình hoạt động 5 năm của nhiệm kỳ vừa qua. Đại hội đã đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác, đề xuất ý kiến, thảo luận, bổ sung nhân sự, toàn thiện các quy chế, tổ chức và đã đề ra một chương trình hành động cụ thể cho nhiệm kỳ III. Tinh thần đoàn kết hòa hợp, dân chủ đã được thể hiện suốt diễn trình của Đại hội.

Những báo cáo, tham luận rất trung thực và phong phú, trong đó có những đề xuất hợp lý mà Giáo hội nhận thấy cần phải giải quyết ngay để công tác Phật sự được tiến hành thuận lợi. Có những phản ánh đề xuất mà Giáo hội không thể giải quyết ngay được, nhưng cũng đã nêu được phương hướng giải quyết trong một thời gian không xa. Giáo hội ghi nhận vẫn còn những khó khăn trước mắt, cụ thể như ở một số địa phương còn chưa được đoàn kết chặt chẽ, nhưng Giáo hội tin rằng chúng ta còn có dịp ngồi lại để thông cảm nhau. Chúng ta đã thống nhất thành một Giáo hội, kết hợp mọi tông

môn hệ phái, điều mà Giáo hội ở các nước trên thế giới chưa thể làm được ; chúng ta có truyền thống hòa hợp của tăng già ; đó là chưa kể luật tắc "Như thảo phú địa" mà Đức Bôn sư đã dạy để áp dụng trong những trường hợp khó giải quyết về hòa hợp, nhằm bỏ qua hết những bất đồng, bắt tay nhau cùng gánh vác Phật sự, vì sự phát triển của Phật giáo Việt Nam và xu hướng phát triển của đất nước, của thời đại.

Ôn lại quá trình hoạt động của Giáo hội trong hơn 10 năm qua, đặc biệt là trong nhiệm kỳ vừa qua, hẳn không ai trong chúng ta có thể phủ nhận Phật giáo Việt Nam đang từng bước ổn định. Đó là sự vững vàng, lớn mạnh về tổ chức nhân sự và những thành quả mà các bản báo cáo đã nêu rõ : Số lượng và chất lượng của các giới đàn ; sự ra đời của Trường Cao cấp Phật học Việt Nam gồm 2 cơ sở ; của Viện và Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ; của 17 Trường Cơ bản Phật học trên cả nước ; của những hoạt động quốc tế càng lúc càng vững mạnh ; của những tập Kinh đầu của Bộ Đại tạng Kinh Việt Nam ; của các Tuệ Tĩnh đường... cũng như sự lớn mạnh của phong trào tu tập của quần chúng Phật tử, phong trào nghiên cứu Phật học của giới học giả, giáo sư, các nhà chuyên môn ở nhiều lãnh vực khác nhau. Tất cả là những nét đậm tô điểm cho Phật giáo Việt Nam trong mỗi hài hòa với hướng đi lên của đất nước. Những thành quả này đã



Ông Phạm Đức Tiếp, Chủ tịch UBND thị xã Ưông Bí trao tặng tài liệu về Yên Tử cho Hòa thượng Thích Thiện Siêu Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN

khẳng định khả năng, uy tín của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là động cơ mạnh mẽ làm cơ sở cho chánh kiến về hồng pháp độ sanh của người con Phật.

Giáo hội xin ghi nhận công đức to lớn của chư tôn đức, tăng ni Phật tử trong và ngoài nước đã hướng đến Phật giáo và Tổ quốc Việt Nam, đã tán đồng chương trình hoạt động của Giáo hội, đã ra sức xây dựng đóng góp Phật sự để Giáo hội càng thêm vững mạnh. Giáo hội xúc động vì những thành quả mà giới Phật giáo đã thu đạt và được phản ánh qua các báo cáo và vì bầu không khí trang nghiêm, đoàn kết đầy đạo vị cũng như nội dung phong phú và súc tích của Đại hội, những lãng hoa, những quà tặng, những thư gởi, điện mừng trao đến Đại hội của Chư vị đại diện Đảng, Nhà nước và Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và cá nhân ở trong và ngoài nước và nhất là sự hiện diện vô cùng quý báu của Chư vị khách quý, của Chư vị Đại biểu sứ quán các nước bạn. Đây quả là những ngọn nến, những bông hoa tươi đẹp nhất, đầy khích lệ, đầy tính thuyết phục làm trang nghiêm Đại hội.

Kính thưa Đại hội,

Thủ đô Hà Nội đã mở lòng đón nhận một cách nồng hậu những người con Phật từ khắp các miền của đất nước Việt Nam thân yêu về bàn thảo Phật sự, tìm cách bồi đắp Phật giáo, xây dựng đất nước. Đại hội sắp kết thúc, các vị Đại biểu lại trở về các địa phương mình để phổ biến những vang vọng về sự thành công của Đại hội, để tất cả cùng ra sức

thực hiện theo Nghị quyết, chương trình hành động mà Đại hội đã nêu ra.

Giáo lý nguyên khởi của Đức Phật dạy ta mối liên hệ mật thiết và vô lượng giữa các sự vật, bởi thế chúng ta không thể thực hiện các Phật sự mà không đề ý đến mối tương quan duyên với hoàn cảnh của đất nước và của thời đại. Đất nước ta đang đi vào vận hội mới : Đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết toàn dân, đổi mới, ổn định, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thế giới đang đi vào vận hội mới : Đoàn kết, hòa bình, bảo vệ môi sinh, hợp tác phát triển, đưa nhân loại đến thiên niên kỷ mới tốt đẹp hơn. Hai xu hướng này quả thực rất phù hợp với lý tưởng Phật giáo : Vì hạnh phúc, an lạc và lợi ích của hết thảy chúng sinh. Như thế, chúng ta đã có phương châm, tiêu bản cho hành động lợi Đạo ích Đời.

Nguỡng mong Tam Bảo gia hộ cho Phật sự của chúng ta được thành tựu viên mãn. Nguỡng mong chư Phật hộ trì cho toàn thể quý vị được thân tâm thường an lạc.

Chúng tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội kỳ III của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trân trọng kính chào Đại hội.

Xin cảm ơn toàn thể quý vị.

Nam-mô thường tinh tấn Bồ-tát Ma-ha-tát.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1059/NC

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 1992

V/v chấp thuận Hiến chương
sửa đổi của Giáo hội Phật
giáo Việt Nam.

Kính gửi BAN TÔN GIÁO CỦA CHÍNH PHỦ

Xét đề nghị của Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (công văn số 398-CV/HĐTS ngày 12 tháng 11 năm 1992) và của Ban Tôn giáo của Chính phủ (công văn số 435-CV/TGCP, ngày 08/12/1992), Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Hiến chương sửa đổi của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và thành phần nhân sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Đại hội lần thứ III của Giáo hội suy tôn và suy cử.

Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm cho Ban Tôn giáo của Chính phủ thông báo cho Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo Hiến chương sửa đổi.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo Ban Tôn giáo của Chính phủ biết và thực hiện.

Lưu : NC, TH,
Văn thư.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VĂN
PHÒNG CHÍNH PHỦ

LÊ XUÂN TRINH

**BAN TÔN GIÁO
CỦA CHÍNH PHỦ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

53 Tràng Thi

Dn : 2.56300 - 2.66446 Hà Nội

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1992

Số : 471 TB/TGCPV/v.

Chấp thuận Hiến chương và thành
phần nhân sự Trung ương Giáo hội
Phật giáo Việt Nam

Kính gửi : **HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG**
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thừa ủy nhiệm của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1659/NC
ngày 25-12-1992 của Văn phòng Chính phủ,

Ban Tôn giáo của Chính phủ thông báo :

Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Hiến chương sửa đổi của Giáo hội
Phật giáo Việt Nam và nhân sự Hội đồng Chứng minh và hội đồng Trị
sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn
quốc lần thứ III của Giáo hội suy tôn và suy cử.

Ban Tôn giáo của Chính phủ thông báo Giáo hội biết và thực hiện.

TRƯỞNG BAN

NOI NHẬN :

VŨ QUANG

- Như trên ;
- Văn phòng Chính phủ, các Bộ
và cơ quan ngang Bộ, cơ quan
thuộc Chính phủ có liên quan ;
- UBND các tỉnh, thành phố ;
- Lưu : TH, PG, ĐN, VT.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III GHPGVN ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT HÒA HỢP VÀ THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

Hòa thượng KIM CƯƠNG TỬ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III GHPGVN họp tại Cung Văn hóa hữu nghị Việt - Xô, Thủ đô Hà Nội ngày 3 và 4 tháng 11 năm 1992 thành công tốt đẹp, với sự hiện diện của 200 đại biểu chính thức, 53 quan sát viên, 10 khách mời tiêu biểu trong nước, đại diện cho tăng ni phật tử 40 đơn vị tỉnh, thành hội Phật giáo trong cả nước và đại diện Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Giáo hội cũng mời 7 đại biểu đại diện cho tăng ni phật tử Việt Nam ở nước ngoài, cùng với trên 1000 khách mời danh dự và phật tử Hà Nội và một số tỉnh, thành phố về dự Đại hội.

Trong hai ngày Đại hội, tiến trình diễn ra như sau :

Đúng 7 giờ 30 cử hành lễ Phật cầu gia bị tại chính điện Chùa Quán Sứ - Hà Nội, sau đó toàn thể đại biểu và tân khách cùng tín đồ, phật tử đã đi bộ kinh hành về Hội trường Cung Văn hóa để cử hành nghi thức khai mạc Đại hội.

Sau phần thủ tục khai mạc, Đại hội đã lần lượt nghe trình bày các văn kiện, gồm :

- Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động của nhiệm kỳ II của Giáo hội (1987 - 1992).

- Báo cáo hoạt động quốc tế nhiệm kỳ II (1987 - 1992).

- Báo cáo dự kiến chương trình hoạt động nhiệm kỳ III (1992 - 1997), chương trình gồm 7 điểm.

Sau đó là 32 bản tham luận của tập thể và cá nhân đại diện cho các ban ngành ở Trung ương và các đơn vị tỉnh, thành hội trong cả nước và ở nước ngoài.

Hòa thượng Pháp chủ Thích Đức Nhuận đã ban đạo từ khuyến cáo tăng ni, phật tử.

Đại hội đã đồng tâm nhất trí suy tôn Ban Thường trực và hội đồng Chứng minh ; suy cử Hội đồng Trị sự và Ban Thường trực để điều hành hoạt động của Giáo hội nhiệm kỳ III ; Tấn phong giáo

phẩm 65 Hòa thượng, 130 Thượng tọa, 18 Ni trưởng, 108 Ni sư.

Sự kiện nổi bật trong Đại hội là : ngày khai mạc Đại hội, Cụ tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười gửi thư chào mừng Đại hội, trong thư cụ Tổng bí thư đã khẳng định : Lịch sử Phật giáo hàng nghìn năm qua luôn gắn bó với dân tộc trong lúc thanh bình cũng như lúc đất nước bị xâm lược, mong tăng ni, phật tử cả nước cùng toàn dân đưa đất nước tiến lên. Cũng trong buổi khai mạc, Giáo hội đã vinh dự được đón nhận Huân chương cao quý của Nhà nước - Huân chương Hồ Chí Minh, với công lao đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Phật giáo Việt Nam. Cụ Nguyễn Khánh, Phó thủ tướng Chính phủ, thay mặt Nhà nước đến trao Huân chương và chào mừng Đại hội. Ngày 05 tháng 11 năm 1992, sau khi Đại hội kết thúc tốt đẹp các đại biểu đã đến chào cụ tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười ; đến chào cụ Chủ tịch nước Lê Đức Anh, cụ Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, cùng ngày các đại biểu đã đến thăm Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thăm Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội.

Tiếp đó là hai ngày 6 và 7 tháng 11, các đại biểu hành hương về chiêm bái Khu di tích của dòng Thiền Việt Nam - Thiền phái Trúc Lâm tại Yên Tử, Quảng Ninh. Mọi người đều xúc động tưởng nhớ tới các vị tổ sáng lập dòng Thiền Việt Nam làm rạng rỡ cho non sông đất nước và cho lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Một điều đặc biệt nữa trong Đại hội III là một số tòa đại sứ đóng tại Hà Nội đã được mời tới dự và theo dõi trong buổi khai mạc, đánh dấu một sự mở ra trong quan hệ quốc tế rộng rãi của Phật giáo Việt Nam trong tương lai.

Với không khí làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Đại hội đã thành tựu viên mãn.

Sau đây là một số nét nổi lên :

Trước hết phải nói đến tinh thần đoàn kết hòa hợp và thống nhất. Trong Hội trường với trên 1000 chỗ ngồi, lúc nào cũng đông đủ nghiêm trang, tập trung trí tuệ, dân chủ phát biểu ý kiến có trật tự và nghiêm túc được mọi người theo dõi lắng nghe và được ghi chép thành văn bản lưu lại cho Giáo hội nghiên cứu vận dụng. Các hệ phái Bắc tông, Nam tông, Phật giáo Khơ me Nam Bộ... Các ban ngành chuyên môn, đại diện các tỉnh thành hội đồng góp được nhiều ý kiến bổ sung báo cáo tổng kết, chương trình hoạt động và kiến nghị những biện pháp thực hiện cho nhiệm kỳ III.

Hai là : những việc cụ thể của Giáo hội đã được đưa ra bàn bạc dân chủ và đã được đại hội chấp thuận, như việc Hiến chương sửa đổi đã được đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua nhiều vấn đề quan trọng cho phù hợp với bước phát triển mới của Giáo hội. Đại hội cũng khẳng định phương châm hoạt động được Giáo hội xác lập từ khi thành lập là sáng suốt và đúng đắn, Giáo hội tiếp tục duy trì thực hiện.

Ba là : Đại hội tổng kết đánh giá rút ra được nhiều bài học bổ ích cho nhiệm kỳ tới, đó là việc Giáo hội chú trọng đến việc giáo dục đào tạo tăng tài, xây dựng lực lượng kế cận hoằng tri chánh pháp, phục vụ dân tộc và đất nước, xây dựng được hệ thống trường lớp đào tạo từ cơ bản đến cao cấp Phật học, nhờ vậy ngày nay ở các tỉnh đã có một lực lượng hoạt động cho sự nghiệp của Giáo hội, tuy chưa nhiều nhưng đã có người gánh vác.

Việc nghiên cứu san định kinh sách được đẩy mạnh, nhiều kinh điển giáo lý đã được dịch và xuất bản phổ biến trong tăng ni phật tử làm cho giới Phật tử tại gia dễ tìm hiểu tu học. Đại tạng kinh Việt Nam được tổ chức phiên dịch và xuất bản là một sự kiện rõ nét trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Đi đôi với việc đào tạo tăng tài, phổ biến kinh sách, giảng dạy giáo lý, Giáo hội đã quan tâm đến hoạt động Từ thiện xã hội, tổ chức hệ thống Tuệ Tĩnh đường chữa trị bệnh cho nhân dân, giúp đỡ người nghèo khổ ốm đau ; tổ chức cứu trợ nơi bị thiên tai bão lụt, những người tàn tật, trẻ mồ côi, đã thu hút được nhiều nhà hảo tâm tham gia hoạt động góp một phần lợi ích cho xã hội.

Một điều mà tất cả các đại biểu đều tâm đắc, đó là thành quả của Giáo hội qua 10 năm xây dựng và phát triển sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam trong cả nước là một bước phát triển mới chói lọi trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, vì thế Phật giáo Việt Nam ngày càng có uy tín ở trong nước và trên thế giới, cũng nhờ vậy Phật giáo Việt Nam lại tiếp nối và phát huy truyền thống tốt đẹp - truyền thống yêu nước gắn bó với dân tộc của Phật giáo Việt Nam được thể hiện rõ nét trong những năm qua, tăng ni phật tử đã hòa nhập trong cộng đồng dân tộc khắc phục và vượt qua mọi khó khăn, góp phần giữ vững và ổn định xã hội, góp phần củng cố đạo đức xã hội được nhân dân và Nhà nước đánh giá cao sự cống hiến của Giáo hội.

Tăng ni, phật tử Việt Nam ta cũng nhận rõ đất nước phát triển phồn vinh thì Phật giáo hưng thịnh và phát triển. Ngày nay đất nước đang đi vào thế ổn định và vươn lên trong tình thế thuận lợi. Mọi tăng ni, phật tử vô cùng phấn khởi trước thành công rực rỡ của Đại hội, của sự đổi mới toàn diện đề đi lên của đất nước, chúng ta tin tưởng rằng nhiệm kỳ III của Giáo hội (1992 - 1997) sẽ thành tựu được nhiều Phật sự trọng đại với tầm vóc lịch sử. Mọi tăng ni, phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta cần phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất theo tinh thần lục hòa cộng trụ, phục vụ chúng sinh phục vụ dân tộc và đất nước.



12 Hòa thượng Chủ tịch HĐTS GHPGVN cắt băng khai mạc triển lãm những hình ảnh hoạt động Phật sự nhiệm kỳ II của GHPGVN

BAN THƯỜNG TRỰC

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Pháp chủ :
Phó Pháp chủ kiêm Giám luật :
Phó Pháp chủ :
Phó Pháp chủ :
Phó Pháp chủ :
Phó Pháp chủ kiêm Chánh thư ký :

Hòa thượng Thích Đức Nhuận
HT Thích Trí Tịnh
HT Thạch Xom
HT Mahasaray
HT Huệ Thành
HT Giác Nhu
HT Thích Tâm Tịch

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1. Hòa thượng Thích Đức Nhuận
2. Hòa thượng Thích Bửu Ý
3. Hòa thượng Thích Bửu Ngọc
4. Hòa thượng Châu Mun
5. Hòa thượng Danh Nhưõng
6. Hòa thượng Thích Đạt Hào
7. Hòa thượng Thích Giác Nhu
8. Hòa thượng Thích Giải An
9. Hòa thượng Thích Hồng Năng
10. Hòa thượng Thích Huệ Thành
11. Hòa thượng Thích Hưng Dụng
12. Hòa thượng Thích Minh Nhuận
13. Hòa thượng Mahasaray
14. Hòa thượng Thích Minh Luân
15. Hòa thượng Thích Pháp Lan
16. Hòa thượng Thích Quảng Kim
17. Hòa thượng Thích Thanh Khái
18. Hòa thượng Thích Thiện Phú
19. Hòa thượng Thích Trí Tấn
20. Hòa thượng Thích Trí Nghiêm
21. Hòa thượng Thích Thanh Ban
22. Hòa thượng Thích Thiện Hào
23. Hòa thượng Thích Tâm Tịch
24. Hòa thượng Thích Thiện Khái
25. Hòa thượng Thích Trí Tịnh
26. Hòa thượng Thích Tác Châu
27. Hòa thượng Thạch Xom
28. Hòa thượng Thích Thanh Hào
29. Hòa thượng Thích Từ Huệ
30. Hòa thượng Thích Trí Đức
31. Hòa thượng Tăng Đức Bồn
32. Hòa thượng Thích Trí Giác
33. Hòa thượng Võ Văn By

Hà Nội
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Sóc Trăng
Kiên Giang
Tp. Hồ Chí Minh
Bà Rịa - Vũng Tàu
Quảng Ngãi
Tp. Hồ Chí Minh
Đồng Nai
Thừa Thiên - Huế
Tp. Hồ Chí Minh
Trà Vinh
Hải Hưng
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Nam Hà
Tp. Hồ Chí Minh
Sông Bé
Khánh Hòa
Nam Hà
Tp. Hồ Chí Minh
Hà Nội
Đồng Nai
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Trà Vinh
Ninh Bình
Tiền Giang
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Quảng Nam - Đà Nẵng
An Giang

Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 1992

TM. ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- | | |
|---|-----------------------------|
| 1. Chủ tịch kiêm Trưởng ban Tăng sự | : HT Thích Trí Tịnh |
| 2. Phó chủ tịch thường trực kiêm Trưởng Ban Giáo dục Tăng ni | : HT Thích Thiện Siêu |
| 3. Phó chủ tịch thường trực | : HT Kim Cương Tử |
| 4. Phó chủ tịch thường trực | : HT Thích Thiện Hòa |
| 5. Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký kiêm Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế | : HT Thích Minh Châu |
| 6. Phó chủ tịch kiêm Phó trưởng ban Tăng sự | : HT Thích Tâm Thông |
| 7. Phó chủ tịch | : HT Thích Bửu Ý |
| 8. Phó chủ tịch | : HT Thích Siêu Việt |
| 9. Phó chủ tịch | : HT Châu Mun |
| 10. Phó tổng thư ký | : HT Thích Hiền Pháp |
| 11. Phó tổng thư ký | : TT Thích Thanh Tứ |
| 12. Ủy viên thư ký | : TT Thích Thanh Nhiễu |
| 13. Ủy viên thư ký | : TT Thích Thiện Nhơn |
| 14. Ủy viên thư ký | : Cư sĩ Trần Khánh Dư |
| 15. Ủy viên thư ký | : Cư sĩ Bùi Đức Hải |
| 16. Trưởng ban hướng dẫn nam nữ Phật tử | : TT Thích Thiện Duyên |
| 17. Trưởng ban Hoằng pháp | : TT Thích Trí Quảng |
| 18. Trưởng Ban Nghi Lễ | : HT Thích Thuận Đức |
| 19. Trưởng Ban Kinh tế tài chánh | : HT Thích Thanh Kiềm |
| 20. Trưởng Ban Từ thiện xã hội | : HT Thích Thanh Viên |
| 21. Phó Trưởng ban Tăng sự | : HT Thích Từ Nhơn |
| 22. Phó Trưởng ban Tăng sự | : HT Danh Nhưông |
| 23. Trưởng ban văn hóa | : Cư sĩ Võ Đình Cường |
| 24. Ủy viên thủ quỹ | : Ni sư Thích nữ Ngoạt Liên |
| 25. Phó trưởng ban từ thiện xã hội | : Sư cô Thích nữ Huệ Từ |
| 26. Phó trưởng ban kinh tế tài chánh | : Cư sĩ Tăng Quang |
| 27. Ủy viên kiểm soát | : HT Thích Phồ Tuệ |
| 28. Ủy viên kiểm soát | : TT Thích Giác Toàn |
| 29. Ủy viên kiểm soát | : Cư sĩ Tống Hồ Cầm |

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 1992

TM. ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1. Hòa thượng Thích Trí Tịnh
 2. Hòa thượng Thích Thiện Hào
 3. Hòa thượng Thích Bửu Ý
 4. Hòa thượng Châu Mun
 5. Hòa thượng Thích Thiện Siêu
 6. Hòa thượng Kim Cương Tử
 7. Hòa thượng Thích Minh Châu
 8. Hòa thượng Thích Siêu Việt
 9. Hòa thượng Danh Nhưông
 10. Hòa thượng Thích Trí Tấn
 11. Hòa thượng Thích Tâm Minh
 12. Hòa thượng Thích Thuận Đức
 13. Hòa thượng Thích Tâm Thông
 14. Hòa thượng Thích Thanh Viên
 15. Hòa thượng Thích Phổ Tuệ
 16. Hòa thượng Thích Quảng Mẫn
 17. Hòa thượng Thích Minh Tâm
 18. Hòa thượng Thích Quang Thế
 19. Hòa thượng Thích Thanh Kiềm
 20. Hòa thượng Thích Từ Mẫn
 21. Hòa thượng Thích Huệ Thông
 22. Hòa thượng Tăng Đức Bồn
 23. Hòa thượng Thích Từ Nhơn
 24. Hòa thượng Thích Thanh Sam
 25. Hòa thượng Thích Thanh Tứ
 26. Thượng tọa Thích Thanh Dục
 27. Thượng tọa Thích Giác Toàn
 28. Hòa thượng Thích Từ Thông
 29. Hòa thượng Thích Hiền Pháp
 30. Thượng tọa Thích Trí Quảng
 31. Hòa thượng Thích Phước Minh
 32. Thượng tọa Thích Thiện duyên
 33. Thượng tọa Thích Trí Tâm
 34. Hòa thượng Thích Chánh Trực
 35. Hòa thượng Thích Minh Hạnh
 36. Thượng tọa Thích Thiện Châu
 37. Hòa thượng Thích Kế Châu
 38. Hòa thượng Dương Nhơn
 39. Thượng tọa Thích Đắc Pháp
 40. Hòa thượng Thích Trí Thành
 41. Hòa thượng Thích Đức Phương
 42. Thượng tọa Thích Đức Thanh
 43. Thượng tọa Thích Viên Thành
- Thành phố Hồ Chí Minh
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Tỉnh Sóc Trăng
 - Tỉnh Thừa Thiên - Huế
 - Thành phố Hà Nội
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Kiên Giang
 - Sông Bé
 - Hải Hưng
 - Nam Hà
 - Nam Hà
 - Hà Tây
 - Hà Tây
 - Thành phố Hải Phòng
 - Ninh Thuận
 - Quảng Nam - Đà Nẵng
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Lâm Đồng
 - Tiền Giang
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Hà Bắc
 - Thành phố Hà Nội
 - Thái Bình
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Cần Thơ
 - Quảng Nam - Đà Nẵng
 - Khánh Hòa
 - Quảng Trị
 - Thành phố Hồ Chí Minh
 - Chùa Trúc Lâm, Paris (Pháp)
 - Bình Định
 - Sóc Trăng
 - Vĩnh Long
 - Phú Yên
 - Thừa Thiên - Huế
 - Thừa Thiên - Huế
 - Hà Tây

44. Hòa thượng Thích Đạt Pháp
45. Thượng tọa Thích Thanh Nhiễu
46. Hòa thượng Thích Đức Trì
47. Thượng tọa Thích Thiện Nhơn
48. Đại đức Thích Bảo Nghiêm
49. Ni trưởng Thích nữ Diệu Không
50. Ni trưởng Thích nữ Đàm Đức
51. Ni sư Thích nữ Đàm Như
52. Ni sư Thích nữ Nguyệt Liên
53. Ni trưởng Thích nữ Như Ngọc
54. Sư cô Thích nữ Huệ Từ
55. Cư sĩ Võ Đình Cường
56. Cư sĩ Tống Hộ Cầm
57. Cư sĩ Huyền Chân
58. Cư sĩ Tăng Quang
59. Cư sĩ Trần Khánh Dư
60. Cư sĩ Bùi Đức Hải

- Long An
- Hà Nội
- Thừa Thiên - Huế
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Hà Nội
- Thừa Thiên - Huế
- Hà Nội
- Nam Hà
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Đồng Tháp
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

DANH SÁCH DỰ KHUYẾT THÀNH PHẦN NHÂN SỰ BỔ SUNG VÀO HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM CHỜ NHÀ NƯỚC CHUẨN Y

1. Hòa thượng Thích Thiện Khải
2. Hòa thượng Thích Thanh Kính
3. Hòa thượng Thích Kim Minh
4. Hòa thượng Thích Đồng Huy
5. Thượng tọa Thích Quang Huy
6. Thượng tọa Thích Chơn Thiện
7. Ni trưởng Thích nữ Huyền Học
8. Ni sư Thích nữ Đàm Nhung
9. Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn
10. Thượng tọa Thích Thiện Bình

- Đồng Nai
- Ninh Bình
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Bà Rịa - Vũng Tàu
- Đắk Lắk
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thanh Hóa
- Thành phố Hồ Chí Minh
- Khánh Hòa

TM ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 1992

TM ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU



Tổng bí thư Đỗ Mười
chụp ảnh lưu niệm với
đại biểu tại Phủ Chủ tịch



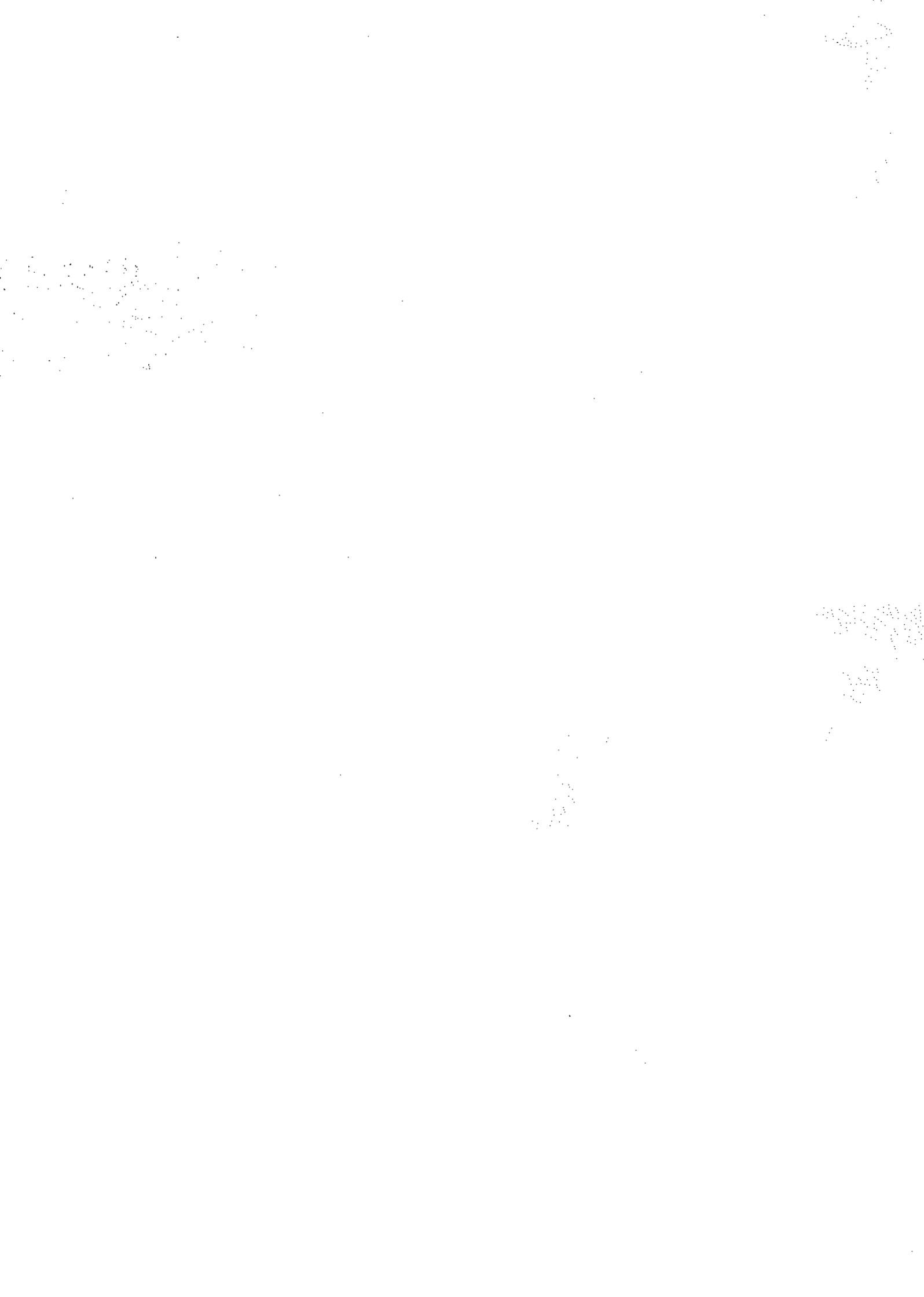
Chủ tịch nước Lê Đức Anh
và Thủ tướng Võ Văn Kiệt
tiếp các vị trong hàng giáo
phẩm lãnh đạo cao cấp
GHPGVN

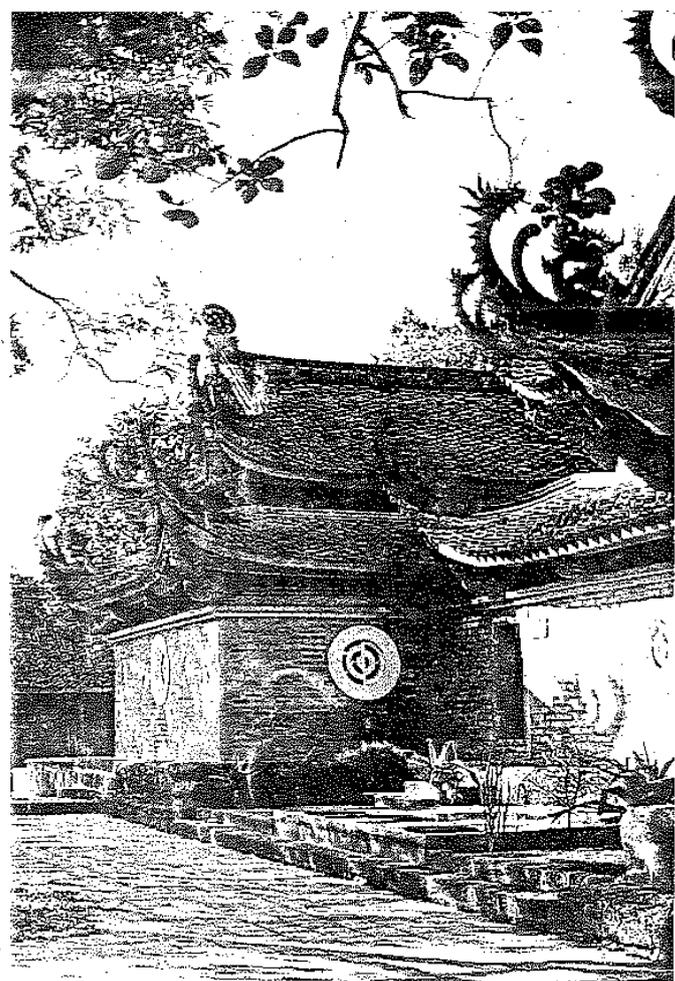


Chủ tịch nước
Lê Đức Anh và Thủ
tướng Võ Văn Kiệt chụp
ảnh lưu niệm với các đại
biểu Đại hội PGVN
lần thứ III

MỤC LỤC

1	Thư chúc tết của Hòa thượng Pháp chủ GHPGVN		2
2	Thư chúc tết của Hòa thượng Phân viên trưởng kiêm Trưởng ban biên tập Nội san Nghiên cứu Phật học		3
3	Phật luật học - phạm vi hành đạo của Thanh văn - La hán	HT Kim Cương Tử	4
4	Trích giảng tâm kinh Bát nhã Ba la mật	HT Thích Phổ Tuệ	8
5	Thượng sĩ Ngũ Lục trong văn hóa dân tộc	TT Thích Đức Nghiệp	15
6	Bài học chữ nhần của Đức Phật	Dương Thu Ái	27
7	Cảnh chùa (thơ)	Diệu Hương	32
8	Thơ về Yên Tử	Nguyễn Sinh	33
9	Thơ... Của 1 số tác giả		34
10	Đạo Phật Việt Nam và nghề y dược dân tộc	GSTS Đỗ Tất Lợi	35
11	Hình tượng và vẻ đẹp của tháp Bình Sơn	Ngô Văn Doanh	40
12	Thiền sư Cảm Thành - thế hệ thứ nhất thiền phái Vô Ngôn Thông (trích Thiền Uyển Tập anh)		45
13	Diễn văn khai mạc Đại hội III GHPGVN	HT Thích Trí Tịnh	47
14	Thư của cụ Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam gửi Đại hội III GHPGVN		51
15	Bài phát biểu của ông Phạm Văn Kiệt - phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký UBTWMTTQVN tại Đại hội III GHPGVN		52
16	Nghị quyết của Đại hội III GHPGVN		54
17	Thư của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III GHPGVN gửi cụ Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam		55
18	Thư của Đại hội III GHPGVN gửi tăng ni phật tử trong và ngoài nước		56
19	Đạo từ của Hòa thượng Pháp chủ đọc tại Đại hội III GHPGVN		58
20	Diễn văn bế mạc Đại hội III GHPGVN		59
21	Văn bản của Chính phủ chấp thuận Hiến chương sửa đổi của GHPGVN		61
22	Văn bản của Ban Tôn giáo Chính phủ chấp thuận Hiến chương sửa đổi và thành phần nhân sự GHPGVN		62
23	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III GHPGVN đoàn kết, thống nhất hòa hợp và thành công tốt đẹp	HT Kim Cương Tử	63
24	Danh sách nhân sự Hội đồng Chứng Minh và Hội đồng Trị sự GHPGVN		66





NỘI SAN

NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng biên tập : Hòa thượng : **KIM CƯƠNG TỬ**

Phó tổng biên tập : Thượng tọa : **THÍCH THANH TỬ**

Phó tổng biên tập kiêm trưởng ban biên tập

Giáo sư : **HÀ VĂN TẤN**.

Ban biên tập : **TRẦN KHÁNH DU**

Thượng tọa : **THÍCH VIÊN THANH, THÍCH GIA QUANG**

Trình bày và minh họa : **GIANG NGỌC THANH**

Tòa soạn và trị sự : Chùa Quán Sứ 73 Quán Sứ - Hà Nội

ĐT : 2.52427 Giấy phép xuất bản số 752/BC-GPXB.

In tại xưởng in Công Đoàn 191 Tây Sơn - Đống Đa Hà Nội